

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1629/CSPH-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2026

V/v Công bố thông tin Nghị quyết
và Biên bản họp Đại hội đồng cổ
đồng bất thường.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

- Mã chứng khoán: PHR
- Địa chỉ trụ sở: ấp 2A, xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 02743 657 111 Fax: 02743 657 110
- Email: tckt@phr.vn

2. Nội dung công bố thông tin:

Ngày 16 tháng 10 năm 2026 Công ty cổ phần cao su Phước Hòa công bố thông tin Nghị quyết số 63/2026/NQ-CSPH và Biên bản họp số 62/2026/BB-DHĐCĐCSPH.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của công ty vào ngày 16 tháng 10 năm 2026 tại đường dẫn: www.phr.vn/thông tin cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Nghị quyết, Biên bản họp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty;
- Lưu: VT, phòng TCKT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Võ Thanh Hải

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAO SU
PHƯỚC
HÒA

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC
HÒA
DN: C=VN, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC
HÒA, ST=Bình Dương, UID=
MST:3700147532
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.10.16
18:15:29
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2025.3.0

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/2026/NQ-CSPH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2026



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cao su Phước Hòa thông qua ngày 28 tháng 05 năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa ngày 16 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh và xác định lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa theo Tờ trình số 1608/TTr-CSPH ngày 14/10/2026

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 96.115.561 cổ phần, chiếm tỷ lệ 96,50236% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Tờ trình số 1609/TTr-CSPH ngày 14/10/2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 97.832.961 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,22667% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo Tờ trình số 1440/TTr-CSPH ngày 21/09/2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 99.599.164 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,99998% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 4. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 1483/TTr-CSPH ngày 30/09/2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 97.832.961 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,22667% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 5. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023–2028 theo Tờ trình số 1534/TTr-CSPH ngày 06/10/2026, cụ thể:

Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa nhiệm kỳ 2023–2028 đối với bà Nguyễn Thị Phi Nga theo Thư từ nhiệm.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 99.599.164 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,99998% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 6. Nghị quyết được Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2026 Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa thông qua toàn văn tại Đại hội. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc công ty, Cổ đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBCKNN;
- Sở giao dịch CK TP. HCM;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty;
- Các phòng ban, đoàn thể Công ty;
- Các đội sản xuất, Nhà máy chế biến;
- Công ty trực thuộc;
- Website công ty;
- Lưu: VT, HSĐH, TKHĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**




Huỳnh Kim Nhựt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62/2026/BB-ĐHĐCĐCSPH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2026



BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa
(Sau đây gọi là Công ty)

Mã chứng khoán: PHR

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Phước Hòa Sỡ, xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số doanh nghiệp: 3700147532

Vốn điều lệ: 2.438.977.990.000 đồng (Hai nghìn bốn trăm ba mươi tám tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ THÀNH PHẦN THAM DỰ HỌP:

Thời gian: Khai mạc lúc 09 giờ 00 phút, Thứ Sáu, ngày 16 tháng 10 năm 2026;

Địa điểm: Hội trường Trung tâm Văn hóa Thể thao Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, địa chỉ: Ấp Phước Hòa Sỡ, xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phần tham dự: Các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập vào ngày đăng ký cuối cùng 14/09/2026; Các ông/bà thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc; Lãnh đạo các phòng chuyên môn Công ty.

III. THỦ TỤC ĐẠI HỘI

1. Giới thiệu danh sách ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội gồm:

1.1 Ông Nguyễn Hồng Hà, Trưởng Ban kiểm soát Công ty - Trưởng ban

1.2 Ông Nguyễn Đình Cường, Trưởng phòng KHVTC Công ty - Thành viên

1.3 Bà Lê Thị Thùy Trang, Nhân viên phòng TCKT Công ty - Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Hà, Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026, lúc 9 giờ 10 phút. Tổng số cổ đông theo danh sách chốt là **4.897** cổ đông, đại diện cho **135.499.198** cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số cổ đông và đại diện ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là **37** đại biểu (gồm **24** cổ đông trực tiếp dự họp và **13** người dự họp theo ủy quyền), đại diện cho

99.599.184 cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm **73,50537%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó: cổ đông tổ chức là **12**, đại diện và sở hữu **98.033.046** cổ phần, chiếm **72,34954%**; cổ đông cá nhân là **46**, đại diện và sở hữu **1.566.138** cổ phần, chiếm **1,15583%**.

Như vậy Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần cao su Phước Hòa là hợp lệ, đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

2. Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban bầu cử - kiểm phiếu gồm:

2.1. Đoàn Chủ tọa Đại hội:

- Ông Huỳnh Kim Nhựt, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty - Chủ tọa
- Ông Trần Hoàng Giang, TV.HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
- Bà Nguyễn Thị Phi Nga, TV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty

Đoàn Chủ tọa Đại hội đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

2.2. Ban Thư ký Đại hội

- Bà Nguyễn Thị Bình Yên, Phó Phòng KHVT Công ty - Người Phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký HĐQT
- Ông Trần Hoàng - Nhân viên Phòng PTQLKCN

Ban Thư ký đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

2.3. Bầu Ban bầu cử - Kiểm phiếu

- Ông Trần Minh Hoàng, Trưởng phòng PCTT - Tổ trưởng
- Ông Nguyễn Đình Cường, Trưởng phòng KHVT - Thành viên
- Bà Lê Thị Thùy Trang, Nhân viên Phòng TCKT - Thành viên

Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

IV. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

1. Ông Huỳnh Kim Nhựt, Chủ tịch HĐQT Công ty thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội.

Nội dung Chương trình Đại hội đã được Đại hội thống nhất thông qua, với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.

Quy chế đại hội đã được Đại hội thống nhất thông qua, với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.

2. Ông Trần Hoàng Giang, thông tin thêm đến ĐHCĐ tình hình SXKD 9 tháng đầu năm 2026, phương hướng 3 tháng cuối năm 2026 của Công ty.

3. Đại hội thông qua các Tờ trình

3.1 Ông Trần Hoàng Giang, TV.HĐQT Công ty thông qua Tờ trình số 1608/TTr-CSPH ngày 14/10/2026 về việc điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh và xác định lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

3.2 Ông Huỳnh Kim Nhứt, Chủ tịch HĐQT Công ty thông qua Tờ trình số 1609/TTr-CSPH ngày 14/10/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

3.3 Bà Nguyễn Thị Phi Nga - Thành viên HĐQT Công ty thông qua Tờ trình số 1440/TTr-CSPH ngày 21/09/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và Tờ trình số 1483/TTr-CSPH ngày 30/09/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3.4 Ông Trần Hoàng Giang, TV.HĐQT Công ty thông qua tờ trình số 1534/TTr-CSPH ngày 06/10/2026 về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CPCS Phước Hòa nhiệm kỳ 2023-2028.

4. Đại hội thảo luận:

Đại hội tiến hành thảo luận các nội dung trình tại Đại hội.

Cổ đông tham dự Đại hội đã trao đổi, thảo luận và có ý kiến liên quan đến: kết quả kinh doanh 9 tháng và chỉ tiêu lợi nhuận năm (hợp nhất/công ty mẹ); doanh thu đền bù đất từ các dự án khu công nghiệp (THACO, VSIP); chi phí và đơn giá thuê đất nông nghiệp mới, tác động đến giá vốn sản xuất cao su và tiến độ phát triển các dự án khu công nghiệp mới (Tân Lập, Bắc Tân Uyên 2, Bàu Bàng, Lai Hưng); phương án hợp tác đầu tư và cơ chế góp vốn với đối tác; các giải pháp ứng phó thiên tai, mưa bão nhằm bảo đảm sản lượng cao su; kế hoạch triển khai, tổng mức đầu tư và hiệu quả các dự án mới như năng lượng tái tạo (điện mặt trời) và nông nghiệp công nghệ cao hợp tác với Unifarm.

Chủ tọa Đại hội, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã tiếp thu, giải trình, làm rõ các vấn đề cổ đông quan tâm; đồng thời cung cấp thêm thông tin liên quan đến định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh, công tác quản trị, đầu tư và các giải pháp triển khai trong thời gian tới. Các ý kiến trao đổi, giải đáp được Đại hội ghi nhận. Cổ đông tham dự thống nhất với nội dung giải trình của Chủ tọa Đại hội và Hội đồng quản trị.

5. Phần biểu quyết thông qua các tờ trình

Nội dung 1: Thông qua Tờ trình về việc điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh và xác định lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Kết quả biểu quyết:

Số cổ phần tán thành: 96.115.561 cổ phần, tỷ lệ 96,50236% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không tán thành: 1.766.203 cổ phần, tỷ lệ 1,77331% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không có ý kiến: 1.717.420 cổ phần, tỷ lệ 1,72433% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Nội dung 1 đã được thông qua với tỷ lệ 96,50236%

Nội dung 2: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Kết quả biểu quyết:

Số cổ phần tán thành: 97.832.961 cổ phần, tỷ lệ 98,22667% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không tán thành: 1.766.203 cổ phần, tỷ lệ 1,77331% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không có ý kiến: 20 cổ phần, tỷ lệ 0,00002% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Nội dung 2 đã được thông qua với tỷ lệ 98,22667%

Nội dung 3: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kết quả biểu quyết:

Số cổ phần tán thành: 99.599.164 cổ phần, tỷ lệ 99,99998% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không tán thành: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00000% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không có ý kiến: 20 cổ phần, tỷ lệ 0,00002% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Nội dung 3 đã được thông qua với tỷ lệ 99,99998%

Nội dung 4: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kết quả biểu quyết:

Số cổ phần tán thành: 97.832.961 cổ phần, tỷ lệ 98,22667% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không tán thành: 1.766.203 cổ phần, tỷ lệ 1,77331% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không có ý kiến: 20 cổ phần, tỷ lệ 0,00002% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Nội dung 4 đã được thông qua với tỷ lệ 98,22667%

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CPCS Phước Hòa nhiệm kỳ 2023-2028 đối với bà

Nguyễn Thị Phi Nga

Kết quả biểu quyết:

Số cổ phần tán thành: 99.599.164 cổ phần, tỷ lệ 99,99998% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không tán thành: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00000% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số cổ phần không có ý kiến: 20 cổ phần, tỷ lệ 0,00002% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Nội dung 5 đã được thông qua với tỷ lệ 99,99998%

6. Đọc và biểu quyết thông qua Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội

Thư ký đọc toàn văn nội dung Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2026, kết quả biểu quyết như sau:

Đại hội đã thống nhất biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền thông qua biểu quyết tham dự họp.

Biên bản này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, lưu tại Hồ sơ Văn kiện Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty theo quy định. Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày./.

Nơi nhận:

- UBCK nhà nước;
- Sở GDCK HCM;
- Quý cổ đông;
- Đảng ủy Công ty;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các phòng ban, đoàn thể;
- Các Đội sản xuất, Nhà máy chế biến;
- Công ty trực thuộc;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, HSĐH, TKHĐQT.

TM. THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Thị Bình Yên

Huỳnh Kim Nhựt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
NĂM 2026

Tháng 10 năm 2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2026



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

Hình thức tổ chức: Trực tuyến (hoặc Trực tiếp kết hợp Trực tuyến).

Địa điểm tổ chức: Hội trường TTVHTT Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, Ấp Phước Hòa Sỡ, Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian tổ chức: 08 giờ 30 ngày 16 tháng 10 năm 2026 (thứ Sáu).

STT	Nội dung
1	Chào mừng đại biểu và cổ đông đăng nhập vào phần mềm trực tuyến
2	Chào cờ
3	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khách mời
4	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
5	- Báo cáo thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký; - Thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu.
6	- Thông qua Chương trình, Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo hình thức trực tuyến; - Công bố kết quả biểu quyết lần 1.
7	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
8	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
9	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

STT	Nội dung
10	Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
11	Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, nhiệm kỳ 2023 – 2028
12	- Thảo luận; - Biểu quyết và công bố các nội dung của Đại hội (biểu quyết lần 2).
13	Tặng hoa tri ân thành viên Hội đồng quản trị
14	Phát biểu của Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (nếu có)
15	Giải lao
16	- Thông qua Biên bản Đại hội; - Thông qua Nghị quyết Đại hội; - Biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết lần 3.
17	- Bế mạc Đại hội; - Chào cờ Bế mạc Đại hội.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 09 năm 2026

QUY CHẾ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/05/2026;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-CSPH ngày 03/07/2023 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-CSPH ngày 17/06/2021 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (sửa đổi).

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa diễn ra công khai, minh bạch, trật tự và đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 áp dụng cho hình thức tổ chức trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến như sau:

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (gọi tắt là "Đại hội") của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (gọi tắt là "Công ty") được tiến hành dưới hình thức họp trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến, kết hợp biểu quyết bằng giờ thẻ biểu quyết trực tiếp và/hoặc bỏ phiếu thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử.

2. Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, đại diện ủy quyền hợp lệ của cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc, Ban Tổ chức Đại hội, Ban Thư ký, Ban Kiểm

phiếu, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu và khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến" (Hybrid): Là hình thức tổ chức Đại hội tại Hội trường TTVHTT Công ty kết hợp hình thức trực tuyến (livestream) và biểu quyết điện tử, cho phép cổ đông có thể lựa chọn tham dự trực tiếp tại hội trường hoặc tham dự trực tuyến từ xa qua mạng Internet.

2. "Hệ thống bỏ phiếu điện tử" (E-voting): Là hệ thống công nghệ thông tin do Công ty quy định hoặc thuê tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp vận hành, cung cấp công cụ trực tuyến để cổ đông/đại diện ủy quyền đăng ký tham dự, theo dõi diễn biến, thảo luận, gửi câu hỏi và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trực tuyến.

3. "Thẻ biểu quyết": Là thẻ do Ban Tổ chức cấp cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền tham dự trực tiếp tại Đại hội để thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ tại hội trường.

4. "Bầu dồn phiếu" (Bầu dồn đều / Bầu ghi số): Là phương thức bầu cử thành viên HĐQT, BKS theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020. Cổ đông có thể dồn hết phiếu bầu cho 01 ứng viên, chia đều số phiếu cho nhiều ứng viên, hoặc tự phân bổ số phiếu cụ thể cho từng ứng viên theo nhu cầu.

CHƯƠNG II: ĐIỀU KIỆN VÀ THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

1. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa có tên trong Danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội, hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông.

2. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có thể lựa chọn một trong hai phương thức tham dự:

Tham dự trực tiếp: Có mặt trực tiếp tại địa điểm tổ chức Đại hội (Hội trường TTVHTT Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, Ấp Phước Hòa Sỡ, Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh) và làm thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách đại biểu.

Tham dự trực tuyến: Sử dụng thiết bị điện tử có kết nối Internet (máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng) đăng nhập vào Hệ thống bỏ phiếu điện tử bằng mã đăng nhập và mật khẩu được cung cấp trong Thư mời họp để xác nhận tham dự.

Điều 4. Ủy quyền tham dự Đại hội

1. Cổ đông có quyền ủy quyền bằng văn bản cho một cá nhân hoặc tổ chức khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Việc ủy quyền phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và lập theo mẫu Giấy ủy quyền do Công ty phát hành.

2. Giấy ủy quyền phải có chữ ký trực tiếp của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền; trường hợp là cổ đông tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức đó.

3. Giấy ủy quyền hợp lệ phải được gửi về Ban Tổ chức Công ty trước thời hạn quy định ghi trên Thông báo mời họp hoặc xuất trình bản gốc khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp trước giờ khai mạc Đại hội. Đối với tham dự trực tuyến, thông tin đại diện ủy quyền

(bao gồm cả email/số điện thoại) phải được đăng ký kịp thời để cấp tài khoản đăng nhập hệ thống.

4. Việc hủy bỏ ủy quyền chỉ có hiệu lực khi Công ty nhận được văn bản thông báo hủy ủy quyền trước khi Đại hội khai mạc chính thức và người được ủy quyền chưa tiến hành biểu quyết bất kỳ nội dung nào trên hệ thống.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền và Khách mời tham dự

1. Quyền của Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền:

Được tham dự, thảo luận và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử đối với tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Được tiếp cận đầy đủ các tài liệu, báo cáo, tờ trình phục vụ Đại hội được công bố trên website Công ty hoặc tài liệu cung cấp tại Đại hội.

Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền đến muộn có quyền đăng ký tham dự ngay và có quyền tham gia biểu quyết đối với các nội dung tiếp theo kể từ thời điểm hoàn tất đăng ký. Hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng và không tiến hành biểu quyết lại.

2. Nghĩa vụ của Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền:

Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phòng họp, quy định an ninh và kiểm tra trật tự (đối với đại biểu tham dự trực tiếp).

Có trách nhiệm tự quản lý và bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu truy cập hệ thống bỏ phiếu trực tuyến. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về tính xác thực của các thao tác biểu quyết, bầu cử được thực hiện thông qua tài khoản của mình.

Không tự ý ghi âm, ghi hình, phát tán thông tin, tài liệu nội bộ của Đại hội ra bên ngoài khi chưa được sự chấp thuận của Đoàn Chủ tịch.

3. Quy định đối với Khách mời tham dự:

Khách mời tham dự theo thư mời của Công ty có quyền tham dự và theo dõi diễn biến cuộc họp, nhưng không có quyền biểu quyết hay bầu cử.

Chỉ tham gia phát biểu ý kiến khi được Chủ tọa mời hoặc có đăng ký trước và được sự đồng ý của Chủ tọa.

Có nghĩa vụ tuân thủ nội quy phòng họp và quy định bảo mật thông tin của Đại hội.

CHƯƠNG III: CÁC CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH VÀ GIÚP VIỆC ĐẠI HỘI

Điều 6. Đoàn Chủ tịch Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tọa và các thành viên do Chủ tịch HĐQT giới thiệu.

2. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ:

Điều hành cuộc họp theo đúng Chương trình và Quy chế đã được Đại hội thông qua;

Hướng dẫn thảo luận, tiếp nhận các câu hỏi trực tiếp tại hội trường và qua kênh trực tuyến (chatbox), phân công giải đáp các vấn đề của cổ đông;

Trình dự thảo, kết luận và điều hành biểu quyết, bầu cử các nội dung tại Đại hội;

Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để giữ trật tự cuộc họp hoặc tạm hoãn Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký do Chủ tọa chỉ định để thực hiện nhiệm vụ ghi chép và hỗ trợ công tác hành chính của Đại hội.

2. Ban Thư ký có nhiệm vụ: Ghi chép trung thực, đầy đủ toàn bộ diễn biến Đại hội vào Biên bản họp; tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu và tổng hợp câu hỏi thảo luận từ cổ đông trực tiếp lẫn trực tuyến; hỗ trợ soạn thảo dự thảo Nghị quyết và công bố các văn kiện khi được Chủ tọa yêu cầu.

Điều 8. Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban Kiểm tra tư cách đại biểu gồm 03 thành viên do HĐQT giới thiệu và được Đại hội thông qua.

2. Nhiệm vụ: Kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền của cổ đông dự họp trực tiếp; tiếp nhận dữ liệu đăng ký dự họp từ Hệ thống trực tuyến; tổng hợp và báo cáo trước Đại hội về tỷ lệ cổ đông và đại diện ủy quyền tham dự tại thời điểm khai mạc cũng như trước các lần biểu quyết trọng yếu.

Điều 9. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội thông qua. Các thành viên có tên trong danh sách ứng cử, đề cử vào HĐQT hoặc BKS không được tham gia Ban Kiểm phiếu.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

- Phổ biến thể lệ, hướng dẫn phương thức biểu quyết bằng giờ thẻ và bỏ phiếu điện tử;
- Giám sát việc bỏ phiếu và kiểm đếm số phiếu biểu quyết trực tiếp tại hội trường kết hợp kết xuất dữ liệu kết quả biểu quyết từ Hệ thống bỏ phiếu điện tử;
- Lập Biên bản kiểm phiếu tổng hợp (gồm cả số phiếu trực tiếp và trực tuyến), công bố kết quả trước Đại hội và bàn giao biên bản cho Chủ tọa và Ban Thư ký.

CHƯƠNG IV: THẺ LỆ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành họp lệ khi có số đại biểu tham dự (tổng hợp cả số đại biểu có mặt trực tiếp tại hội trường và số đại biểu đã đăng nhập, xác nhận đăng ký thành công trên Hệ thống trực tuyến) đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, việc triệu tập Đại hội lần thứ hai và lần thứ ba được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 11. Trình tự thảo luận tại Đại hội

1. Đại biểu tham dự trực tiếp tại hội trường phát biểu ý kiến khi được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn, đúng trọng tâm nội dung chương trình.
2. Đại biểu tham dự trực tuyến gửi câu hỏi qua tính năng khung chat (chatbox) trên Hệ thống trực tuyến. Ban Thư ký tiếp nhận, tổng hợp và chuyển đến Đoàn Chủ tịch để giải đáp công khai tại Đại hội.

Điều 12. Phương thức biểu quyết các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc: Mỗi một (01) cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tương ứng với một (01) phiếu biểu quyết. Đại biểu có quyền biểu quyết một trong ba phương án: "Tán thành", "Không tán thành", hoặc "Không có ý kiến".

2. Hình thức biểu quyết kết hợp:

Đối với các vấn đề mang tính thủ tục (thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu, Chương trình họp, Quy chế làm việc): Đại hội thống nhất thực hiện biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại hội trường (đối với đại biểu trực tiếp) và/hoặc xác nhận nhanh trên hệ thống điện tử (đối với đại biểu trực tuyến). Khi giơ thẻ, đại biểu giơ cao mặt trước của thẻ hướng về phía Đoàn Chủ tịch.

Đối với các Tờ trình chuyên môn và nội dung trọng yếu (Báo cáo hoạt động 9 tháng, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ, sửa đổi Quy chế HĐQT, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS, thông qua Biên bản và Nghị quyết): Thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo thời gian quy định cho từng lần bỏ phiếu. Đại biểu trực tiếp được cấp tài khoản/mã QR để thao tác trên thiết bị cá nhân hoặc thiết bị do Ban Tổ chức hỗ trợ tại chỗ; đại biểu trực tuyến thao tác trực tiếp trên giao diện cá nhân.

3. Ghi nhận kết quả: Ban Kiểm phiếu tổng hợp đầy đủ số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến từ cả hai kênh (trực tiếp và trực tuyến) để xác định kết quả cuối cùng.

Điều 13. Nguyên tắc bầu cử thành viên HĐQT và BKS (nếu có)

1. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023 – 2028 được thực hiện theo phương thức Bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Quy chế bầu cử riêng được Đại hội thông qua.

2. Mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân với số lượng thành viên cần bầu. Đại biểu có thể lựa chọn Bầu dồn đều số phiếu hoặc tự phân bổ số phiếu bầu cho từng ứng viên trên giao diện phiếu bầu điện tử.

3. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 14. Điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội

1. Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Các nghị quyết về nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông

dự họp tán thành (trừ trường hợp bầu cử thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu).

CHƯƠNG V: BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT VÀ XỬ LÝ SỰ CỐ BẤT KHẢ KHÁNG

Điều 15. Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Toàn bộ diễn biến và các quyết định của Đại hội phải được ghi nhận đầy đủ, trung thực vào Biên bản họp ĐHĐCĐ và được lập thành Nghị quyết ĐHĐCĐ.

2. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc, thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, được Chủ tọa và Thư ký ký tên xác nhận, đồng thời được lưu trữ tại Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật thị trường chứng khoán.

Điều 16. Xử lý các trường hợp bất khả kháng

1. Trong trường hợp xảy ra sự cố bất khả kháng như thiên tai, mất điện diện rộng, đứt đường truyền Internet hoặc trục trặc kỹ thuật của Hệ thống trực tuyến, Công ty sẽ nỗ lực tối đa để khắc phục trong thời gian không quá 60 phút.

2. Trường hợp sự cố kéo dài quá 60 phút không thể khắc phục để đảm bảo quyền biểu quyết công bằng của toàn thể cổ đông, Chủ tọa có quyền quyết định tạm dừng hoặc hoãn Đại hội sang một thời điểm thích hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 06 Chương, 17 Điều, có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa biểu quyết thông qua.

2. Những vấn đề chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ bất thường 2026;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Kim Nhựt

Số:1608/TTr-CSPH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh và xác định lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và một số luật khác;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (sửa đổi, bổ sung) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/5/2026;

Căn cứ Công văn số 864/HĐQTCSVN-TCCB ngày 12/10/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thống nhất điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa số 60/2026/NQ-HĐQT ngày 14/10/2026 trong đó có nội dung thống nhất điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa để trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh và xác định lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Trong giai đoạn phát triển mới, để Công ty có thể chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh và tối ưu hóa giá trị cho cổ đông, Hội đồng quản trị nhận thấy việc điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh và rà soát lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài là một yêu cầu tất yếu và cấp thiết. Cụ thể:

1. Rà soát, bãi bỏ ngành không còn hoạt động và mở "room" ngoại: Bãi bỏ mã ngành 4773 (Bán lẻ xăng dầu) do nhiều năm không phát sinh doanh thu và không còn nằm trong định hướng hoạt động. Việc bãi bỏ mã ngành này cùng việc bổ sung các điều khoản loại trừ theo chuẩn mực của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) giúp tháo gỡ vướng mắc pháp lý, tạo điều kiện xác định lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa từ 0% lên 50%.

2. Cập nhật Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam mới: Chuẩn hóa tên và mã ngành theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Phục vụ Đề án Chiến lược phát triển 2026 – 2030, định hướng đến 2045: Tạo hành lang pháp lý chủ động triển khai các trụ cột chiến lược của Công ty:

– *Hạ tầng công nghiệp, đô thị & logistics*: Phát triển KCN, cụm công nghiệp, khu dân cư; cấp nước, xử lý nước thải tập trung; kho bãi và logistics.

– *Năng lượng và dịch vụ kỹ thuật*: Năng lượng mặt trời áp mái KCN; tư vấn thiết kế, kiểm định và hiệu chỉnh thiết bị điện.

– *Nông nghiệp công nghệ cao*: Trồng trọt cây ngắn ngày, cây ăn quả công nghệ cao; nhân giống và chế biến nông sản.

– *Kinh tế xanh & tín chỉ các-bon*: Kiểm kê khí nhà kính, xây dựng dự án giảm phát thải; tạo lập, đăng ký và chuyển nhượng tín chỉ các-bon từ quỹ đất cao su và rừng trồng.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Sau khi rà soát và điều chỉnh, danh mục ngành, nghề kinh doanh của Công ty gồm 43 ngành, nghề (gồm 24 ngành bổ sung mới, 11 ngành sửa đổi chi tiết và cập nhật tên, 08 ngành giữ nguyên) và 01 ngành bãi bỏ hoàn toàn:

1. Bổ sung 24 ngành, nghề mới: Nông nghiệp công nghệ cao, giống cây trồng, lâm nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; tiện ích KCN (cấp thoát nước, xử lý rác thải); thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị điện; kho bãi, logistics; tư vấn kỹ thuật; tín chỉ các-bon và dịch vụ y tế, giáo dục phục vụ người lao động.

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung chi tiết và cập nhật tên của 11 ngành, nghề: Bổ sung điều khoản loại trừ phạm vi hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và phạm vi thuộc độc quyền Nhà nước, cập nhật lại tên ngành theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ (mã ngành 0210, 0220, 3512, 3513, 4101, 4102, 4673, 4679, 5229, 6499, 6810).

3. Giữ nguyên 08 ngành, nghề: Mã 0125 (Trồng cây cao su - ngành chính), 0161, 0163, 1610, 2012, 2220, 4212, 4933.

4. Bãi bỏ hoàn toàn 01 ngành, nghề: Mã 4773 (Bán lẻ xăng dầu).

(Chi tiết danh mục thể hiện tại Phụ lục kèm theo).

Nội dung ngành nghề kinh doanh này được điều chỉnh, bổ sung vào Khoản 1, Điều 4, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

III. XÁC ĐỊNH LẠI TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Tỷ lệ hiện tại: 0%.

Tỷ lệ điều chỉnh đề xuất: 50%.

Cơ sở xác định: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP) và danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường đã thống nhất với UBCKNN theo Mẫu số 39.

Tác động: Việc điều chỉnh nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên 50% giúp tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu PHR, gia tăng định giá doanh nghiệp và hỗ trợ thu hút nguồn vốn; đồng thời hoàn toàn không ảnh hưởng đến quyền chi phối của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (hiện đang nắm giữ 66,62% vốn điều lệ Công ty).

IV. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 xem xét biểu quyết thông qua:

1. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa theo Bảng tổng hợp chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

2. Thông qua việc xác định lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa từ 0% lên 50%.

3. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị (được quyền ủy quyền cho Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty) thực hiện các công việc:

- Hoàn tất các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền;
- Cập nhật, sửa đổi, bổ sung điều khoản tương ứng về ngành, nghề kinh doanh trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; ban hành Điều lệ sửa đổi mới;
- Thực hiện đầy đủ hồ sơ thông báo xác nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Kim Nhựt



PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ trình số 1608/TTr-CSPH ngày 14/10/2026 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa trình Đại hội đồng cổ đông)

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Nội dung chi tiết / Điều khoản loại trừ / Phạm vi hoạt động	Trạng thái điều chỉnh	Tỷ lệ SHNN tối đa
1	0125	Trồng cây cao su		Giữ nguyên	Không hạn chế
2	0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	Chi tiết: Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày ứng dụng công nghệ cao.	Bổ sung mới	Không hạn chế
3	0119	Trồng cây hàng năm khác		Bổ sung mới	Không hạn chế
4	0121	Trồng cây ăn quả	Chi tiết: Trồng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao.	Bổ sung mới	Không hạn chế
5	0129	Trồng cây lâu năm khác	Chi tiết: Trồng cây lâu năm khác ứng dụng công nghệ cao.	Bổ sung mới	Không hạn chế
6	0130	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	Chi tiết: Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp công nghệ cao.	Bổ sung mới	Không hạn chế
7	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt		Giữ nguyên	51%
8	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	Chi tiết: Khai thác và chế biến mủ cao su.	Giữ nguyên	50%
9	0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp		Cập nhật tên ngành	50%
10	0220	Khai thác gỗ	Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng (không bao gồm: điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên).	Sửa đổi chi tiết	Không hạn chế
11	1030	Chế biến và bảo quản rau quả		Bổ sung mới	Không hạn chế
12	1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	Chi tiết: Chế biến gỗ cao su.	Giữ nguyên	Không hạn chế
13	2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ		Giữ nguyên	Không hạn chế

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Nội dung chi tiết / Điều khoản loại trừ / Phạm vi hoạt động	Trạng thái điều chỉnh	Tỷ lệ SHNN tối đa
14	2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh		Bổ sung mới	Không hạn chế
15	2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su		Bổ sung mới	Không hạn chế
16	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic		Giữ nguyên	Không hạn chế
17	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	Chi tiết: Bảo trì máy biến áp, máy phát điện, thiết bị chuyển đổi, pin/ắc quy, thiết bị điện,...	Bổ sung mới	Không hạn chế
18	3512	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời và các nguồn năng lượng tái tạo khác (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	Sửa đổi chi tiết	50%
19	3513	Truyền tải và phân phối điện	Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	Sửa đổi chi tiết	Không hạn chế
20	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	Chi tiết: Cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	Bổ sung mới	Không hạn chế

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Nội dung chi tiết / Điều khoản loại trừ / Phạm vi hoạt động	Trạng thái điều chỉnh	Tỷ lệ SHNN tối đa
21	3700	Thoát nước và xử lý nước thải	Chi tiết: Xử lý nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	Bổ sung mới	Không hạn chế
22	3811	Thu gom rác thải không độc hại	Loại trừ: Không bao gồm dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình.	Bổ sung mới	50%
23	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác		Bổ sung mới	Không hạn chế
24	4101	Xây dựng nhà để ở	Chi tiết: Thi công xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu đô thị.	Sửa đổi chi tiết	50%
25	4102	Xây dựng nhà không để ở	Chi tiết: Thi công xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.	Sửa đổi chi tiết	50%
26	4212	Xây dựng công trình đường bộ	Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình đường bộ	Giữ nguyên	50%
27	4221	Xây dựng công trình điện	Chi tiết: Thi công, xây dựng công trình điện (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	Bổ sung mới	50%
28	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp không phải nhà, công trình thủy (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	Bổ sung mới	50%
29	4321	Lắp đặt hệ thống điện	Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị điện.	Bổ sung mới	50%
30	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khung nhôm, giá đỡ, giàn giáo chuyên dụng cho tấm pin mặt trời trên mái hoặc trên mặt đất.	Bổ sung mới (Bổ sung mã thiếu)	50%

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Nội dung chi tiết / Điều khoản loại trừ / Phạm vi hoạt động	Trạng thái điều chỉnh	Tỷ lệ SHNN tối đa
31	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Chi tiết: Bán buôn gỗ cao su (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà; sách, báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến; gạo; đường mía và đường củ cải).	Sửa đổi chi tiết	Không hạn chế
32	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	Chi tiết: Bán buôn phân bón; hóa chất sử dụng trong nông nghiệp; mủ cao su, cao su nguyên liệu và các sản phẩm cao su (Chỉ thực hiện đối với hàng hóa và hoạt động mà pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với hàng hóa thuộc danh mục mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện các quyền này).	Sửa đổi chi tiết	Không hạn chế
33	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.	Giữ nguyên	51%
34	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa		Bổ sung mới	50%
35	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa; dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; logistics (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà; sách, báo và tạp chí; vật	Sửa đổi chi tiết	50%

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Nội dung chi tiết / Điều khoản loại trừ / Phạm vi hoạt động	Trạng thái điều chỉnh	Tỷ lệ SHNN tối đa
			phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến; gạo; đường mía và đường củ cải và dịch vụ hoa tiêu hàng hải, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không và dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển).		
36	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)	Chi tiết: Đầu tư tài chính	Cập nhật tên ngành	50%
37	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh, quản lý, khai thác và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại; đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và cho thuê nhà lưu trú công nhân, nhà ở công nhân, ký túc xá phục vụ người lao động, chuyên gia trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp do Công ty đầu tư; kinh doanh bất động sản trong phạm vi pháp luật cho phép (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	Sửa đổi chi tiết	50%

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Nội dung chi tiết / Điều khoản loại trừ / Phạm vi hoạt động	Trạng thái điều chỉnh	Tỷ lệ SHNN tối đa
38	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công đường dây và trạm biến áp đến 110 kV; tư vấn thiết kế, giám sát hệ thống điện mặt trời; tư vấn quản lý dự án, lập dự án đầu tư, lập dự toán; tư vấn lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, khu dân cư (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	Bổ sung mới	50%
39	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	Chi tiết: Kiểm định, hiệu chỉnh, thử nghiệm, kiểm tra các loại thiết bị điện; thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện. (Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị	Bổ sung mới	50%

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Nội dung chi tiết / Điều khoản loại trừ / Phạm vi hoạt động	Trạng thái điều chỉnh	Tỷ lệ SHNN tối đa
			thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).		
40	7499	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu	Chi tiết: Hoạt động tư vấn về môi trường và công nghệ; kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo và quản lý kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; xây dựng, triển khai các chương trình, dự án giảm phát thải và tăng cường hấp thụ khí nhà kính; tạo lập, đăng ký, quản lý và chuyển nhượng tín chỉ các-bon từ diện tích cây cao su, rừng trồng và các hoạt động giảm phát thải của Công ty theo quy định của pháp luật.	Bổ sung mới	50%
41	8569	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác		Bổ sung mới	50%
42	8610	Hoạt động của bệnh viện, trạm y tế	Chi tiết: Hoạt động của các trạm y tế.	Bổ sung mới	50%
43	8620	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa		Bổ sung mới	50%

Ghi chú: Mã ngành 4773 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán lẻ xăng dầu): Bãi bỏ do Công ty không còn phát sinh hoạt động kinh doanh; đồng thời đề đảm bảo không vướng điều kiện hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1609/TTr-CSPH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (sửa đổi, bổ sung) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/05/2026;

Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan và yêu cầu thực tiễn quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Căn cứ Công văn số 2551/CSVN-TCCB ngày 11/09/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc chủ trương tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty CP Cao su Phước Hòa;

Căn cứ Công văn số 864/HĐQTCSVN-TCCB ngày 12/10/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thống nhất điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa số 60/2026/NQ-HĐQT ngày 14/10/2026 trong đó có nội dung thống nhất bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết và nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành và yêu cầu thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tiến hành rà soát toàn diện Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành.

Trên cơ sở kết quả rà soát và các nội dung dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 xem xét, quyết định, Công ty thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo hướng cập nhật, hoàn thiện và đồng bộ các quy định về tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty. Nội dung sửa đổi bao gồm việc cập nhật ngành, nghề kinh doanh theo phương án trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội lần này; sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung và chuẩn hóa các điều khoản khác trong Điều lệ nhằm cập nhật quy định pháp luật, thống nhất thuật ngữ, căn cứ pháp lý, thẩm quyền, trình tự thực hiện và bảo đảm tính đồng bộ, chặt chẽ của Điều lệ.

Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung được lập kèm theo Phụ lục đối chiếu giữa nội dung hiện hành và nội dung sửa đổi, bổ sung, làm cơ sở để Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết.

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung có liên quan, Công ty sẽ thực hiện việc hoàn thiện Điều lệ và các thủ tục đăng ký thay đổi doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

2. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026:

1. Xem xét, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (sửa đổi, bổ sung) theo Dự thảo Điều lệ.
2. Giao Hội đồng quản trị tổ chức hoàn thiện, ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- BKS Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Kim Nhựt



**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH, ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA**

(Kèm theo hồ trình số: 1.609/TTr-CSPH ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Ghi chú:

1. Bảng đối chiếu được lập nhằm so sánh đối chiếu giữa bản Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2026 hiện hành (ban hành kèm theo Quyết định số 590/QĐ-CSPH ngày 03/6/2026) và Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
2. Bảng tập trung đối chiếu chi tiết các điều, khoản có sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa hoặc bổ sung mới nhằm phục vụ công tác rà soát, thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông; các điều khoản giữ nguyên nội dung thực chất được ghi nhận rõ để bảo đảm tính toàn vẹn của toàn bộ 60 điều khoản.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
1	Căn cứ pháp lý ban hành	Quyết định 590/QĐ-CSPH dẫn: Luật DN 2020; Luật 76/2025/QH15; Luật 68/2025/QH15; Luật Chứng khoán 2019; NĐ 155/2020/NĐ- CP; TT 116/2020/TT-BTC; Nghị quyết ĐHĐCĐ số 30/2026/NQ- CSPH.	Điều 1 định nghĩa mở rộng Luật Doanh nghiệp (kèm Luật 03/2022/QH15, Luật 76/2025/QH15), Luật Chứng khoán, Luật 68/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn/thay thế.	Chuẩn hóa kỹ thuật lập quy văn bản và cập nhật hệ thống văn bản pháp luật mới có hiệu lực áp dụng trực tiếp cho Công ty.
2	Bố cục và tên chương	Chia thành 21 mục, 60 điều; tên một số mục theo chủ đề.	Chuyển thành 19 chương, 60 điều; đổi tên một số điều (Điều 4, 10, 21, 24, 43, 46, 59).	Kỹ thuật lập quy: Hệ thống hóa bố cục Điều lệ theo quy chuẩn cấu trúc Chương – Điều và chuẩn hóa tên điều phù hợp nội dung mới.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
3	Điều 1 – Giải thích thuật ngữ	Định nghĩa các thuật ngữ cơ bản: vốn điều lệ, vốn có quyền biểu quyết, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, người điều hành, người quản lý, người có liên quan, cổ đông lớn, Sở GDCK.	Bổ sung định nghĩa: “Công ty”, “Tập đoàn/VRG”, “Người đại diện phần vốn của Tập đoàn”, “Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước”, “Quy chế nội bộ về quản trị công ty”, “Quy chế hoạt động HĐQT”, “Pháp luật”; cập nhật dẫn chiếu luật sửa đổi và nguyên tắc ưu tiên quy định bắt buộc của pháp luật, độc lập pháp nhân/tài sản.	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật 68/2025/QH15 và quy định của Tập đoàn nhằm làm rõ quan hệ Công ty mẹ - Công ty con, tư cách và thẩm quyền của Người đại diện phần vốn Nhà nước/Tập đoàn.
4	Điều 2 khoản 3 – Địa chỉ, thông tin liên hệ	Trụ sở: Ấp 2A, xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 0274 3657.106; Fax: 0274 3657.110; Email: phuochoarubber@phr.vn; Website: phr.vn; thời hạn hoạt động vô thời hạn.	Trụ sở: Ấp Phước Hòa Sở, xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 0274 3657.106; bỏ thông tin Fax; Email: vanthu@phr.vn; Website: phr.vn; thời hạn hoạt động vô thời hạn.	Cập nhật thông tin thực tế của doanh nghiệp: Chuẩn hóa lại tên địa danh ấp đặt trụ sở theo hồ sơ địa chính và đổi địa chỉ thư điện tử.
5	Điều 3 – Người đại diện theo pháp luật	Nêu Công ty có 02 người đại diện: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc; dẫn chiếu quyền, nghĩa vụ sang Điều 35.	Quy định riêng phạm vi đại diện của từng người; nguyên tắc phân định nội bộ không hạn chế quyền bên thứ ba; nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng; cơ chế ủy quyền/thay thế khi vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp: Minh bạch hóa thẩm quyền đại diện theo pháp luật giữa cơ quan quản trị (HĐQT) và cơ quan điều hành (Tổng Giám đốc), hạn chế rủi ro pháp lý trong giao kết hợp đồng với bên thứ ba.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
6	Điều 4 – Ngành nghề và mục tiêu hoạt động	Danh mục ngành nghề dạng gạch đầu dòng, chưa thể hiện đầy đủ mã ngành và có một số mô tả khái quát.	Đổi tên điều; chuyển sang bảng 43 ngành nghề có mã ngành VSIC chi tiết; bổ sung nông nghiệp công nghệ cao, điện/năng lượng tái tạo, cấp thoát nước & xử lý rác thải KCN, thi công hạ tầng, logistics, đo đạc giảm phát thải và chuyển nhượng tín chỉ carbon (mã 7499), y tế KCN; thêm nguyên tắc không kinh doanh ngành cấm và tuân thủ điều kiện ngành nghề.	Theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (chuẩn hóa mã VSIC) và theo Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty: Mở rộng phát triển khu công nghiệp thế hệ mới, dịch vụ hạ tầng phụ trợ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thị trường tín chỉ carbon.
7	Điều 5 – Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Cho phép hoạt động theo ngành nghề đã công bố và ngành nghề khác được pháp luật cho phép, được ĐHĐCĐ thông qua.	Giữ nguyên khoản 1 và 2; bổ sung khoản 3 về nguyên tắc quan hệ với Tập đoàn: tôn trọng quyền cổ đông của VRG, phối hợp cung cấp hồ sơ để Người đại diện phần vốn báo cáo, xin ý kiến trước khi biểu quyết theo quy định vốn nhà nước.	Theo Luật 68/2025/QH15 và quy định quản trị nội bộ của Tập đoàn: Xác lập quy chế phối hợp cung cấp hồ sơ để Người đại diện phần vốn của Tập đoàn thực hiện đúng thẩm quyền và trách nhiệm báo cáo/xin ý kiến cổ đông Nhà nước trước khi biểu quyết.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
8	Điều 6 – Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Vốn điều lệ: 1.354.991.980.000 đồng; 135.499.198 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần; quy định chi tiết việc chào bán cổ phần hiện hữu, mua lại CP quỹ, thông tin cổ đông sáng lập.	Vốn điều lệ: 2.438.977.990.000 đồng; 243.897.799 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần; chuyển các quy định tăng/giảm vốn, phát hành, cổ đông sáng lập sang dẫn chiếu Luật DN và thẩm quyền/quyền của Tập đoàn (khoản 3).	Cập nhật theo kết quả phát hành tăng vốn thực tế của Công ty đã hoàn tất và quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của Tập đoàn về thẩm quyền quản lý quy mô vốn góp.
9	Điều 7 – Chứng nhận cổ phiếu	Quy định cấp chứng nhận cổ phiếu vật lý, thời hạn cấp cụ thể (15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ hoặc 2 tháng kể từ ngày thanh toán) và thủ tục cấp lại khi mất/hư hỏng.	Bổ sung hình thức cổ phiếu là “chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử”; chuyển các thủ tục cấp, quản lý, thay thế dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán.	Theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp: Chuẩn hóa hình thức sở hữu cổ phiếu niêm yết được quản lý điện tử/bút toán ghi sổ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).
10	Điều 8 – Chứng chỉ chứng khoán khác	Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng khoán khác có chữ ký người đại diện theo pháp luật và dấu Công ty.	Quy định việc phát hành, đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu và quản lý trái phiếu/chứng khoán khác dẫn chiếu tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán.	Theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp: Tinh gọn thủ tục, bao quát các phương thức phát hành trái phiếu, chứng khoán khác bằng hình thức điện tử.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
11	Điều 9 – Chuyển nhượng cổ phần	Cổ phần tự do chuyển nhượng trừ trường hợp luật/Điều lệ quy định khác; cổ phần chưa thanh toán đủ bị hạn chế chuyển nhượng và các quyền lợi liên quan.	Điều chỉnh cách diễn đạt, viện dẫn quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán về việc thanh toán, hạn chế chuyển nhượng và chuyển nhượng quyền mua cổ phần.	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về thị trường chứng khoán: Chuẩn hóa câu chữ dẫn chiếu luật định.
12	Điều 10 – Xử lý cổ phần chưa thanh toán	Tên điều: “Thu hồi cổ phần”; quy định thông báo thanh toán tối thiểu 07 ngày, thu hồi cổ phần và tính lãi tối đa 1,5 lần trần NHNN, trách nhiệm thanh toán giá trị cổ phiếu bị thu hồi.	Đổi tên thành: “Xử lý cổ phần chưa thanh toán”; bỏ quy định tính lãi phạt 1,5 lần; chuyển sang cơ chế xử lý bán cổ phần chưa thanh toán theo Luật Doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và hồ sơ/điều kiện phát hành.	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020: Bỏ khái niệm "thu hồi cổ phần" và lãi phạt không còn phù hợp, chuyển sang quy trình xử lý bán cổ phần chưa thanh toán theo luật định và phương án phát hành.
13	Điều 11 – Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Cơ cấu gồm: 1. ĐHĐCĐ; 2. HĐQT; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.	Cơ cấu gồm: 1. ĐHĐCĐ; 2. HĐQT; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.	Giữ nguyên theo Luật Doanh nghiệp: Duy trì mô hình quản trị truyền thống phù hợp tính chất hoạt động của Công ty.
14	Điều 12 – Quyền của cổ đông	Khoản 1: Quyền cổ đông phổ thông.	Khoản 1 & 2: Chuẩn hóa cách diễn đạt quyền yêu cầu hủy nghị quyết ĐHĐCĐ.	Theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020: Quy định tỷ lệ luật định chuẩn là từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên để thực hiện quyền đề cử thành
		Khoản 2: Cổ đông/nhóm sở hữu từ 05% có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ, tra cứu tài liệu, kiến nghị.	Khoản 3: Sửa tỷ lệ cổ đông/nhóm có quyền đề cử HĐQT, BKS thành: sở hữu từ	

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
			10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.	viên HĐQT, Ban kiểm soát.
		Khoản 3: Cổ đông/nhóm sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử HĐQT, BKS.		
15	Điều 13 – Nghĩa vụ của cổ đông	Có 8 khoản, nêu chi tiết các nghĩa vụ góp vốn, chấp hành Điều lệ, bảo mật, tham dự/biểu quyết ĐHĐCĐ và trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để tư lợi.	Rút gọn thành 6 khoản; chuyển các nội dung về hình thức tham dự/biểu quyết ĐHĐCĐ sang Điều 20; tập trung vào nghĩa vụ thanh toán đủ vốn, không rút vốn trái luật, tuân thủ Điều lệ, bảo mật thông tin.	Tinh gọn các nội dung trùng lặp, chuyển các quy định về hình thức tham gia đại hội vào đúng chương/điều về thể thức tiến hành ĐHĐCĐ.
16	Điều 14 – Đại hội đồng cổ đông	Quy định ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần trong 04 tháng (HĐQT gia hạn không quá 06 tháng); các trường hợp họp bất thường và cơ chế BKS/cổ đông thay thế triệu tập.	Biên tập lại câu chữ; chuẩn hóa các dẫn chiếu về điều kiện và thủ tục triệu tập họp bất thường theo Luật Doanh nghiệp.	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp: Chuẩn hóa trình tự, căn cứ triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
17	Điều 15 – Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	Liệt kê thẩm quyền ĐHĐCĐ; trong đó Điểm a Khoản 2 nêu ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.	Sửa Điểm a Khoản 2: ĐHĐCĐ xem xét, thảo luận và quyết định định hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh hằng năm (do HĐQT xây dựng trên cơ sở ý kiến Người đại diện vốn theo pháp luật về vốn nhà nước và trình ĐHĐCĐ quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền); bổ sung Khoản 3: trách nhiệm phối hợp cung cấp hồ sơ cho Người đại diện vốn xin ý kiến VRG trước khi biểu quyết và khẳng định việc xin ý kiến không thay thế thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.	Theo Luật Doanh nghiệp, Luật 68/2025/QH15 và quy chế của Tập đoàn: Làm rõ quy trình HĐQT lập và lấy ý kiến cổ đông Nhà nước trước khi trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, đồng thời bảo đảm thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo đúng quy định pháp luật
18	Điều 16 – Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Cổ đông có thể trực tiếp dự họp hoặc ủy quyền; quy định nội dung bắt buộc của giấy ủy quyền; hiệu lực phiếu biểu quyết của người được ủy quyền.	Giữ nguyên nguyên tắc; chỉnh sửa kỹ thuật câu chữ tại khoản 2: người được ủy quyền phải “xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp” (thay vì "nộp").	Kỹ thuật văn bản và thực tiễn vận hành: Đảm bảo thuận tiện cho công tác kiểm tra tư cách đại biểu tại khâu đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.
19	Điều 17 – Thay đổi các quyền	Nghị quyết làm thay đổi bất lợi quyền của cổ phần ưu đãi phải được nhóm CĐ ưu đãi loại đó sở hữu từ 75% trở lên tán thành; điều kiện cuộc họp CĐ ưu đãi tối thiểu 02 người và nắm giữ 1/3 mệnh giá.	Giữ nguyên toàn bộ nội dung, tỷ lệ biểu quyết tán thành và điều kiện tiến hành cuộc họp riêng biệt của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.	Giữ nguyên theo Luật Doanh nghiệp: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các loại cổ phần theo luật định.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
20	Điều 18 – Triệu tập, chương trình & thông báo ĐHĐCĐ	HĐQT triệu tập; lập danh sách CĐ không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo; gửi thông báo chậm nhất 21 ngày; gửi kèm hoặc đăng link tải tài liệu; quyền kiến nghị trước 03 ngày làm việc.	Bổ sung cơ chế gửi thông báo mời họp bằng phương thức điện tử (email) đến địa chỉ điện tử của cổ đông đã đăng ký; bổ sung dẫn chiếu công bố thông tin trên hệ thống của UBCKNN và HOSE.	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và xu hướng chuyển đổi số: Hợp thức hóa việc gửi thư mời và tài liệu họp qua phương thức điện tử đến cổ đông, tối ưu hóa chi phí hành chính.
21	Điều 19 – Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	Họp lần 1: cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; lần 2 (trong 30 ngày): từ 33% trở lên; lần 3 (trong 20 ngày): không phụ thuộc tỷ lệ phiếu.	Giữ nguyên toàn bộ tỷ lệ biểu quyết và thời hạn gửi thông báo triệu tập họp lần 1, lần 2 và lần 3.	Giữ nguyên theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020: Đảm bảo tỷ lệ đại diện cổ đông họp pháp để cuộc họp có hiệu lực.
22	Điều 20 – Thẻ thức tiến hành & biểu quyết ĐHĐCĐ	Thủ tục đăng ký cổ đông; nguyên tắc bầu chủ tọa, thư ký, ban kiểm phiếu; biểu quyết từng vấn đề; quyền hoãn họp tối đa không quá 03 ngày làm việc; tổ chức đại hội trực tuyến.	Giữ nguyên toàn bộ trình tự, thủ tục đăng ký, hoãn họp và họp trực tuyến; chỉ hoãn thiện một số từ ngữ diễn đạt cho mạch lạc.	Theo Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Chuẩn hóa quy trình vận hành và điều hành phiên họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
23	Điều 21 – Thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ	Tỷ lệ 65% áp dụng cho một số nội dung quan trọng tính trên tổng số phiếu của “cổ đông dự hợp”; bầu dồn phiếu HĐQT/BKS; quyết định thông thường trên 50% cổ đông dự hợp.	Diễn đạt chính xác: tính trên tổng số phiếu của “cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp”; bổ sung khoản 7: việc VRG chỉ đạo Người đại diện vốn không làm thay đổi tỷ lệ biểu quyết pháp định của ĐHĐCĐ.	Theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định của Tập đoàn: Chuẩn hóa mẫu số tính tỷ lệ biểu quyết ("tham dự và biểu quyết"), đồng thời xác định nguyên tắc biểu quyết của Người đại diện vốn.
24	Điều 22 – Lấy ý kiến CĐ bằng văn bản	Quy định nguyên tắc HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản; hồ sơ, nội dung phiếu, thời hạn phản hồi tối thiểu 10 ngày, lập biên bản kiểm phiếu và tỷ lệ thông qua trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.	Quy định chi tiết tại khoản 2 và khoản 3 danh mục các vấn đề được lấy ý kiến bằng văn bản (sửa Điều lệ, định hướng, nhân sự, dự án $\geq 35\%$, cổ tức, quỹ, phát hành, tăng/giảm vốn, hợp đồng liên quan...).	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp: Quy định cụ thể và mở rộng danh mục các vấn đề ĐHĐCĐ được quyết định thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để tăng tính linh hoạt và chủ động trong điều hành.
25	Điều 23 – Biên bản họp ĐHĐCĐ	Biên bản lập bằng tiếng Việt; tóm tắt diễn biến, kết quả kiểm phiếu; thông qua trước khi bế mạc; Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm; lưu trữ và công bố thông tin.	Giữ nguyên toàn bộ các nội dung chủ yếu của biên bản họp, cơ chế xử lý khi chủ tọa/thư ký từ chối ký và trách nhiệm công bố thông tin, lưu giữ hồ sơ.	Giữ nguyên theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán: Đảm bảo tính pháp lý và nghĩa vụ công bố thông tin của biên bản họp.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
26	Điều 24 – Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ	Tên điều: “Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ”; thời hạn 90 ngày; dẫn chiếu quyền của chủ thể theo Khoản 3 Điều 12 Điều lệ; tổ chức lại họp trong 30 ngày.	Đổi tên thành: “Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ”; dẫn chiếu quyền của chủ thể theo đúng khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; thời hạn tổ chức lại 30 ngày kể từ khi quyết định của Tòa án/Trọng tài có hiệu lực.	Theo Luật Doanh nghiệp 2020: Chuẩn hóa tên điều từ "quyết định" thành "nghị quyết" và dẫn chiếu chính xác thẩm quyền của cổ đông/nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 115 Luật DN.
27	Điều 25 – Ứng cử, đề cử HĐQT	Công bố thông tin ứng viên tối thiểu 10 ngày; cổ đông/nhóm sở hữu từ 05% có quyền đề cử HĐQT (5% - <10% đề cử 1; 10% - <30% đề cử 2; 30% - <50% đề cử 3; 50% - <65% đề cử 4; từ 65% đề cử đủ).	Công bố thông tin trước 10 ngày; cổ đông/nhóm sở hữu từ 10% mới có quyền đề cử HĐQT (10% - <30% đề cử tối đa 2; 30% - <50% đề cử 3; 50% - <65% đề cử 4; từ 65% đề cử đủ); HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm khi thiếu.	Theo đúng Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020: Thiết lập tỷ lệ sở hữu đề cử thành viên HĐQT là từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, đồng thời điều chỉnh lại các bậc thang số lượng ứng viên được đề cử cho phù hợp.
28	Điều 26 – Thành phần & nhiệm kỳ HĐQT	Số lượng thành viên HĐQT cố định là 05 người; nhiệm kỳ không quá 05 năm; tối thiểu 1/3 là thành viên không điều hành; có tối thiểu 01 thành viên độc lập.	Sửa số lượng thành viên HĐQT thành: từ 3 đến 5 người; nhiệm kỳ không quá 05 năm; tối thiểu 01 thành viên không điều hành; có tối thiểu 01 thành viên độc lập.	Theo Luật Doanh nghiệp và yêu cầu thực tiễn quản trị: Mở rộng biên độ số lượng từ 3 đến 5 người để tạo sự chủ động, linh hoạt cho cơ cấu nhân sự HĐQT trong các giai đoạn kiện toàn nhân sự.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
29	Điều 27 – Quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT	Quyền quản lý công ty: chiến lược, vốn, đầu tư, cơ cấu tổ chức, nhân sự, quy chế nội bộ theo Luật Doanh nghiệp và Thông tư 116.	Bổ sung trách nhiệm cung cấp hồ sơ đề Người đại diện vốn báo cáo/xin ý kiến VRG (khoản 3, 4, 5); phân cấp quyết định đầu tư theo quy định Tập đoàn; chế độ bảo toàn và giám sát vốn nhà nước (khoản 7).	Theo Luật Doanh nghiệp, Luật 68/2025/QH15 và quy định của Tập đoàn: Gán trách nhiệm quản trị của HĐQT với nghĩa vụ giám sát, bảo toàn vốn Nhà nước và quy trình phân cấp xin ý kiến Tập đoàn.
30	Điều 28 – Thù lao, tiền lương của HĐQT	Thù lao tính theo ngày công, do ĐHĐCĐ quyết định; tính vào chi phí kinh doanh; thù lao thành viên điều hành/tiểu ban; chi phí ăn ở đi lại; mua bảo hiểm trách nhiệm.	Giữ nguyên nguyên tắc tính thù lao, thưởng, thanh toán chi phí và mua bảo hiểm trách nhiệm; chỉnh sửa kỹ thuật câu chữ khoản 4: tiền lương/thù lao thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ và pháp luật.	Theo Luật Doanh nghiệp và Luật Thuế TNDN: Chuẩn hóa thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ đối với các khoản thù lao, tiền lương của HĐQT.
31	Điều 29 – Chủ tịch HĐQT	Do HĐQT bầu, miễn nhiệm; không kiêm Tổng Giám đốc; triệu tập, chủ tọa cuộc họp HĐQT/ĐHĐCĐ; ủy quyền cho thành viên khác khi vắng mặt.	Bổ sung trách nhiệm trực tiếp/phối hợp giám sát tài chính, kế hoạch, quản lý đất đai, thanh lý vườn cây (khoản 3); bổ sung quy trình thống nhất nhân sự với Tập đoàn trước khi HĐQT bầu Chủ tịch (khoản 4).	Theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Tập đoàn và đặc thù quản lý tài sản cao su: Tăng cường quyền hạn giám sát của Chủ tịch HĐQT đối với đất đai, vườn cây và tuân thủ quy trình hiệp y nhân sự lãnh đạo từ Tập đoàn.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
32	Điều 30 – Cuộc họp của HĐQT	Quy định triệu tập, điều kiện tiến hành (tối thiểu 3/4 thành viên), hình thức dự họp, biểu quyết và biên bản họp HĐQT; thông báo mời họp gửi chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp	Giữ nguyên toàn bộ nội dung, tỷ lệ dự họp (3/4), các hình thức dự họp và thời hạn gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp; chỉ biên tập lại một số câu chữ kỹ thuật tại Khoản 8 cho mạch lạc	Giữ nguyên theo đúng quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 và chuẩn hóa kỹ thuật lập quy văn bản.
33	Điều 31 – Các tiểu ban thuộc HĐQT	HĐQT có thể lập tiểu ban chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, rủi ro; tối thiểu 3 người; thành viên độc lập/không điều hành chiếm đa số.	Giữ nguyên toàn bộ quy định về thành lập, thành phần nhân sự và nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.	Giữ nguyên theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và thông lệ quản trị công ty đại chúng tốt nhất.
34	Điều 32 – Người phụ trách quản trị công ty	Bổ sung ít nhất 1 người (kiêm Thư ký công ty); không làm việc cho công ty kiểm toán độc lập của Công ty; liệt kê các quyền và nghĩa vụ hỗ trợ quản trị.	Giữ nguyên toàn bộ nội dung, tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.	Giữ nguyên theo quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
35	Điều 33 – Tổ chức bộ máy quản lý	Bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT; gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm.	Giữ nguyên toàn bộ nguyên tắc tổ chức bộ máy quản lý và thẩm quyền bổ nhiệm/miễn nhiệm của HĐQT.	Giữ nguyên theo Luật Doanh nghiệp: Xác định tính chịu trách nhiệm của bộ máy điều hành trước HĐQT.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
36	Điều 34 – Người điều hành công ty	Gồm TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng; tuyển dụng theo đề nghị của TGD và HĐQT chấp thuận; tiền lương, thưởng do HĐQT quyết định, tính vào chi phí và báo cáo ĐHCĐ.	Giữ nguyên toàn bộ quy định về thành phần người điều hành, nguyên tắc bổ nhiệm và chế độ tiền lương, thưởng.	Giữ nguyên theo Luật Doanh nghiệp và chế độ tài chính doanh nghiệp.
37	Điều 35 – Tổng Giám đốc	HĐQT bổ nhiệm TV HĐQT hoặc thuê ngoài; nhiệm kỳ không quá 05 năm; quy định chi tiết 9 nhóm quyền và nghĩa vụ điều hành kinh doanh hằng ngày.	Giữ nguyên cơ cấu quyền hạn, nhiệm vụ; bổ sung quy định: đối với nhân sự diện Tập đoàn quản lý, việc giới thiệu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký/chấm dứt hợp đồng phải tuân thủ quy chế quản lý nhân sự của VRG (khoản 1).	Theo quy định phân cấp quản lý cán bộ và người đại diện vốn của Tập đoàn: Đảm bảo việc bổ nhiệm người điều hành cao nhất tuân thủ đúng quy trình quản lý cán bộ của Công ty mẹ.
38	Điều 36 – Đề cử Ban kiểm soát	Thông tin ứng viên công bố trước 10 ngày; cổ đông/nhóm sở hữu từ 05% có quyền đề cử BKS (5% - <30% đề cử 1; 30% - <50% đề cử 2; từ 50% đề cử đủ); BKS đương nhiệm giới thiệu khi thiếu.	Công bố thông tin trước 10 ngày; cổ đông/nhóm sở hữu từ 10% mới có quyền đề cử BKS (10% - <30% đề cử tối đa 1; 30% - <50% đề cử 2; 50% - <65% đề cử 3; từ 65% đề cử đủ); BKS đương nhiệm giới thiệu khi thiếu.	Theo đúng Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020: Thiết lập tỷ lệ sở hữu đề cử thành viên Ban kiểm soát là từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, đồng bộ với quy định về đề cử HĐQT.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
39	Điều 37 – Thành phần Ban kiểm soát	Số lượng cố định 03 người; nhiệm kỳ không quá 05 năm; tiêu chuẩn không làm kế toán/tài chính công ty hoặc kiểm toán viên 3 năm trước đó; các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Giữ nguyên số lượng 03 người, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn độc lập và các căn cứ miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.	Giữ nguyên theo quy định tại Điều 168 và Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020.
40	Điều 38 – Trưởng Ban kiểm soát	Do BKS bầu theo đa số; trên 1/2 thường trú tại Việt Nam; có bằng đại học trở lên khối ngành kinh tế, tài chính, kế toán, luật...; quyền triệu tập họp và ký báo cáo BKS.	Giữ nguyên toàn bộ tiêu chuẩn, phương thức bầu và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát.	Giữ nguyên theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020.
41	Điều 39 – Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Thực hiện giám sát tình hình tài chính, tuân thủ pháp luật của HĐQT, TGD; kiến nghị đơn vị kiểm toán; lập báo cáo tại ĐHĐCĐ; quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu, cơ sở làm việc.	Giữ nguyên toàn bộ 10 nhóm quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo luật định.	Giữ nguyên theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020.
42	Điều 40 – Cuộc họp của Ban kiểm soát	Họp ít nhất 02 lần/năm; số lượng tham dự tối thiểu 2/3 thành viên; lập biên bản họp chi tiết; quyền yêu cầu HĐQT, TGD, kiểm toán tham dự giải trình.	Giữ nguyên toàn bộ quy định về tần suất họp, điều kiện tiến hành họp và quyền triệu tập giải trình của Ban kiểm soát.	Giữ nguyên theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
43	Điều 41 – Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát	ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động hằng năm; thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, thuê tư vấn độc lập; tính vào chi phí kinh doanh.	Giữ nguyên toàn bộ cơ chế chi trả tiền lương, thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát.	Giữ nguyên theo Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020.
44	Điều 42 – Trách nhiệm can trọng	Thành viên HĐQT, KSV, TGD và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, can trọng vì lợi ích của Công ty.	Giữ nguyên toàn bộ nguyên tắc trách nhiệm can trọng.	Giữ nguyên theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020.
45	Điều 43 – Trung thực, xung đột lợi ích và người đại diện vốn	Tên điều: “Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi”; quy định cố định ngưỡng giao dịch người có liên quan (>0,5% tài sản phải trình HĐQT chấp thuận).	Đổi tên: bổ sung “và Người đại diện phần vốn của Tập đoàn”; bỏ ngưỡng cố định 0,5%, dẫn chiếu áp dụng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán; bổ sung trách nhiệm Người đại diện phần vốn VRG (khoản 6-11).	Theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của Tập đoàn: Bỏ ngưỡng cố định 0,5% để áp dụng thống nhất theo thẩm quyền phân cấp luật định (ngưỡng 35% của Luật DN); đồng thời thể chế hóa đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm báo cáo và biểu quyết của Người đại diện phần vốn Nhà nước.
46	Điều 44 – Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Vi phạm nghĩa vụ trung thực, can trọng phải bồi thường; Công ty bồi thường chi phí khi bị khiếu kiện nếu hành động đúng luật; mua bảo hiểm trách nhiệm.	Giữ nguyên toàn bộ nguyên tắc về trách nhiệm thiệt hại, bồi thường và thẩm quyền HĐQT thông qua mua bảo hiểm trách nhiệm.	Giữ nguyên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và thông lệ quản trị công ty đại chúng.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
47	Điều 45 – Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Cổ đông phổ thông tra cứu danh sách CĐ, Điều lệ, biên bản ĐHĐCĐ; cổ đông $\geq 5\%$ tra cứu biên bản HĐQT, BCTC, báo cáo BKS; quy định nơi lưu giữ và công bố Điều lệ trên website.	Giữ nguyên toàn bộ quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ của cổ đông, người quản trị và trách nhiệm công bố, lưu trữ của Công ty.	Giữ nguyên theo quy định tại Điều 11 và Điều 176 Luật Doanh nghiệp 2020.
48	Điều 46 – Người lao động và tổ chức công đoàn	Tên điều: “Công nhân viên và công đoàn”; TGD phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua toàn bộ việc tuyển dụng, cho nghỉ việc, lương, bảo hiểm, phúc lợi, kỷ luật.	Đổi tên thành: “Người lao động và tổ chức công đoàn”; TGD chủ động tổ chức thực hiện theo luật định; chỉ những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT thì TGD mới trình HĐQT xem xét, quyết định.	Theo quy định của Bộ luật Lao động và Quy chế phân cấp quản trị nội bộ: Chuẩn hóa thuật ngữ "Người lao động" và phân định rõ quyền chủ động điều hành tác nghiệp của Tổng Giám đốc trong công tác nhân sự, tránh dồn việc sự vụ lên HĐQT.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
49	Điều 47 – Phân phối lợi nhuận	Khoản 6 (sửa theo QĐ 590/QĐ- CSPH): mức trích Quỹ ĐTPT do ĐHĐCĐ quyết định theo nhu cầu vốn và kế hoạch được duyệt; trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chia hết cổ tức tiền mặt.	Sửa toàn diện: dẫn chiếu việc phân phối lợi nhuận, trích Quỹ ĐTPT, trích quỹ khen thưởng phúc lợi, nộp ngân sách theo quy định pháp luật về quản lý vốn nhà nước và Nghị định hướng dẫn từng thời kỳ.	Theo Luật 68/2025/QH15 và quy định của Tập đoàn về quản lý vốn Nhà nước: Chuẩn hóa quy trình phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ doanh nghiệp và nghĩa vụ nộp ngân sách/chia cổ tức theo đúng chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối.
50	Điều 48 – Tài khoản ngân hàng	Mở tài khoản tại ngân hàng ở Việt Nam; việc mở tài khoản ở nước ngoài phải có “sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền”.	Mở tài khoản tại các ngân hàng ở Việt Nam; mở tài khoản ở nước ngoài thực hiện theo “quy định của pháp luật về ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan”.	Theo quy định của Pháp lệnh Ngoại hối và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
51	Điều 49 – Năm tài chính	Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.	Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.	Giữ nguyên theo quy định của Luật Kế toán.
52	Điều 50 – Chế độ kế toán	Sử dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp; lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt; đơn vị tiền tệ kế toán là đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ khi đủ điều kiện).	Giữ nguyên toàn bộ quy định về chế độ kế toán, ngôn ngữ sổ sách và đồng tiền hạch toán.	Giữ nguyên theo quy định của Luật Kế toán.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
53	Điều 51 – Báo cáo tài chính	Lập, kiểm toán, nộp và công bố BCTC năm, bán niên soát xét và BCTC quý theo pháp luật chứng khoán.	Giữ nguyên nghĩa vụ BCTC; bổ sung khoản 4 và 5: quy định chế độ giám sát, đánh giá hiệu quả bảo toàn vốn nhà nước và chế độ báo cáo đột xuất cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.	Theo Luật Chứng khoán và Luật 68/2025/QH15: Bổ sung chế độ báo cáo phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá mức độ bảo toàn vốn Nhà nước của cơ quan đại diện chủ sở hữu.
54	Điều 52 – Báo cáo thường niên	Lập và công bố Báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Giữ nguyên quy định lập và công bố Báo cáo thường niên.	Giữ nguyên theo Thông tư hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
55	Điều 53 – Kiểm toán	ĐHĐCĐ chỉ định hoặc ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; báo cáo kiểm toán đính kèm BCTC năm; quyền tham dự ĐHĐCĐ của kiểm toán viên.	Giữ nguyên toàn bộ thẩm quyền lựa chọn kiểm toán độc lập và quyền hạn của kiểm toán viên tại ĐHĐCĐ.	Giữ nguyên theo Luật Kiểm toán độc lập và Luật Chứng khoán.
56	Điều 54 – Dấu của doanh nghiệp	Dấu khắc hoặc chữ ký số; HĐQT quyết định loại, số lượng, hình thức dấu; HĐQT và TGD quản lý, sử dụng dấu theo pháp luật.	Giữ nguyên toàn bộ quy định về hình thức, thẩm quyền ban hành và trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu.	Giữ nguyên theo Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Giao dịch điện tử.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
57	Điều 55 – Giải thể công ty	Liệt kê các trường hợp giải thể (hết thời hạn, NQ ĐHĐCĐ, thu hồi GCN ĐKDN...); ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện.	Giữ các trường hợp giải thể; bổ sung khoản 2: phải hoàn tất báo cáo, xin ý kiến chấp thuận chủ trương của Tập đoàn/Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi HĐQT trình ĐHĐCĐ.	Theo Luật 68/2025/QH15 và quy định của Tập đoàn: Đảm bảo vai trò chủ sở hữu vốn Nhà nước, yêu cầu phải có phê duyệt chủ trương của Tập đoàn trước khi triển khai các thủ tục giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp.
58	Điều 56 – Gia hạn hoạt động	Triệu tập ĐHĐCĐ ít nhất 07 tháng trước khi hết hạn; tỷ lệ thông qua từ 65% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.	Quy định theo thời hạn, trình tự pháp luật; bổ sung yêu cầu tuân thủ pháp luật quản lý vốn nhà nước và quy định Tập đoàn (khoản 2); khẳng định Công ty hoạt động vô thời hạn (khoản 3).	Theo Luật Doanh nghiệp, Luật 68/2025/QH15 và quy định của Tập đoàn: Tinh gọn thủ tục hành chính và khẳng định thời hạn hoạt động vô thời hạn của Công ty.
59	Điều 57 – Thanh lý	HĐQT thành lập Ban thanh lý gồm 03 người (02 người do ĐHĐCĐ chỉ định, 01 người do HĐQT chỉ định từ cty kiểm toán); quy định thứ tự ưu tiên thanh toán nợ.	Chuyển sang nguyên tắc thanh lý theo Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản và pháp luật vốn nhà nước; bổ sung nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn và tuân thủ phân cấp Tập đoàn (khoản 4).	Theo Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản và quy định của Tập đoàn: Tinh giản thủ tục lập Ban thanh lý nội bộ, chuyển sang cơ chế thanh lý theo pháp luật chung và gắn trách nhiệm bảo toàn vốn Nhà nước khi xử lý thanh lý tài sản.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Điều lệ 2026 – Hiện hành (Tóm lược)	Dự thảo Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung (Tóm lược)	Lý do sửa đổi bổ sung
60	Điều 58 – Giải quyết tranh chấp nội bộ	Thương lượng, hòa giải trong 30 ngày làm việc; Chủ tịch HĐQT chủ trì; chuyên gia độc lập; thời hạn hòa giải 06 tuần trước khi khởi kiện ra Trọng tài hoặc Tòa án.	Giữ nguyên toàn bộ cơ chế, thời hạn thương lượng, hòa giải và trình tự khởi kiện ra Trọng tài hoặc Tòa án.	Giữ nguyên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Bộ luật Tố tụng dân sự.
61	Điều 59 – Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Tên điều: “Điều lệ công ty”; việc sửa đổi do ĐHĐCĐ quyết định; luật mới khác Điều lệ thì áp dụng quy định pháp luật.	Đổi tên: “Sửa đổi, bổ sung Điều lệ”; bổ sung trách nhiệm của HĐQT trong việc rà soát, đề xuất; bổ sung khoản 3: bảo đảm quyền, lợi ích của Tập đoàn đối với các sửa đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu/quyền biểu quyết.	Theo Luật Doanh nghiệp và quy định quản trị vốn của Tập đoàn: Chuẩn hóa tên điều, quy định trách nhiệm chủ động rà soát của HĐQT và bảo vệ quyền sở hữu của cổ đông Nhà nước khi sửa đổi Điều lệ.
62	Điều 60 – Ngày hiệu lực	Ghi nhận 21 mục, 60 điều; thông qua ngày 28/5/2026 tại Áp 2A; lập thành 10 bản	Ghi nhận 19 chương, 60 điều; có hiệu lực từ ngày ĐHĐCĐ thông qua; thay thế toàn bộ Điều lệ cũ	Xác lập tính thay thế toàn bộ bản Điều lệ cũ.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II.	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III.....	7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	11
CHƯƠNG IV.....	12
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	12
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	12
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	13
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 10. Xử lý cổ phần chưa thanh toán.....	14
CHƯƠNG V.	14
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	14
CHƯƠNG VI.....	14
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 12. Quyền của cổ đông	14
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	16
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	19

Điều 17. Thay đổi các quyền.....	20
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
CHƯƠNG VII.	29
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	34
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	34
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	36
CHƯƠNG VIII.....	37
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	37
Điều 34. Người điều hành công ty.....	37
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	38
CHƯƠNG IX.....	38
BAN KIỂM SOÁT	38
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát.....	38
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	39

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	40
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	40
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	41
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	41
CHƯƠNG X.	42
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	42
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng	42
Điều 43. Trách nhiệm trung thực, tránh xung đột lợi ích và Người đại diện phần vốn của Tập đoàn.....	42
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	43
CHƯƠNG XI.....	43
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	43
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	43
CHƯƠNG XII.	44
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN.....	44
Điều 46. Người lao động và tổ chức công đoàn.....	44
CHƯƠNG XIII.....	45
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	45
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	45
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	45
Điều 49. Năm tài chính	46
Điều 50. Chế độ kế toán	46
CHƯƠNG XIV.....	46
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	46
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	46
Điều 52. Báo cáo thường niên	47
CHƯƠNG XV.....	47
KIỂM TOÁN CÔNG TY	47
Điều 53. Kiểm toán	47

CHƯƠNG XVI.....	47
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	47
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	47
CHƯƠNG XVII.....	47
GIẢI THỂ CÔNG TY.....	47
Điều 55. Giải thể công ty.....	47
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	48
Điều 57. Thanh lý.....	48
CHƯƠNG XVIII.....	48
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	48
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	48
CHƯƠNG XIX.....	49
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	49
Điều 59. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	49
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	49

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa;

b) “Tập đoàn” hoặc “VRG” là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần, là công ty mẹ và là cổ đông của Công ty; thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông và các quyền, trách nhiệm của công ty mẹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ Tập đoàn và các quy định có liên quan;

c) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định của pháp luật, Điều lệ này;

d) “Cổ phần có quyền biểu quyết” là cổ phần mà người sở hữu có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

e) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hướng dẫn thi hành tại từng thời điểm;

f) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hướng dẫn thi hành tại từng thời điểm;

g) “Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp” là Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hướng dẫn thi hành tại từng thời điểm;

h) “Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty” là cá nhân được Tập đoàn cử, giao hoặc ủy quyền thực hiện một phần hoặc toàn bộ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách cổ đông tại Công ty theo quy định pháp luật và quy định của Tập đoàn;

i) “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

k) “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Công ty;

l) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được xác định theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan tại từng thời điểm;

m) “Cổ đông lớn” là cổ đông được xác định theo quy định của Luật Chứng khoán;

n) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

o) “Quy chế nội bộ về quản trị công ty” là quy chế do Đại hội đồng cổ đông thông qua để quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

p) “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị” là quy chế do Đại hội đồng cổ đông thông qua để quy định về tổ chức, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm, phân công, phân cấp và chế độ làm việc của Hội đồng quản trị;

q) “Pháp luật” là toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam có liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động và quản lý vốn tại Công ty.

2. Trường hợp Điều lệ này dẫn chiếu đến một hoặc một số quy định, văn bản pháp luật thì việc dẫn chiếu bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và văn bản hướng dẫn thi hành các quy định, văn bản đó, trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác.

3. Trường hợp quy định của Điều lệ này khác với quy định bắt buộc của pháp luật thì áp dụng quy định của pháp luật. Việc thực hiện quyền của cổ đông, quyền của công ty mẹ, quản trị và điều hành Công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và bảo đảm tính độc lập về pháp nhân, tài sản, quyền và nghĩa vụ của Công ty. Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ Tập đoàn và các quy định có liên quan.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA
- Tên tiếng Anh: PHUOC HOA RUBBER JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA
- Tên viết tắt: PHURUCO
- Logo công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Phước Hòa Sỡ, xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0274 3657.106

- E-mail: vanthu@phr.vn

- Website: www.phr.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, gồm: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị; và b) Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đại diện cho Công ty trong phạm vi quyền, nghĩa vụ và thẩm quyền được quy định tại pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đại diện cho Công ty trong phạm vi quyền, nghĩa vụ và thẩm quyền được quy định tại pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; tổ chức điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng ngày của Công ty theo quy định.

4. Việc phân định phạm vi đại diện giữa các Người đại diện theo pháp luật quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này là phân định về trách nhiệm và thẩm quyền nội bộ của Công ty, không làm hạn chế quyền của bên thứ ba theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Khi một trong các Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam hoặc không thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, việc ủy quyền hoặc thay thế người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh

Công ty đầu tư, kinh doanh theo các ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125
2	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày ứng dụng công nghệ cao.	0118
3	Trồng cây hàng năm khác	0119
4	Trồng cây ăn quả Chi tiết: Trồng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao.	0121
5	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây lâu năm khác ứng dụng công nghệ cao.	0129
6	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp công nghệ cao.	0130
7	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
8	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Khai thác và chế biến mủ cao su.	0163
9	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
10	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng (không bao gồm: điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên).	0220
11	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ cao su.	1610
13	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
14	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
15	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
16	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
17	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện Chi tiết: Bảo trì máy biến áp, máy phát điện, thiết bị chuyển đổi, pin/ắc quy, thiết bị điện,...	3314
18	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời và các nguồn năng lượng tái tạo khác (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về KT-XH).	3512
19	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về KT-XH).	3513
20	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	3600
21	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	3700

STT	Tên ngành	Mã ngành
22	Thu gom rác thải không độc hại Loại trừ: Không bao gồm dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình.	3811
23	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
24	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Thi công xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu đô thị.	4101
25	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Thi công xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.	4102
26	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình đường bộ	4212
27	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công, xây dựng công trình điện (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về KT-XH).	4221
28	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp không phải nhà, công trình thủy (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về KT-XH).	4299
29	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị điện.	4321
30	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khung nhôm, giá đỡ, giàn giáo chuyên dụng cho tấm pin mặt trời trên mái hoặc trên mặt đất.	4329
31	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cao su (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà; sách, báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nôi; dầu thô và dầu đã qua chế biến; gạo; đường mía và đường củ cải).	4673
32	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón; hóa chất sử dụng trong nông nghiệp; mủ cao su, cao su nguyên liệu và các sản phẩm cao su (Chỉ thực hiện đối với hàng hóa và hoạt động mà pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với hàng hóa thuộc danh mục mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện các quyền này).	4679
33	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.	4933

STT	Tên ngành	Mã ngành
34	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
35	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa; dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; logistics (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà; sách, báo và tạp chí; vật phẩm đã ghi hình; kim loại quý và đá quý; dược phẩm; thuốc nổ; dầu thô và dầu đã qua chế biến; gạo; đường mía và đường củ cải và dịch vụ hoa tiêu hàng hải, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không).	5229
36	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Đầu tư tài chính	6499
37	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh, quản lý, khai thác và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại; đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và cho thuê nhà lưu trú công nhân, nhà ở công nhân, ký túc xá phục vụ người lao động, chuyên gia trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp do Công ty đầu tư; kinh doanh bất động sản trong phạm vi pháp luật cho phép (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
38	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công đường dây và trạm biến áp đến 110 kV; tư vấn thiết kế, giám sát hệ thống điện mặt trời; tư vấn quản lý dự án, lập dự án đầu tư, lập dự toán; tư vấn lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, khu dân cư (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	7110
39	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định, hiệu chỉnh, thử nghiệm, kiểm tra các loại thiết bị điện; thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện. (Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên	7120

STT	Tên ngành	Mã ngành
	các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).	
40	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn về môi trường và công nghệ; kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo và quản lý kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; xây dựng, triển khai các chương trình, dự án giảm phát thải và tăng cường hấp thụ khí nhà kính; tạo lập, đăng ký, quản lý và chuyển nhượng tín chỉ các-bon từ diện tích cây cao su, rừng trồng và các hoạt động giảm phát thải của Công ty theo quy định của pháp luật.	7499
41	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
42	Hoạt động của bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các trạm y tế.	8610
43	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620

2. Công ty không đăng ký hoặc thực hiện ngành, nghề thuộc diện cấm đầu tư kinh doanh. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, Công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo pháp luật.

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh có lợi nhuận hợp pháp; bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, trong đó có vốn nhà nước; nâng cao giá trị doanh nghiệp và hiệu quả sử dụng đất, tài sản và các nguồn lực; tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội.

4. Danh mục mã ngành, tên ngành, nội dung chi tiết và nội dung loại trừ để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài được thực hiện thống nhất với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ công bố tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và các văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền tại từng thời điểm. Khi có sự khác nhau giữa Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên, mã ngành, nội dung chi tiết, Công ty phải kịp thời thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Trong quan hệ với Tập đoàn, Công ty tôn trọng và bảo đảm đầy đủ quyền của Tập đoàn với tư cách cổ đông theo pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với các vấn đề thuộc quyền của cổ đông, Công ty thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quyền biểu quyết hợp pháp của Tập đoàn. Đối với các nội dung pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước hoặc quy định của Tập đoàn yêu cầu Người đại diện phần vốn phải báo cáo, xin ý kiến hoặc được chấp thuận trước khi biểu quyết, Công ty phối hợp cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để Người đại diện thực hiện đúng quy định.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.438.977.990.000 đồng (bằng chữ: Hai nghìn bốn trăm ba mươi tám tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ được chia thành 243.897.799 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có quyền tăng, giảm vốn điều lệ; chào bán, phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Việc tăng, giảm vốn điều lệ và phát hành chứng khoán thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác của Công ty được thực hiện theo đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục do pháp luật và Điều lệ này quy định.

3. Trường hợp việc tăng, giảm vốn điều lệ, phát hành chứng khoán, mua bán cổ phần hoặc giao dịch vốn khác có ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty, Công ty và Hội đồng quản trị phải thực hiện các thủ tục cần thiết để Tập đoàn và Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty thực hiện quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ Tập đoàn và quy định, quyết định của cấp có thẩm quyền của Tập đoàn.

Trường hợp pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp yêu cầu phải có ý kiến, chấp thuận hoặc quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cấp có thẩm quyền khác thì Công ty thực hiện theo quy định pháp luật tương ứng.

4. Cổ phần của Công ty gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Việc phát hành và quyền, nghĩa vụ của người sở hữu từng loại cổ phần được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

5. Việc chào bán, phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật có liên quan và nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Công ty.

6. Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, xử lý cổ phần không được cổ đông hiện hữu đăng ký mua hết, mua lại cổ phần, xử lý cổ phiếu quỹ và các vấn đề khác liên quan đến cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật có liên quan và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

7. Thông tin về cổ đông sáng lập được lập, quản lý và lưu giữ theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty không thuộc trường hợp phải có hoặc phải ghi nhận cổ đông sáng lập theo quy định của pháp luật thì không phải ghi nhận cổ đông sáng lập trong Điều lệ này.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Việc xác nhận quyền sở hữu cổ phần, cấp, phát hành, quản lý và thay thế cổ phiếu được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công ty được phát hành, đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu và quản lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Việc thanh toán cổ phần đã đăng ký mua, quyền và nghĩa vụ của cổ đông đối với số cổ phần chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa đầy đủ, việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần chưa thanh toán được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Xử lý cổ phần chưa thanh toán

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc điều kiện, hồ sơ phát hành có liên quan, Hội đồng quản trị có trách nhiệm đôn đốc, thông báo và xử lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định của pháp luật, việc xử lý số cổ phần chưa thanh toán và quyền, nghĩa vụ của cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

3. Số cổ phần chưa thanh toán được xử lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan. Hội đồng quản trị thực hiện quyền bán số cổ phần chưa thanh toán theo đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

4. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc

trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa

điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, trong đó có báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định tỷ lệ, giá trị khác;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại hoặc tỷ lệ khác theo pháp luật, Điều lệ này;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo thẩm quyền;
- l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo pháp luật và Điều lệ này, bao gồm:

- a) Định hướng, chiến lược và các vấn đề phát triển thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh hằng năm do Hội đồng quản trị xây dựng, quyết định theo thẩm quyền và trên cơ sở ý kiến của Người đại diện phần vốn của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước; Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo pháp luật và Điều lệ này;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và các vấn đề về cổ phần thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

q) Quyết định mua lại cổ phần thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;

r) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan;

s) Chấp thuận các giao dịch, nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn tại từng thời điểm;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp vấn đề thuộc diện Người đại diện phân vốn của Tập đoàn phải báo cáo, xin ý kiến hoặc được chấp thuận trước khi biểu quyết theo pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước hoặc quy định hợp pháp của Tập đoàn, Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu để Người đại diện thực hiện quyền cổ đông theo đúng quy định. Việc xin ý kiến của Tập đoàn không thay thế thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật.

Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian, địa điểm và hình thức tổ chức cuộc họp;
- f) Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông có quyền dự họp và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm thông báo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này quy định thời hạn dài hơn. Thời hạn gửi thông báo được tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ theo phương thức được Công ty áp dụng.

Công ty được sử dụng phương thức điện tử, bao gồm thư điện tử (email) hoặc phương thức điện tử khác, để gửi thông báo mời họp đến địa chỉ liên lạc điện tử của cổ đông đã được cổ đông đăng ký hoặc được ghi nhận hợp lệ trong hệ thống

dữ liệu cổ đông. Việc sử dụng phương thức điện tử phải bảo đảm đáp ứng quy định của pháp luật về việc gửi thông báo đến địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Trường hợp cổ đông không có địa chỉ liên lạc điện tử được đăng ký hoặc việc gửi thông báo bằng phương thức điện tử không thực hiện được, Công ty thực hiện gửi thông báo bằng phương thức khác phù hợp và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chương trình họp, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được gửi cho cổ đông hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tài liệu họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty thay cho việc gửi kèm thông báo mời họp, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, đường dẫn và phương thức để cổ đông tiếp cận, tải hoặc truy cập toàn bộ tài liệu họp, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- e) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ

tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định

khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp pháp luật quy định tỷ lệ khác:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Các vấn đề khác do pháp luật hoặc Điều lệ này quy định phải đạt tỷ lệ từ 65% trở lên.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định khác. Cách xác định người trúng cử thực hiện theo pháp luật, Điều lệ này và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Trường hợp nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tỷ lệ thông qua thực hiện theo khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và các tỷ lệ đặc biệt quy định tại pháp luật hoặc Điều lệ này.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua khi đáp ứng điều kiện và tỷ lệ biểu quyết theo pháp luật; trường hợp pháp luật cho phép Điều lệ quy định khác thì áp dụng Điều lệ này.

5. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này quy định tỷ lệ cao hơn.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp, kể cả trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết có vi phạm, trong phạm vi pháp luật cho phép.

7. Đối với vấn đề thuộc trường hợp Người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Người đại diện thực hiện quyền biểu quyết theo ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy định pháp luật có liên quan. Tỷ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được xác định theo khoản 1 đến khoản 6 Điều này và quy định pháp luật; việc Tập đoàn chỉ đạo Người đại diện không làm thay đổi tỷ lệ biểu quyết mà pháp luật và Điều lệ quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các vấn đề sau đây:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- e) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Ngoài các vấn đề quy định tại khoản 2, Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với:

- a) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- b) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- c) Mức cổ tức, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;
- d) Mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại hoặc tỷ lệ khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;
- e) Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- f) Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- g) Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận và việc lựa chọn công ty kiểm toán thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;
- h) Phương án phát hành cổ phần, tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và các nội dung phát hành chứng khoán thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;
- i) Tăng, giảm vốn điều lệ;
- k) Phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng khoán khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;
- l) Dự án đầu tư, bán tài sản hoặc giao dịch thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;
- m) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;
- n) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông mà pháp luật không bắt buộc phải thực hiện bằng hình thức họp và Điều lệ này cho phép lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này và pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật có quy định riêng về điều kiện, tỷ lệ thông qua, quyền biểu quyết, đối tượng không được biểu quyết hoặc hình thức thông qua bắt buộc thì thực hiện theo quy định đó.

5. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông, gửi phiếu và tài liệu thực hiện theo Điều lệ này và pháp luật.

6. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo Luật Doanh nghiệp và tối thiểu gồm: tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; mục đích lấy ý kiến; thông tin cổ đông và số phiếu biểu quyết; vấn đề lấy ý kiến; phương án biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến; thời hạn gửi phiếu; họ tên, chữ ký

của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo pháp luật.

7. Việc gửi, tiếp nhận, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố và lưu giữ hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và quy định tại Điều lệ này. Biên bản kiểm phiếu phải được lập trung thực, đầy đủ và có chữ ký của người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì theo quy định.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này quy định tỷ lệ cao hơn hoặc điều kiện đặc biệt khác. Đối với vấn đề có tỷ lệ biểu quyết riêng theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc quy định pháp luật chuyên ngành, phải áp dụng tỷ lệ riêng đó.

9. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết, biên bản kiểm phiếu và hồ sơ liên quan được gửi hoặc công bố cho cổ đông theo thời hạn pháp luật quy định và được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì Biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ, người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định hủy bỏ nghị quyết của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực, theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội

đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 3 đến 5 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm

nhệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật có liên quan. Cụ thể:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trong phạm vi thẩm quyền; kế hoạch kinh doanh hằng năm được xây dựng trên cơ sở ý kiến của Người đại diện phần vốn của Tập đoàn theo chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy định pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước; trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung thuộc thẩm quyền;

b) Kiến nghị loại cổ phần, tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định chào bán cổ phần trong phạm vi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo pháp luật;

c) Quyết định phương án huy động vốn, giá bán cổ phần, trái phiếu và các công cụ huy động vốn khác trong phạm vi thẩm quyền;

d) Quyết định mua lại cổ phần theo pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, thành lập, tổ chức lại công ty con, công ty liên kết trong phạm vi thẩm quyền và theo phân cấp của pháp luật, Điều lệ này và quy định hợp pháp của Tập đoàn;

f) Quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mua, bán, chuyển nhượng tài sản, dự án đầu tư, phần vốn đầu tư theo đúng thẩm quyền, ngưỡng và điều kiện của pháp luật và Điều lệ này;

g) Thông qua hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo pháp luật và Điều lệ này; giao dịch với người có liên quan phải được xử lý đúng trình tự, điều kiện, tỷ lệ biểu quyết và công bố thông tin theo pháp luật;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết và chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý thuộc thẩm quyền; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo pháp luật, Điều lệ này và quy định của Tập đoàn đối với nhân sự thuộc diện Tập đoàn quản lý;

i) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày; đánh giá việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền;

l) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông;

m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị và các báo cáo khác theo pháp luật;

n) Kiến nghị mức cổ tức, phương án phân phối lợi nhuận, xử lý lỗ; tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về cổ tức và lợi nhuận;

o) Kiến nghị tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty; thực hiện các thủ tục thuộc thẩm quyền sau khi có chủ trương, ý kiến hoặc chấp thuận cần thiết của cơ quan có thẩm quyền và Tập đoàn theo pháp luật;

p) Ban hành, tổ chức thực hiện Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc trong phạm vi pháp luật cho phép;

q) Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo pháp luật và Điều lệ này.

3. Đối với các vấn đề liên quan đến phần vốn nhà nước tại Công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện để Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Việc Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến Tập đoàn không thay thế thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cơ quan khác của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Đối với các vấn đề mà Người đại diện phần vốn của Tập đoàn phải xin ý kiến trước khi biểu quyết, Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện để Người đại diện thực hiện quyền cổ đông đúng quy định.

5. Đối với các dự án đầu tư, việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng phần vốn đầu tư và các vấn đề khác mà pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước yêu cầu Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty phải báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định,

Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và phối hợp để Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm theo quy định. Việc báo cáo, xin ý kiến của Người đại diện phần vốn nhà nước không thay thế thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”

6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng quản lý; từng thành viên chịu trách nhiệm cá nhân đối với ý kiến, biểu quyết của mình theo pháp luật và Điều lệ này.

7. Hội đồng quản trị thực hiện chế độ báo cáo, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước theo pháp luật và quy định của Tập đoàn; bảo đảm cung cấp đầy đủ số liệu, hồ sơ phục vụ công tác giám sát, đánh giá và công bố thông tin.

8. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát Tổng Giám đốc, tình hình quản trị và các nội dung khác theo pháp luật chứng khoán hiện hành.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được hưởng tiền lương, thù lao hoặc lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không

bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu; triệu tập, chủ trì và điều hành các cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; d) Tổ chức việc thông qua, ký ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Theo dõi, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; trường hợp cần thiết, yêu cầu Tổng Giám đốc tạm dừng hoặc đình chỉ việc thực hiện quyết định trái nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc trái pháp luật để báo cáo Hội đồng quản trị xử lý; e) Trực tiếp hoặc phối hợp giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, đầu tư, quản lý đất đai, thanh lý vườn cây và các nhiệm vụ trọng yếu của Công ty; g) Bảo đảm việc gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và tài liệu theo quy định cho cổ đông; h) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo pháp luật, Điều lệ này và phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị.

4. Việc giới thiệu nhân sự để Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ này và quy trình quản lý, giới thiệu nhân sự của Tập đoàn đối với nhân sự thuộc diện Tập đoàn quản lý; trường hợp Tập đoàn yêu cầu thống nhất chủ trương bằng văn bản thì phải hoàn tất trước khi Hội đồng quản trị tiến hành bầu.

5. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch bị khuyết, các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch cho đến khi Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch mới.

6. Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất; cuộc họp lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

CHƯƠNG VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật, Điều lệ này và quy trình nhân sự áp dụng đối với Công ty. Đối với nhân sự thuộc diện Tập đoàn quản lý, việc giới thiệu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết và chấm dứt hợp đồng phải thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nhân sự, người đại diện phần vốn của Tập đoàn.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên Ban kiểm soát tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ

phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Thành viên ban kiểm soát của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan đến công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có).
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên có quyền đề cử đủ số lượng ứng viên Ban kiểm soát.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật về chi trả lương đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực, tránh xung đột lợi ích và Người đại diện phần vốn của Tập đoàn

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trung thành, cẩn trọng, công khai lợi ích có liên quan, tránh xung đột lợi ích và các nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan không được lạm dụng chức vụ, quyền hạn, thông tin, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác trái pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải kê khai, thông báo bằng văn bản về lợi ích có liên quan, giao dịch và quan hệ có liên quan theo đúng thời hạn, nội dung và hình thức pháp luật quy định.

4. Người có lợi ích liên quan đến vấn đề được biểu quyết không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp pháp luật quy định. Việc xác định số phiếu biểu quyết, số thành viên có quyền biểu quyết và điều kiện thông qua được thực hiện theo pháp luật và Điều lệ này.

5. Giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, cổ đông lớn, Tập đoàn hoặc người có liên quan của các đối tượng này được thực hiện, chấp thuận, công bố và xử lý theo đúng thẩm quyền, trình tự, điều kiện, tỷ lệ biểu quyết và yêu cầu công bố thông tin quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn tại từng thời điểm. Điều lệ này không đặt ra một ngưỡng cố định thay thế cho ngưỡng pháp luật hiện hành.

6. Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định, chỉ đạo, quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tập đoàn.

7. Trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Công ty đối với vấn đề thuộc diện phải báo cáo, xin ý kiến hoặc được chấp thuận theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quy định hợp pháp của Tập đoàn, Người đại diện phần vốn của Tập

đoàn phải thực hiện đúng trình tự xin ý kiến và chỉ biểu quyết trong phạm vi ý kiến/chấp thuận được cấp có thẩm quyền ban hành.

8. Người đại diện phần vốn có trách nhiệm báo cáo Tập đoàn kịp thời về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh, đầu tư, quản trị, rủi ro và các vấn đề trọng yếu của Công ty; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Tập đoàn và Công ty, không làm lộ bí mật kinh doanh và không can thiệp trái thẩm quyền vào hoạt động điều hành của Công ty.

9. Công ty có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Người đại diện phần vốn các hồ sơ, tài liệu cần thiết để thực hiện quyền cổ đông; các cơ quan, đơn vị và người quản lý của Công ty không được gây cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện.

10. Trường hợp có vấn đề cần xử lý đồng thời theo pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và quản lý, đầu tư vốn nhà nước, các cơ quan, người quản lý và Người đại diện phần vốn phải xác định rõ căn cứ pháp lý, thẩm quyền, trình tự và trách nhiệm của từng bên; không sử dụng ý kiến của Tập đoàn để thay thế quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Công ty hoặc ngược lại.

11. Việc chi trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn thực hiện theo pháp luật và quy chế, quyết định của Tập đoàn.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Người lao động và tổ chức công đoàn

1. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch, phương án và trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

2. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện quan hệ giữa Công ty với tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế quản lý nội bộ của Công ty; phối hợp với tổ chức công đoàn trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của

các bên và các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm trên cơ sở lợi nhuận sau thuế được phân phối, tình hình tài chính, nhu cầu đầu tư, khả năng thanh toán và các điều kiện theo pháp luật.

2. Công ty không thanh toán lãi đối với khoản tiền cổ tức hoặc khoản tiền chi trả liên quan đến cổ phiếu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Hội đồng quản trị kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận và tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc xác định ngày đăng ký cuối cùng, lập danh sách cổ đông nhận cổ tức, phương thức và thời hạn thanh toán cổ tức thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Trên cơ sở pháp luật hiện hành và kết quả sản xuất kinh doanh, việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty được thực hiện theo đúng thứ tự, điều kiện, mức trích lập và thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật từng thời kỳ, bao gồm việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quy định của pháp luật; phần lợi nhuận còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Đối với phần lợi nhuận, cổ tức được chia tương ứng với phần vốn nhà nước tại Công ty, việc quản lý, thu nộp ngân sách nhà nước hoặc xử lý để bổ sung vốn nhà nước thực hiện theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định hướng dẫn và quy định của Tập đoàn.

8. Công ty không quyết định hoặc thực hiện việc trích lập, sử dụng quỹ, chia cổ tức hoặc xử lý lợi nhuận trái với quy định bắt buộc của pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước, pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, thuế và kế toán.

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc mở, sử dụng và thực hiện thanh toán, giao dịch qua các tài khoản của Công ty bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp và phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Công ty thực hiện chế độ giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; xây dựng và báo cáo các chỉ tiêu, nội dung giám sát, đánh giá theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo thuộc trách nhiệm của mình.

5. Khi pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, Công ty thực hiện báo cáo đột xuất về tình hình tài chính, đầu tư, quản trị, rủi ro và các vấn đề có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động hoặc vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, gồm:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo pháp luật.

2. Đối với Công ty có vốn nhà nước do Tập đoàn nắm quyền chi phối, trước khi Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định giải thể, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu hoặc phá sản, Công ty phải hoàn tất việc báo cáo, xin ý kiến và/hoặc được chấp thuận chủ trương của Tập đoàn/Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định của Tập đoàn.

3. Sau khi có quyết định giải thể hợp pháp, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện thủ tục giải thể theo pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích của Nhà nước, Tập đoàn, cổ đông, người lao động và chủ nợ.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Trường hợp Công ty có thời hạn hoạt động xác định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét gia hạn theo thời hạn và trình tự pháp luật quy định.

2. Việc gia hạn hoạt động phải đồng thời tuân thủ quy định về quản lý, đầu tư vốn nhà nước và quy định của Tập đoàn trong trường hợp pháp luật hoặc quy định của Tập đoàn yêu cầu phải xin ý kiến, chấp thuận.

3. Công ty hoạt động vô thời hạn theo Điều 2 Điều lệ này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác phù hợp pháp luật.

Điều 57. Thanh lý

1. Việc thanh lý Công ty được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, pháp luật về phá sản, pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc chỉ định tổ chức, cá nhân thực hiện thanh lý trong trường hợp pháp luật yêu cầu. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai quyết định thanh lý và giám sát quá trình thực hiện.

3. Tiền thu từ thanh lý được thanh toán theo thứ tự pháp luật quy định. Phần tài sản còn lại sau khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ được phân chia cho cổ đông theo quyền sở hữu và loại cổ phần; phần thuộc vốn nhà nước được xử lý theo pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước.

4. Mọi quyết định thanh lý tài sản, dự án, vốn đầu tư của Công ty phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn và tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo pháp luật và quy định của Tập đoàn.

CHƯƠNG XVIII.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và phải được thực hiện theo đúng trình tự, tỷ lệ biểu quyết và các yêu cầu công bố thông tin theo pháp luật.

2. Trường hợp pháp luật có quy định mới khác với Điều lệ này thì áp dụng quy định bắt buộc của pháp luật. Hội đồng quản trị có trách nhiệm rà soát, đề xuất Đại hội đồng cổ đông sửa đổi Điều lệ trong thời hạn phù hợp.

3. Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan trực tiếp đến quyền, tỷ lệ sở hữu, quyền biểu quyết hoặc quyền, lợi ích của Tập đoàn với tư cách cổ đông phải bảo đảm quyền của Tập đoàn theo pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định quản lý vốn nhà nước áp dụng.

4. Bản Điều lệ được sửa đổi, bổ sung phải được công bố và lưu giữ theo quy định pháp luật.

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 19 chương, 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa thông qua ngày tháng năm 2026 và có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định thời điểm khác.

2. Điều lệ này thay thế toàn bộ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được thông qua trước đây, kể từ ngày có hiệu lực.

3. Điều lệ được lập thành các bản có giá trị pháp lý như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.

4. Trường hợp bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài có khác nhau, bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người đại diện phần vốn của Tập đoàn, người quản lý, người điều hành, các đơn vị trực thuộc và toàn thể cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Kim Nhựt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1440/TTr-CSPH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa**

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan;

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2026/NQ-CSPH ngày 21/09/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa về việc thống nhất Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa nhằm cập nhật các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp với Điều lệ Công ty và yêu cầu quản trị, điều hành thực tế của Công ty.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết tại Phụ lục Bảng so sánh, đối chiếu và toàn văn Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Kim Nhựt



**PHỤ LỤC: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA**
(Kèm theo Tờ trình trình số 1440/TTr-CSPH ngày 21/9/2026 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Ghi chú: Bảng chi tiết kê các nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc bổ sung mới; các nội dung không thay đổi không đưa vào bảng.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
1	Cơ sở pháp lý ban hành	Quy chế 2021 căn cứ Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020, NĐ 155/2020/NĐ-CP, TT 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.	Bổ sung/cập nhật: Luật số 03/2022/QH15; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15; NĐ 245/2025/NĐ-CP sửa đổi NĐ 155/2020/NĐ-CP; đồng thời bổ sung căn cứ Quy chế HĐQT của Tập đoàn và Nghị quyết ĐHĐCĐ về sửa đổi Quy chế.	Cập nhật cơ sở pháp lý và bảo đảm Quy chế PHR phù hợp quy định pháp luật mới, Điều lệ Công ty và Quy chế HĐQT của Tập đoàn.
2	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và thành viên HĐQT; đối tượng áp dụng chủ yếu là HĐQT và các thành viên HĐQT.	Mở rộng phạm vi: cơ cấu tổ chức bộ máy, phân công, phân cấp, thẩm quyền ra quyết định, quy trình làm việc, quan hệ công tác; bổ sung Luật Chứng khoán, Điều lệ, chỉ đạo của Tập đoàn; mở rộng đối tượng áp dụng đến Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký HĐQT và các đơn vị/cá nhân liên quan.	Làm rõ đầy đủ phạm vi điều chỉnh, chủ thể thực hiện và mối quan hệ quản trị; phù hợp mô hình quản trị thực tế của Công ty.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
3	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động	HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể; thành viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, pháp luật. HĐQT giao Tổng Giám đốc/bộ máy điều hành thực hiện nghị quyết, quyết định.	Chuyển thành nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”; quyết định được thảo luận dân chủ, quyết nghị theo đa số; bổ sung trách nhiệm liên đới trước ĐHĐCĐ, Tập đoàn và pháp luật; quy định rõ Tổng Giám đốc tổ chức, quản lý, điều hành SXKD hàng ngày theo pháp luật, Điều lệ, Quy chế và nghị quyết/quyết định HĐQT.	Cụ thể hóa nguyên tắc lãnh đạo, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm chung; tăng tính thống nhất với cơ chế quản lý của Tập đoàn.
4	Bổ sung Điều 3. Giải thích từ ngữ	Chưa có điều riêng về giải thích từ ngữ.	Bổ sung nguyên tắc áp dụng thuật ngữ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	Giúp thống nhất cách hiểu và áp dụng các thuật ngữ trong toàn bộ Quy chế.
5	Điều 3 cũ → Điều 4 mới. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT	Chủ yếu quy định quyền theo pháp luật/Điều lệ và một số nghĩa vụ: trung thực, cẩn trọng; tham dự họp; báo cáo thù lao; báo cáo giao dịch liên quan; công bố thông tin giao dịch cổ phiếu; thành viên độc lập lập báo cáo đánh giá hoạt động HĐQT.	Bổ sung cơ chế phân công nhiệm vụ từng thành viên; quyền yêu cầu thông tin về Công ty, công ty con, công ty liên kết; trách nhiệm theo dõi việc thực hiện nghị quyết/quy chế; mở rộng nghĩa vụ về giao dịch, công bố thông tin, trách nhiệm lĩnh vực được phân công, quyền đề nghị triệu tập họp bất thường và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật/Điều lệ/nghị quyết; thành viên độc lập báo cáo đánh giá khách quan tại ĐHĐCĐ thường niên.	Cụ thể hóa vai trò, trách nhiệm của từng thành viên và nâng cao trách nhiệm giám sát quản trị.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
6	Điều 4 cũ → Điều 5 mới. Quyền được cung cấp thông tin	Quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin/tài liệu; người quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác.	Bổ sung Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chuyên môn và Người đại diện vốn tại đơn vị thành viên; mở rộng loại thông tin gồm báo cáo định kỳ/đợt xuất, tài liệu pháp lý, số liệu kế toán về quản trị, điều hành, tài chính, SXKD; bổ sung yêu cầu không trì hoãn, né tránh hoặc che giấu thông tin.	Làm rõ đầu mối cung cấp thông tin và nâng cao trách nhiệm bảo đảm thông tin phục vụ HĐQT.
7	Điều 5 cũ → Điều 6 mới. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT	HĐQT không quá 05 thành viên; nhiệm kỳ 05 năm; thành viên có thể được bầu lại không hạn chế; thành viên độc lập không quá 02 nhiệm kỳ liên tục; quy định trường hợp toàn bộ thành viên hết nhiệm kỳ.	Quy định ĐHĐCĐ quyết định số lượng, tối thiểu 03 và tối đa 05 thành viên; cơ cấu phải bảo đảm thành viên độc lập và không điều hành theo pháp luật chứng khoán/Điều lệ; giữ nhiệm kỳ 05 năm và giới hạn 02 nhiệm kỳ liên tục đối với thành viên độc lập; chính cách diễn đạt trường hợp kết thúc nhiệm kỳ.	Cập nhật cơ cấu HĐQT theo yêu cầu quản trị công ty đại chúng/niêm yết và Điều lệ.
8	Điều 6 cũ → Điều 7 mới. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT	Tiêu chuẩn gồm không thuộc đối tượng bị cấm; có trình độ/chuyên môn, kinh nghiệm; có thể đồng thời là thành viên HĐQT công ty khác; không có quan hệ gia đình thuộc diện cấm; tiêu chuẩn thành viên độc lập theo Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung năng lực hành vi dân sự đầy đủ; trình độ từ đại học; giới hạn đồng thời là thành viên HĐQT tại không quá 03 công ty khác; mở rộng quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý Công ty và người quản lý Tập đoàn/người có thẩm quyền bổ nhiệm; bổ sung điều kiện chưa từng bị cách chức tại doanh nghiệp nhà nước; bổ sung yêu cầu về phẩm chất, đạo đức, uy tín, liêm khiết, trung thực; dẫn chiếu Điều 155 Luật Doanh nghiệp đối với thành viên độc lập.	Cụ thể hóa tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu quản trị và định hướng của Tập đoàn; đồng thời cập nhật căn cứ pháp lý.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
9	Điều 7 cũ → Điều 8 mới. Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch do HĐQT bầu; không kiêm Tổng Giám đốc; quy định các quyền và nghĩa vụ về lập chương trình, triệu tập họp, ký nghị quyết, giám sát và một số quyền khác; quy định trường hợp vắng mặt, từ chức/bãi nhiệm.	Bổ sung yêu cầu ít nhất 03 năm kinh nghiệm quản lý/điều hành trong ngành nghề chính hoặc liên quan; quy định Chủ tịch là Người đại diện theo pháp luật hoặc theo Điều lệ; bổ sung quyền đình chỉ quyết định của Tổng Giám đốc trái nghị quyết/Điều lệ/pháp luật; bổ sung nhiệm vụ giám sát mục tiêu SXKD, tài chính, thanh lý vườn cây, đất đai; rút phần Thư ký sang Điều 26.	Tăng tính cụ thể về vai trò Chủ tịch HĐQT và phân định rõ nhiệm vụ quản trị/giám sát.
10	Điều 8 cũ → Điều 9 mới. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT	Quy định các trường hợp miễn nhiệm/bãi nhiệm và triệu tập ĐHĐCĐ bầu bổ sung, trong đó có các trường hợp không đủ tư cách, từ chức, không tham gia họp 06 tháng, không đủ sức khỏe/uy tín, bị kết án, không trung thực, cung cấp thông tin sai.	Hệ thống hóa thành các khoản miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyền của ĐHĐCĐ và trường hợp phải triệu tập ĐHĐCĐ; bổ sung trường hợp khác theo pháp luật; cụ thể hóa việc bầu bổ sung khi số lượng HĐQT giảm quá 1/3 hoặc tỷ lệ thành viên độc lập không bảo đảm.	Chuẩn hóa các trường hợp thay đổi nhân sự HĐQT và bảo đảm tính bao quát theo pháp luật.
11	Điều 9 cũ → Điều 10 mới. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm	Quy định cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông có quyền đề cử; cơ chế đề cử bổ sung; bầu dồn phiếu; ĐHĐCĐ quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Không ghi cứng tỷ lệ 5% mà dẫn chiếu tỷ lệ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ; bổ sung việc thông báo lập nhóm đề cử trước giờ khai mạc; quy định HĐQT đương nhiệm đề cử bổ sung khi chưa đủ ứng viên; tiếp tục bắt buộc bầu dồn phiếu; điều chỉnh hình thức biểu quyết theo quyết định của Đại hội.	Tránh quy định tỷ lệ cứng khi pháp luật/Điều lệ có thể thay đổi; tăng tính linh hoạt và phù hợp quy định hiện hành.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
12	Điều 10 cũ → Điều 11 mới. Công bố thông tin về ứng viên và kết quả bầu cử	Công bố thông tin ứng viên tối thiểu 10 ngày trước ĐHĐCĐ, gồm thông tin cá nhân, trình độ, quá trình công tác, chức danh quản lý, lợi ích liên quan; ứng viên cam kết trung thực/cẩn trọng; công bố kết quả theo quy định.	Giữ thời hạn tối thiểu 10 ngày; rút gọn và hệ thống hóa hồ sơ ứng viên; bổ sung cam kết về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và quan hệ lợi ích/chức danh quản lý; quy định nghị quyết ĐHĐCĐ về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm phải công bố minh bạch theo pháp luật chứng khoán.	Chuẩn hóa nội dung công bố và nhấn mạnh nghĩa vụ công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.
13	Điều 11 cũ → Điều 12 mới. Quyền hạn và nghĩa vụ HĐQT	Điều 11 cũ liệt kê quyền theo Luật Doanh nghiệp: chiến lược, cổ phần, đầu tư, hợp đồng $\geq 35\%$ tài sản, nhân sự, tổ chức, ĐHĐCĐ, BCTC, cổ tức, tổ chức lại/giải thể, quy chế nội bộ...; quy định lấy ý kiến bằng văn bản và trách nhiệm khi nghị quyết trái pháp luật.	Tái cấu trúc: xác định HĐQT chịu trách nhiệm toàn diện trước ĐHĐCĐ và Tập đoàn về quản trị, chiến lược, kế hoạch trung/dài hạn, bảo toàn và phát triển vốn; giữ nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và trách nhiệm liên đới khi quyết định trái pháp luật gây thiệt hại; bổ sung nghĩa vụ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên về quản trị và giám sát Ban Tổng Giám đốc.	Phù hợp mô hình quản trị của Công ty trong hệ thống Tập đoàn và làm rõ trách nhiệm của HĐQT.
14	Bổ sung Điều 13. Thẩm quyền quyết định và hình thức thông qua Nghị quyết, Quyết định HĐQT	Điều 11 cũ chỉ quy định chung về quyền hạn và lấy ý kiến bằng văn bản; chưa có điều riêng về phân định thẩm quyền tập thể và phân cấp thường xuyên.	Bổ sung quy định nghị quyết/quyết định HĐQT có tính bắt buộc; nguyên tắc mỗi thành viên 01 phiếu và không biểu quyết giao dịch có lợi ích liên quan; hình thức họp trực tiếp/trực tuyến/lấy ý kiến bằng văn bản; tỷ lệ thông qua trên 50%; phân định chi tiết thẩm quyền tập thể theo các nhóm kế hoạch–đầu tư, thanh lý vườn cây–đất đai, tái cơ cấu–vốn, tài chính–tín dụng–lợi nhuận, tổ chức–nhân sự–tiền lương, kỹ thuật–SXKD; đồng thời phân cấp một số việc thường xuyên	Cụ thể hóa thẩm quyền, tăng tính kiểm soát và thống nhất với Quy chế HĐQT của Tập đoàn; tạo căn cứ vận hành, phân cấp rõ ràng.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			cho Chủ tịch/thành viên HĐQT chuyên trách.	
15	Điều 12 cũ → Điều 14 mới. Hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan	HĐQT chấp thuận hợp đồng/giao dịch dưới 35% hoặc tổng giá trị trong 12 tháng dưới 35% với các đối tượng liên quan; người đại diện Công ty phải thông báo cho HĐQT/Ban Kiểm soát.	Quy định HĐQT phê duyệt giao dịch từ 10% đến dưới 35% tổng tài sản (hoặc tỷ lệ chặt chẽ hơn theo Điều lệ); xác định rõ nhóm đối tượng; hồ sơ phải có dự thảo hợp đồng và tờ trình thuyết minh quyền lợi/nghĩa vụ; HĐQT quyết định trong 15 ngày kể từ khi đủ hồ sơ; thành viên có lợi ích liên quan không được tính vào biểu quyết.	Làm rõ ngưỡng và trình tự phê duyệt, tăng kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích.
16	Bổ sung Điều 15. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	Điều 2021 có quy định rải rác về triệu tập ĐHĐCĐ nhưng chưa có điều riêng trong Quy chế HĐQT.	Bổ sung các trường hợp HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường và thời hạn 30 ngày đối với các trường hợp luật định; bổ sung yêu cầu về chuẩn bị danh sách cổ đông, nội dung, tài liệu, dự thảo nghị quyết và thông báo.	Hệ thống hóa trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.
17	Bổ sung Điều 16. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	Chưa có quy định riêng về tiểu ban trực thuộc HĐQT.	Cho phép thành lập Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng, Tiểu ban Chiến lược và Phát triển, Tiểu ban Quản trị rủi ro...; mỗi tiểu ban tối thiểu 03 thành viên, gồm thành viên HĐQT và chuyên gia; thành viên độc lập/HĐQT không điều hành chiếm đa số và làm Trưởng tiểu ban.	Bổ sung công cụ hỗ trợ chuyên sâu cho HĐQT và tăng cường quản trị theo thông lệ quản trị công ty.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
18	Điều 16 cũ → Điều 17 mới. Cuộc họp HĐQT	Quy định họp đầu tiên trong 07 ngày; họp ít nhất mỗi quý; triệu tập bất thường theo đề nghị; thông báo trước 03 ngày; quorum 3/4 và họp lần hai trên 1/2; thành viên có thể tham dự bằng nhiều hình thức.	Giữ các nguyên tắc chính nhưng viết lại rõ hơn: họp đầu tiên do thành viên có số phiếu cao nhất triệu tập; quy định cụ thể đối tượng có quyền yêu cầu họp; thời hạn triệu tập 07 ngày làm việc; thông báo cho HĐQT và Ban Kiểm soát; bổ sung rõ hình thức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp.	Chuẩn hóa trình tự họp và thích ứng phương thức họp điện tử.
19	Điều 11 khoản 3 cũ → Điều 18 mới. Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	Quy định Chủ tịch có thể lấy ý kiến bằng văn bản khi chưa có/không có điều kiện họp; phiếu có 03 lựa chọn và phải có chữ ký.	Bổ sung quy trình chi tiết: áp dụng cho công việc phát sinh cần xử lý gấp giữa hai kỳ họp; Thư ký gửi phiếu và tài liệu qua thư bảo đảm/fax/email; quá hạn không gửi phiếu được quy định là tán thành; Thư ký kiểm phiếu dưới sự giám sát của thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên; lập biên bản kiểm phiếu và lưu hồ sơ.	Quy định đầy đủ quy trình, trách nhiệm và lưu trữ hồ sơ để bảo đảm khả năng kiểm soát.
20	Điều 17 cũ → Điều 19 mới. Biên bản họp HĐQT	Biên bản phải ghi đầy đủ nội dung, có thể ghi âm/ghi hình; quy định chữ ký và trường hợp Chủ tọa/Thư ký từ chối ký; lưu tại trụ sở Công ty.	Quy định rõ biên bản phải lập và thông qua trước khi bế mạc; chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và thành viên tham dự; trường hợp từ chối ký thì các thành viên còn lại ký chấp thuận; lưu cả biên bản và toàn bộ hồ sơ trình duyệt.	Tăng tính chặt chẽ của hồ sơ nghị quyết/quyết định và trách nhiệm đối với biên bản.
21	Điều 18 cũ → Điều 20 mới. Báo cáo thường niên tại ĐHĐCĐ	Trình báo cáo kết quả kinh doanh, BCTC, báo cáo đánh giá công tác quản lý/điều hành và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát; gửi Ban Kiểm soát trước 30 ngày; hồ sơ lưu tại Công ty trước ít nhất 10 ngày.	Hệ thống hóa thành báo cáo SXKD và tài chính; BCTC năm đã được kiểm toán; báo cáo quản trị HĐQT và đánh giá điều hành Tổng Giám đốc; báo cáo thẩm định Ban Kiểm soát; thời hạn gửi Ban Kiểm soát là chậm nhất 20 ngày trước ĐHĐCĐ; quy định quyền tiếp	Điều chỉnh thời hạn và nội dung báo cáo, đồng thời làm rõ quyền tiếp cận tài liệu của cổ đông.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			cận hồ sơ của cổ đông đủ điều kiện tối thiểu 10 ngày trước họp.	
22	Điều 19 cũ → Điều 21 mới. Thù lao, tiền lương, thưởng và chi phí	Quy định thành viên HĐQT và Thư ký được hưởng thù lao/tiền thưởng; HĐQT đề xuất để ĐHĐCĐ quyết định; thanh toán chi phí hợp lý.	Phân loại thù lao hoặc tiền lương đối với thành viên chuyên trách; tiền thưởng theo kết quả/hiệu quả SXKD; tổng quỹ do ĐHĐCĐ phê chuẩn; hạch toán và công bố riêng; bổ sung chi phí liên lạc; bổ sung khả năng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi ĐHĐCĐ chấp thuận.	Làm rõ cơ chế đãi ngộ, chi phí và trách nhiệm của thành viên HĐQT.
23	Điều 20 cũ → Điều 22 mới. Công khai lợi ích liên quan và nghĩa vụ trung thực	Kê khai lợi ích liên quan, doanh nghiệp mà thành viên/người liên quan sở hữu; thời hạn 07 ngày; công việc trong phạm vi kinh doanh của Công ty phải giải trình và được đa số thành viên còn lại chấp thuận.	Quy định kê khai bằng văn bản về lợi ích liên quan và danh mục doanh nghiệp mà bản thân/người liên quan nắm giữ vốn góp, cổ phần chi phối trong 07 ngày kể từ phát sinh/thay đổi; tiếp tục yêu cầu giải trình và chấp thuận trước khi thực hiện công việc thuộc ngành nghề kinh doanh cốt lõi; nguồn thu bất hợp pháp do vi phạm thuộc Công ty.	Cô đọng, hệ thống hóa nghĩa vụ kê khai và xử lý xung đột lợi ích.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
24	Điều 21 cũ → Điều 23 mới. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT	Quan hệ phối hợp; thành viên phụ trách chính phải phối hợp với thành viên phụ trách lĩnh vực liên quan; bất đồng thì báo cáo Chủ tịch; có bàn giao khi phân công lại.	Bổ sung nguyên tắc tôn trọng, công khai, minh bạch, vì phát triển bền vững; quy định bàn giao khi thay đổi, luân chuyển hoặc miễn nhiệm thành viên bằng biên bản và báo cáo Chủ tịch.	Tăng tính minh bạch và chuẩn hóa việc phối hợp, bàn giao công việc.
25	Điều 22 cũ → Điều 24 mới. Quan hệ HĐQT và Tổng Giám đốc/Ban Điều hành	Quan hệ quản lý trực tiếp; Tổng Giám đốc điều hành và chịu trách nhiệm; nghị quyết/quyết định/chỉ thị HĐQT bắt buộc thi hành; Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT.	Chuyển thành quan hệ chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát; bổ sung trách nhiệm HĐQT tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, phân cấp tài chính và nguồn lực; quy định trách nhiệm cụ thể của Tổng Giám đốc về kế hoạch, khai thác mỏ, vườn cây, KCN, lao động; bổ sung cơ chế xử lý tình huống khẩn cấp; quy định báo cáo tháng/quý và quyền tham dự giao ban của Chủ tịch/thành viên HĐQT.	Làm rõ ranh giới giữa quản trị/giám sát của HĐQT và điều hành hằng ngày của Tổng Giám đốc.
26	Điều 23 cũ → Điều 25 mới. Quan hệ với Ban Kiểm soát và tổ chức đoàn thể	Quan hệ HĐQT–Ban Kiểm soát là phối hợp, bình đẳng, độc lập; HĐQT nghiên cứu kiến nghị/kết luận kiểm tra của Ban Kiểm soát.	Bổ sung nghĩa vụ cung cấp đồng thời thông báo mời họp, tài liệu, dự thảo nghị quyết, BCTC cho Kiểm soát viên; quyền tham dự/phát biểu không biểu quyết; bổ sung phối hợp với Đảng ủy và Công đoàn về công tác cán bộ, nhiệm vụ chính trị, đời sống và quyền lợi người lao động.	Làm rõ cơ chế phối hợp với Ban Kiểm soát và các tổ chức trong Công ty.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
27	Điều 7 khoản 5 cũ → Điều 26 mới. Bộ máy giúp việc/Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký	Thư ký Công ty được HĐQT bổ nhiệm khi cần; hỗ trợ họp ĐHĐCĐ/HĐQT, công bố thông tin, quản trị công ty và bảo mật thông tin.	Quy định HĐQT bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty theo nhiệm kỳ tối đa 05 năm; quy định đầu mỗi hồ sơ/tờ trình, chuẩn bị họp, lập biên bản/kiểm phiếu/dự thảo nghị quyết, đơn đốc thực hiện nghị quyết và công bố thông tin, lưu trữ bảo mật; cho phép trưng dụng chuyên viên hoặc thuê tư vấn chuyên nghiệp khi cần.	Chuyên nghiệp hóa bộ máy giúp việc và làm rõ chức năng Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký.
28	Bổ sung Điều 27. Đảm bảo điều kiện làm việc của HĐQT	Chưa có điều riêng.	Quy định trang bị điều kiện làm việc, quyền truy cập dữ liệu quản trị/kế toán; Văn thư chuyển công văn đến HĐQT cho Chủ tịch; văn bản chỉ đạo lớn của Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc phải sao gửi HĐQT; chi phí hoạt động lập dự toán và thanh quyết toán theo Quy chế tài chính.	Bảo đảm nguồn lực, thông tin và điều kiện cần thiết để HĐQT thực hiện chức năng quản trị, giám sát.
29	Bổ sung Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	Quy chế 2021 có điều hiệu lực thi hành, không có điều riêng về cơ chế sửa đổi, bổ sung.	Quy định mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế do HĐQT nghiên cứu xây dựng và phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua mới có giá trị thi hành.	Xác định rõ thẩm quyền và trình tự sửa đổi Quy chế.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế hoạt động HĐQT năm 2021	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
30	Bổ sung Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp	Chưa có điều khoản chuyển tiếp.	Quy định vấn đề chưa được Quy chế quy định hoặc khi văn bản pháp luật thay đổi khác với Quy chế thì áp dụng pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.	Bảo đảm Quy chế không bị lạc hậu khi pháp luật thay đổi và có cơ sở xử lý vấn đề chưa được quy định.
31	Điều 24 cũ → Điều 30 mới. Hiệu lực thi hành	Quy chế 2021 gồm 07 Chương, 24 Điều, hiệu lực từ 15/6/2021.	Quy chế mới gồm 07 Chương, 30 Điều; có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành; thay thế toàn bộ Quy chế ban hành kèm Quyết định số 516/QĐ-CSPH ngày 17/6/2021; quy định trách nhiệm thi hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các đơn vị/cá nhân liên quan.	Xác lập rõ hiệu lực, văn bản bị thay thế và trách nhiệm thi hành của Quy chế mới.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2026 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCD ngày/...../2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ, phân công, phân cấp, thẩm quyền ra quyết định, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") nhằm thực hiện chức năng quản lý, định hướng và giám sát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (sau đây gọi tắt là "Điều lệ Công ty"), các chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") và quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Hội đồng quản trị Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được thảo luận dân chủ và quyết nghị theo đa số.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực, phần việc được phân công phụ trách; đồng thời cùng liên đới chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước Tập đoàn và trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các nghị quyết, quyết định chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này được hiểu và áp dụng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trên cơ sở thảo luận và thống nhất tại phiên họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành quyết định phân công trách nhiệm đối với từng thành viên Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác cụ thể, thường xuyên theo dõi, đôn đốc và báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện. Việc điều chỉnh, phân công lại nhiệm vụ phải được trao đổi tập thể và thông qua bằng nghị quyết hoặc văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty; đặc biệt là quyền yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, các công ty con và công ty liên kết.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế nội bộ đã ban hành để kiến nghị Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh và các văn bản pháp luật hiện hành.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tận tụy vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty; tuân thủ định hướng chỉ đạo chung của Tập đoàn;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, chuẩn bị nội dung và tích cực biểu quyết, chịu trách nhiệm đối với các ý kiến đóng góp;

c) Báo cáo kịp thời, trung thực và đầy đủ cho Hội đồng quản trị các khoản thù lao, lợi ích nhận được từ các công ty con, công ty liên kết hoặc tổ chức khác có vốn góp của Công ty;

d) Báo cáo tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, đơn vị trực thuộc với chính thành viên đó hoặc với người có liên quan; công khai các giao dịch với các doanh nghiệp mà thành viên HĐQT là sáng lập viên hoặc giữ vị trí quản lý trong thời gian 03 năm gần nhất;

e) Thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo giao dịch cổ phiếu PHR theo quy định pháp luật chứng khoán;

f) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về lĩnh vực được phân công theo dõi, chỉ đạo;

g) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập phiên họp bất thường theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này;

h) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá khách quan về hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị để trình bày tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ của Công ty và Người đại diện vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên cung cấp đầy đủ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất, tài liệu pháp lý và số liệu kế toán liên quan đến tình hình quản trị, điều hành, tài chính và sản xuất kinh doanh.

2. Người quản lý được yêu cầu có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, trung thực, chính xác và đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị; không được trì hoãn, né tránh hoặc che giấu thông tin. Trình tự và hình thức cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa do Đại hội đồng cổ đông quyết định, tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa không quá 05 (năm) người. Cơ cấu thành viên phải bảo đảm số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên không điều hành theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của từng thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Riêng đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị chỉ được bầu không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục tại Công ty.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có năng lực quản lý kinh doanh, am hiểu thực tế về lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp khác, nhưng không được đồng thời đảm nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị tại quá 03 (ba) công ty khác theo quy định quản trị doanh nghiệp;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh/chị/em ruột) của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty; của Người quản lý Tập đoàn và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ (Tập đoàn);

e) Chưa từng bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với các chức danh Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định của pháp luật;

f) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, liêm khiết, trung thực và có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này và các điều kiện độc lập theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị khi nhận thấy bản thân không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện độc lập phải gửi thông báo bằng văn bản ngay cho Hội đồng quản trị và đương nhiên chấm dứt tư cách thành viên độc lập kể từ ngày không còn đáp ứng. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp bất thường trong thời hạn 06 (sáu) tháng để bầu bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số phiếu tán thành. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp trong ngành nghề kinh doanh chính hoặc có liên quan mật thiết đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty (hoặc theo quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty).

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu các cuộc họp; triệu tập, chủ trì và điều hành các phiên họp của Hội đồng quản trị;

c) Chủ tọa các phiên họp của Đại hội đồng cổ đông;

d) Thay mặt Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến biểu quyết và ký ban hành các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Lãnh đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định, chủ trương của Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu trái với nghị quyết của HĐQT, Điều lệ Công ty hoặc quy định pháp luật;

f) Phối hợp chỉ đạo, giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, thanh lý vườn cây, thu hồi/bàn giao đất và quản lý điều hành của Tổng Giám đốc;

g) Đảm bảo việc gửi báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, báo cáo hoạt động thường niên của HĐQT tới các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo luật định;

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch. Nếu không có người được ủy quyền hoặc rơi vào các trường hợp khuyết vị trí theo luật định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định bầu mới.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày chấp thuận từ chức hoặc bãi nhiệm.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 7 Quy chế này và Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức bằng văn bản và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không có lý do chính đáng và không được Hội đồng quản trị chấp thuận, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có kết luận chuyên môn về y tế chứng minh không còn khả năng nhận thức và làm chủ hành vi;

d) Bị truy tố và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật;

e) Có hành vi không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ, lợi dụng chức vụ, lạm dụng tài sản của Công ty để tư lợi; báo cáo sai sự thật tình hình tài chính và kết quả kinh doanh;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai lệch, gian dối trong hồ sơ ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

g) Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi xét thấy cần thiết vì lợi ích tối cao của Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết giảm quá 1/3 (một phần ba) so với quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung;

b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống không đảm bảo tỷ lệ quy định;

c) Tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để thay thế thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tỷ lệ cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị. Việc thông báo lập nhóm đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức trước giờ khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được đề cử không đủ theo số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có quyền đề cử bổ sung hoặc tổ chức cơ chế giới thiệu thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, công bố công khai trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị bắt buộc áp dụng phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai theo quyết định của Đại hội.

Điều 11. Công bố thông tin về ứng viên và kết quả bầu cử

1. Danh sách và hồ sơ trích ngang của các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được Công ty công bố công khai trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ ứng viên phải bao gồm bản cam kết về tính trung thực, chính xác và đầy đủ các nội dung cá nhân, quan hệ lợi ích liên quan, chức danh quản lý tại các doanh nghiệp khác.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin minh bạch theo đúng thời hạn và trình tự pháp luật chứng khoán quy định.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các chủ trương, định hướng chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm toàn diện trước Đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn về công tác quản trị, định hướng chiến lược dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh trung và dài hạn, quản lý bảo toàn và phát triển vốn.

3. Khi thực hiện quyền hạn và trách nhiệm, Hội đồng quản trị tuân thủ nghiêm túc pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định trái pháp luật hoặc trái Điều lệ Công ty gây thiệt hại, các thành viên tán thành phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và bồi thường thiệt hại cho Công ty; thành viên kiên quyết bảo lưu ý kiến phản đối được miễn trừ trách nhiệm. Cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ hoặc hủy bỏ các nghị quyết, quyết định vi phạm nói trên.

4. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả hoạt động quản trị, kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành hàng năm.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định và hình thức thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị mang tính bắt buộc thực hiện đối với toàn thể Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị cơ sở trực thuộc, các công ty con và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa. Trường hợp Tổng Giám đốc có ý kiến khác thì được quyền bảo lưu và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tập đoàn; tuy nhiên trong thời gian chờ xem xét giải quyết, Tổng Giám đốc vẫn phải nghiêm túc chấp hành nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Quyền biểu quyết: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Thành viên không được tham gia biểu quyết đối với các giao dịch, hợp đồng mang lại lợi ích cho bản thân hoặc người có liên quan theo quy định.

3. Hình thức thông qua: Thông qua bằng biểu quyết trực tiếp/trực tuyến tại cuộc họp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết, quyết định được thông qua khi có trên 50% (quá bán) tổng số thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang phiếu thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phân định thẩm quyền phê duyệt của tập thể Hội đồng quản trị:

Các vấn đề sau đây bắt buộc phải do tập thể Hội đồng quản trị xem xét, quyết nghị thông qua tại phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Về kế hoạch, đầu tư và sản xuất kinh doanh:

– Thông qua chiến lược, quy hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch phát triển trung hạn (5 năm) và kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính hàng năm của Công ty sau khi được Tập đoàn thỏa thuận/phê duyệt để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

– Xác định các mục tiêu, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở kế hoạch chung đã được Tập đoàn thỏa thuận và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

– Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư và phê duyệt quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo phân cấp của Điều lệ Công ty; trình

Tập đoàn chấp thuận chủ trương đối với các dự án đầu tư theo phân cấp quản lý vốn của Tập đoàn;

- Quyết định chủ trương liên kết đầu tư, hợp tác đầu tư giữa Công ty với các đơn vị, đối tác khác sau khi có văn bản chấp thuận chủ trương của Hội đồng quản trị Tập đoàn;

- Quyết định các khoản đầu tư, chi tiêu phát sinh không thuộc kế hoạch hoặc vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh năm sau khi được Tập đoàn chấp thuận;

- Quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư, thoái vốn đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp khác sau khi có văn bản chấp thuận chủ trương của Hội đồng quản trị Tập đoàn;

- Phê duyệt chi phí đầu tư trồng mới, chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản (KTCB), tái canh cao su hằng năm trên cơ sở mức chi phí đầu tư tối đa được Tập đoàn phê duyệt hoặc thỏa thuận;

- Phê duyệt kế hoạch mua sắm thường xuyên hằng năm của Công ty theo phân cấp và thẩm quyền quản lý tài chính nội bộ.

b) Về thanh lý vườn cây, bàn giao và quản lý đất đai:

- Thông qua kế hoạch thanh lý vườn cây cao su hằng năm để tái canh hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sau khi được Tập đoàn thỏa thuận/phê duyệt;

- Quyết định thanh lý vườn cây cao su (KTCB, vườn cây kinh doanh) bị thiệt hại do thiên tai, sâu bệnh, kém hiệu quả sau khi có ý kiến chấp thuận chủ trương của Tập đoàn;

- Quyết định việc bàn giao đất, thu hồi đất theo thông báo/quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tự nguyện trả đất về địa phương sau khi có văn bản thỏa thuận chủ trương của Hội đồng quản trị Tập đoàn;

- Quyết định thanh lý cây cao su, thanh lý gỗ/củi và tài sản cố định sau khi có văn bản thỏa thuận chủ trương của Tập đoàn theo quy định phân cấp quản lý.

c) Về tái cơ cấu doanh nghiệp và quản lý vốn đầu tư:

- Quyết định chủ trương thực hiện cơ cấu lại, thoái vốn, tiếp tục góp vốn, thành lập mới hoặc tăng/giảm vốn điều lệ tại các công ty con, công ty liên kết sau khi có văn bản chấp thuận chủ trương của Hội đồng quản trị Tập đoàn;

- Đối với việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, sắp xếp lại bộ máy tổ chức và mô hình hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị thành viên do Công ty giữ quyền chi phối, quy trình thực hiện như sau:

Bước 1: Hội đồng quản trị xem xét, thông qua về mặt chủ trương;

Bước 2: Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty có trách nhiệm báo cáo và xin ý kiến chấp thuận chủ trương của Tập đoàn theo Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn;

Bước 3: Căn cứ văn bản chấp thuận chủ trương của Tập đoàn, Hội đồng quản trị mới chính thức ban hành quyết định thực hiện theo thẩm quyền hoặc trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ Công ty."

– Quyết định phương án mua lại cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sau khi được Hội đồng quản trị Tập đoàn chấp thuận chủ trương.

d) Về lĩnh vực tài chính, tín dụng và phân phối lợi nhuận:

– Thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán độc lập để trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn; xem xét, thông qua hoặc cho ý kiến đối với Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) đã được soát xét trước khi công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.

– Phê duyệt kế hoạch tài chính, phương án vay vốn tín dụng trung - dài hạn, phát hành trái phiếu (nếu có), các phương án bảo lãnh vay vốn cho các công ty con/công ty liên kết phù hợp với quy định pháp luật;

– Thông qua các hợp đồng mua bán, hợp đồng kinh tế, giao dịch tài chính có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo Điều lệ);

– Phê duyệt phương án xử lý nợ khó đòi, xóa nợ, trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng rủi ro tài chính lớn;

– Đề xuất mức chia cổ tức hàng năm, tạm ứng cổ tức và quyết định thời hạn, quy trình chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi có ý kiến chấp thuận của Tập đoàn.

e) Về tổ chức bộ máy, nhân sự và lao động tiền lương:

– Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

– Quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, thù lao đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

– Thỏa thuận để Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động cán bộ giữ chức danh Trưởng các Phòng, Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc;

– Cử, thay đổi Người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ biểu quyết cho Người đại diện vốn tại các kỳ họp ĐHĐCĐ/Hội đồng quản trị của công ty con, công ty liên kết;

– Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị, thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, đội sản xuất, nhà máy chế biến;

- Ban hành các Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế tài chính, Quy chế trả lương, trả thưởng cho người quản lý và người lao động của Công ty;
- Quyết định loại dấu, hình thức, số lượng và quản lý con dấu pháp nhân của Công ty.

f) Về chỉ đạo chuyên môn kỹ thuật và điều hành sản xuất kinh doanh:

- Chỉ đạo, giám sát công tác quản lý chất lượng mủ cao su chế biến, công tác bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và chứng chỉ rừng (PEFC/FSC);
- Thông qua định mức kinh tế kỹ thuật khai thác, chăm sóc cây cao su, chế biến mủ, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm xuất khẩu;
- Ban hành chủ trương cạo tận thu đối với các diện tích vườn cây chuẩn bị thanh lý giải phóng mặt bằng hoặc tái canh; chủ trương nhượng bán quyền khai thác mủ tận thu;
- Đánh giá, xếp loại Người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết hàng năm.

5. Phân cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên HĐQT chuyên trách quyết định thường xuyên:

Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc thành viên HĐQT chuyên trách được ủy quyền) giải quyết, ban hành các văn bản thuộc các nội dung phát sinh thường xuyên sau đây:

- Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn đã được Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương đầu tư theo phân cấp tại Quy chế quản trị và Quy chế tài chính của Công ty;
- Ban hành văn bản thỏa thuận chỉ đạo Người đại diện vốn Công ty biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường của các công ty con, công ty liên kết;
- Quyết định cử cán bộ thuộc diện Hội đồng quản trị quản lý đi công tác, học tập, tham quan trong và ngoài nước;
- Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn, Ban chỉ đạo chuyên đề (Hội đồng thanh lý tài sản, Hội đồng lương, Ban chỉ đạo tái cơ cấu, Ban chỉ đạo chuyển đổi số...);
- Ban hành các công văn, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất gửi Tập đoàn, các Bộ ngành, UBND tỉnh Bình Dương về tình hình sản xuất kinh doanh, giải quyết vướng mắc thủ tục đất đai, đền bù giải tỏa;
- Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn;
- Ký các văn bản chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các kết luận thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước và cơ quan cấp trên.

Điều 14. Phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan

1. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định phê duyệt các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (hoặc tỷ lệ khác theo quy định chặt chẽ hơn tại Điều lệ Công ty) được xác lập giữa Công ty với các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông lớn, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan;
- Doanh nghiệp có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự phê duyệt: Người đại diện ký kết hợp đồng phải gửi hồ sơ, dự thảo hợp đồng kèm tờ trình thuyết minh rõ quyền lợi và nghĩa vụ đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Các thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không được tính vào biểu quyết.

Điều 15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị có nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- c) Theo yêu cầu bằng văn bản hợp lệ của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu đủ tỷ lệ cổ phần luật định;
- d) Theo văn bản đề nghị chính thức của Ban Kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời hạn triệu tập: Hội đồng quản trị phải tiến hành triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày rơi vào các tình huống tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này. Công tác tổ chức cuộc họp tuân thủ chặt chẽ các bước chuẩn bị danh sách cổ đông, nội dung, tài liệu, dự thảo nghị quyết và gửi thông báo theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban giúp việc trực thuộc, bao gồm: Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng, Tiểu ban Chiến lược và Phát triển, Tiểu ban

Quản trị rủi ro... Số lượng thành viên của mỗi tiểu ban có tối thiểu từ 03 (ba) người, gồm thành viên HĐQT và các chuyên gia. Thành viên độc lập hoặc thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số và đảm nhiệm vị trí Trưởng tiểu ban.

2. Quy chế hoạt động, nhiệm vụ và thẩm quyền cụ thể của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị Công ty ban hành quyết định thành lập quy định.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THỂ THỨC RA QUYẾT ĐỊNH

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị khóa mới để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử. Cuộc họp do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.

2. Kỳ họp thường kỳ: Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần để đánh giá kết quả quý trước và thông qua kế hoạch quý tiếp theo.

3. Kỳ họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường khi có yêu cầu bằng văn bản của: Ban Kiểm soát; Thành viên độc lập HĐQT; Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; hoặc có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị. Thời hạn triệu tập họp trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản yêu cầu.

4. Thông báo mời họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp, chương trình nghị sự, tài liệu họp và phiếu biểu quyết đến từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

5. Điều kiện tiến hành họp:

- Cuộc họp Hội đồng quản trị họp lệ khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền họp lệ cho thành viên khác (được sự chấp thuận của đa số thành viên HĐQT).

- Trường hợp triệu tập lần thứ nhất không đủ tỷ lệ, cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày; phiên họp lần hai được tiến hành nếu có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên tham dự.

6. Hình thức họp: Cuộc họp có thể tổ chức trực tiếp tại trụ sở Công ty, tổ chức họp trực tuyến (qua cầu truyền hình, hội nghị trực tuyến) hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm các thành viên nghe, trao đổi và thảo luận đồng thời với nhau.

Điều 18. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Đối với các công việc phát sinh cần xử lý gấp giữa hai kỳ họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định áp dụng hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản thay cho việc triệu tập phiên họp.

2. Thư ký Hội đồng quản trị gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến từng thành viên HĐQT qua thư bảo đảm, fax hoặc thư điện tử (email). Phiếu lấy ý kiến phải nêu rõ vấn đề cần xin ý kiến, thời hạn phản hồi và 03 phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

3. Thành viên Hội đồng quản trị ký tên vào phiếu và gửi về Thư ký HĐQT đúng hạn. Trường hợp quá hạn không gửi lại xem như thành viên đó bỏ phiếu tán thành.

4. Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện kiểm phiếu dưới sự giám sát của ít nhất 01 thành viên HĐQT hoặc 01 Kiểm soát viên, lập Biên bản kiểm phiếu và soạn thảo Nghị quyết trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành. Toàn bộ hồ sơ lấy ý kiến văn bản được lưu trữ tại trụ sở Công ty.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Mọi diễn biến, thảo luận và kết quả biểu quyết tại các phiên họp Hội đồng quản trị đều phải được ghi chép trung thực, đầy đủ vào Biên bản họp. Biên bản có thể ghi âm, ghi hình để lưu trữ.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập xong và thông qua ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký ghi biên bản và toàn bộ các thành viên HĐQT tham dự phiên họp.

3. Trường hợp Chủ tọa hoặc Thư ký từ chối ký biên bản, nhưng nếu được tất cả các thành viên còn lại dự họp ký tên chấp thuận nội dung thì biên bản vẫn có đầy đủ hiệu lực pháp lý thi hành. Người từ chối ký phải chịu trách nhiệm cá nhân về lý do từ chối.

4. Biên bản họp và toàn bộ hồ sơ trình duyệt tại cuộc họp phải được lưu giữ cẩn trọng tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật về lưu trữ tài liệu doanh nghiệp.

Chương V CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THÙ LAO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 20. Trình các báo cáo thường niên tại Đại hội đồng cổ đông

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm hoàn tất và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên các báo cáo sau:

a) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty;

b) Báo cáo tài chính năm đã được tổ chức kiểm toán độc lập soát xét và ký báo cáo kiểm toán;

c) Báo cáo công tác quản trị của Hội đồng quản trị và đánh giá kết quả điều hành của Tổng Giám đốc;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Các báo cáo nói trên phải được hoàn thành và gửi đến Ban Kiểm soát chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ thường niên.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện luật định có quyền tiếp cận, xem xét các hồ sơ, tài liệu, báo cáo kiểm toán tại trụ sở chính Công ty trong thời hạn tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ.

Điều 21. Thù lao, tiền lương, thưởng và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc hoặc tiền lương (nếu là thành viên HĐQT chuyên trách), tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tổng quỹ thù lao, tiền lương và tiền thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại kỳ họp thường niên trên cơ sở tờ trình của HĐQT.

3. Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành một khoản mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và công bố công khai.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được Công ty thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, phương tiện liên lạc và chi phí công tác hợp lý khác phục vụ cho quá trình thực thi nhiệm vụ được giao theo Quy chế tài chính nội bộ.

5. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chấp thuận. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan và nghĩa vụ trung thực

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai bằng văn bản cho Công ty các lợi ích liên quan, danh mục các doanh nghiệp mà bản thân và người có liên quan nắm giữ vốn góp, cổ phần chi phối trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi.

2. Thành viên Hội đồng quản trị khi nhân danh cá nhân hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc thuộc phạm vi ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty phải báo cáo giải trình và chỉ được phép thực hiện khi có sự chấp thuận của đa số các thành viên HĐQT còn lại. Mọi nguồn thu bất hợp pháp phát sinh từ việc vi phạm quy định này đều thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 23. Quan hệ công tác giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, cộng tác chặt chẽ trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, công khai, minh bạch vì sự phát triển bền vững của Công ty.

2. Khi xử lý công việc thuộc mảng được phân công có liên quan đến lĩnh vực của thành viên khác, thành viên phụ trách chính phải chủ động trao đổi, bàn bạc thống nhất. Nếu phát sinh bất đồng ý kiến thì kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì xử lý hoặc đưa ra phiên họp HĐQT.

3. Khi có sự thay đổi, luân chuyển hoặc miễn nhiệm thành viên HĐQT, công tác bàn giao hồ sơ, tài liệu và công việc đang xử lý phải được lập thành biên bản rõ ràng và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 24. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, Ban Điều hành

1. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc là quan hệ chỉ đạo, quản lý và kiểm tra, giám sát trực tiếp. Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết, quyết định để định hướng; Tổng Giám đốc là người tổ chức điều hành tác nghiệp hằng ngày.

2. Hội đồng quản trị luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, phân cấp thẩm quyền tài chính và nguồn lực để Tổng Giám đốc chủ động điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, khai thác mỏ, quản lý vườn cây, phát triển khu công nghiệp và quản lý lao động.

4. Trường hợp khẩn cấp (thiên tai, cháy nổ, bão tố gây hại vườn cây, sự cố môi trường, dịch bệnh...), Tổng Giám đốc được quyền quyết định áp dụng các biện pháp cấp bách vượt thẩm quyền để hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty, sau đó phải báo cáo ngay bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định đó.

5. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ gửi báo cáo tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ hằng tháng, hằng quý (chậm nhất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý) cho Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên HĐQT được phân công có quyền tham dự các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc, phát biểu ý kiến chỉ đạo định hướng nhưng không kết luận thay Tổng Giám đốc.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát và các tổ chức đoàn thể

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp công tác trên nguyên tắc bình đẳng, độc lập, hỗ trợ nhau nhằm bảo đảm sự minh bạch tài chính và an toàn tài sản của Công ty.

2. Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ, cùng thời điểm mọi thông báo mời họp, tài liệu, dự thảo nghị quyết, báo cáo tài chính cho các Kiểm soát viên như đối với thành viên HĐQT. Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham dự, phát biểu ý kiến tại các phiên họp HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu kỹ các kiến nghị, kết luận trong báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát để kịp thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chấn chỉnh các sai sót, phòng ngừa rủi ro.

4. Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa trong công tác cán bộ và thực hiện nhiệm vụ chính trị; phối hợp với Công đoàn Công ty trong việc chăm lo đời sống, tiền lương, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động.

Điều 26. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty:

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo nhiệm kỳ tối đa 05 năm để giúp việc cho Hội đồng quản trị;
- Tiêu chuẩn, chức năng và nhiệm vụ thực hiện theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định về quản trị công ty áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

2. Nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty:

- Làm đầu mối liên lạc, tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, tài liệu, tờ trình từ Ban Tổng Giám đốc đến Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị cơ sở vật chất, tài liệu, gửi giấy mời họp HĐQT và ĐHĐCĐ;
- Soạn thảo biên bản phiên họp, kiểm phiếu lấy ý kiến văn bản, dự thảo các nghị quyết, quyết định, kết luận cuộc họp trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành;
- Đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đã ban hành và theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo luật định;
- Quản lý, lưu trữ an toàn, bảo mật toàn bộ hệ thống hồ sơ, biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị theo chế độ quy định.

3. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền trưng dụng chuyên viên từ các phòng chức năng của bộ máy điều hành hoặc thuê tổ chức tư vấn chuyên nghiệp bên ngoài để thẩm định các đề án, dự án đầu tư phức tạp.

Điều 27. Đảm bảo điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được trang bị các điều kiện làm việc cần thiết, văn phòng làm việc (đối với thành viên chuyên trách), máy móc, phương tiện liên lạc và quyền truy cập vào hệ thống số liệu quản trị, báo cáo số liệu kế toán của Công ty.

2. Văn thư Công ty có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ công văn, đơn từ gửi đến Hội đồng quản trị để chuyển trực tiếp cho Chủ tịch HĐQT xem xét xử lý.

3. Mọi văn bản chỉ đạo của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc liên quan đến quy chế, quy định nội bộ hoặc điều hành các chủ trương lớn đều phải sao gửi Hội đồng quản trị để theo dõi, giám sát.

4. Chi phí phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị được lập dự toán hằng năm và thanh quyết toán theo Quy chế tài chính của Công ty.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa nghiên cứu xây dựng và phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua mới có giá trị thi hành.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

Những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được quy định trong Quy chế này hoặc khi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan có sự thay đổi khác với các điều khoản của Quy chế này thì sẽ đương nhiên áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa gồm 07 Chương, 30 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Quy chế này thay thế toàn bộ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 516/QĐ-CSPH ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Trưởng các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1483/TTr-CSPH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản còn hiệu lực có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa;

Căn cứ các quy chế hoạt động của Công ty và các quy định có liên quan của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP đang có hiệu lực, bao gồm quy định về hoạt động HĐQT, người đại diện phần vốn, quản lý vốn và đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2026/NQ-CSPH ngày 30/09/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa về việc thống nhất Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa với các nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết

Quy chế được rà soát, xây dựng nhằm cập nhật các quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; đồng thời hoàn thiện các quy định nội bộ về tổ chức, thẩm quyền, trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản trị, điều hành của Công ty.

2. Nội dung trình thông qua

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa theo dự thảo đính kèm Tờ trình này.

Quy chế được áp dụng kể từ ngày được ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo Quyết định số 447/QĐ-CSPH ngày 03/7/2023.

3. Tổ chức thực hiện

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức hoàn thiện, ký ban hành và công bố Quy chế theo quy định; đồng thời rà soát, trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết để bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình thực tế.

Trân trọng kính trình./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TKHQQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Huỳnh Kim Nhựt

BẢNG SO SÁNH, ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(NĂM 2023 VÀ DỰ THẢO NĂM 2026)
(Kèm theo Tờ trình trình số: 1483/TTr-CSPH ngày 30/9/2026 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)

PHẦN CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
1	Cơ sở pháp lý ban hành	Căn cứ Luật Chứng khoán 2019; Luật Doanh nghiệp 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Thông tư 116/2020/TT-BTC; Điều lệ Công ty thông qua ngày 28/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/2023/NQ-CSPH ngày 28/06/2023.	Cập nhật và bổ sung: Luật Doanh nghiệp 2020 & Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán 2019 & các văn bản sửa đổi; Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15; NĐ 155/2020/NĐ-CP & NĐ 245/2025/NĐ-CP sửa đổi NĐ 155; NĐ 366/2025/NĐ-CP; TT 116/2020/TT-BTC; Điều lệ Công ty 2026; Các quy chế/quy định của Tập đoàn CNCS Việt Nam (VRG); Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026.	Cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, đảm bảo tính hợp pháp, tính nhất quán với Điều lệ Công ty mới và các quy định quản lý vốn/cán bộ của Tập đoàn chi phối.
2	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1. Phạm vi: Quy định vai trò, quyền, nghĩa vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT, TGD; trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS, TGD và hoạt động khác.	1. Phạm vi: Quy định các nguyên tắc, nội dung chủ yếu về quản trị; quyền, nghĩa vụ, mối quan hệ công tác giữa ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, TGD, Người điều hành doanh nghiệp, Người phụ trách quản trị, Thư ký HĐQT và tổ chức, cá nhân liên quan.	Mở rộng toàn diện phạm vi điều chỉnh bao quát mọi mặt công tác quản trị công ty đại chúng niêm yết; xác định rõ vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn Tập đoàn và bộ máy điều hành.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
		2. Đối tượng: Thành viên HĐQT, BKS, TGD và những người liên quan.	2. Cụ thể hóa trình tự ĐHĐCĐ, bầu/miễn nhiệm HĐQT/BKS, phương thức hoạt động HĐQT, cơ chế phối hợp HĐQT-BKS-TGD, kiểm soát xung đột lợi ích, giao dịch bên liên quan, bảo mật, kiểm soát nội bộ & quản trị rủi ro. 3. Mở rộng đối tượng áp dụng: Tất cả cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Người điều hành khác, Người phụ trách quản trị/Thư ký HĐQT, Người đại diện phần vốn của Tập đoàn (VRG) tại Công ty và các đơn vị phụ thuộc, cá nhân liên quan.	
3	Điều 2 (Mới). Nguyên tắc quản trị Công ty	Chưa có điều riêng quy định về các nguyên tắc quản trị (đang lồng ghép ở Điều 2 cũ về ĐHĐCĐ).	Bổ sung mới Điều 2 với 5 nguyên tắc cốt lõi: 1. Nguyên tắc thượng tôn pháp luật, tuân thủ Điều lệ và quy chế nội bộ. 2. Phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan quản trị và điều hành, không can thiệp trái thẩm quyền. 3. Đối xử công bằng, bình đẳng giữa các cổ đông và bảo vệ quyền cổ đông.	Định hình triết lý quản trị minh bạch, hiện đại; bảo vệ cổ đông và làm rõ cơ chế tự chủ kinh doanh của Công ty đối với Tập đoàn chi phối theo Luật số 68/2025/QH15.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			4. Minh bạch và trách nhiệm giải trình. 5. Xác định rõ mối quan hệ với Tập đoàn là cổ đông chi phối: Công ty giữ tư cách pháp nhân độc lập, tự chủ kinh doanh; Tập đoàn thực hiện quyền thông qua tư cách cổ đông và Người đại diện phần vốn.	
4	Điều 3 (Mới). Áp dụng pháp luật, Điều lệ và quy định của Tập đoàn	Chưa quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật và thứ tự hiệu lực văn bản.	Bổ sung mới Điều 3: 1. Thứ tự hiệu lực áp dụng: Pháp luật -> Điều lệ Công ty -> Quy chế nội bộ. 2. Các văn bản chỉ đạo/quy chế của Tập đoàn áp dụng trong phạm vi phù hợp với pháp luật và Điều lệ. 3. Ý kiến chỉ đạo/chấp thuận của Tập đoàn gửi Người đại diện phần vốn là căn cứ để đại diện tham gia biểu quyết, không tự động thay thế Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty. 4. Văn bản quy phạm pháp luật mới được đương nhiên áp dụng trực tiếp kể từ ngày có hiệu lực.	Tạo hành lang pháp lý rõ ràng khi áp dụng các văn bản quản trị; giải quyết mối quan hệ giữa quy định nội bộ Công ty và chỉ đạo của cổ đông chi phối.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
5	Điều 4 (Mới). Giải thích từ ngữ và nguyên tắc tham chiếu	Chưa có điều giải thích từ ngữ tập trung (chỉ nằm rải rác trong các điều khoản).	Bổ sung mới Điều 4: Định nghĩa chuẩn xác 8 nhóm thuật ngữ chính: "Công ty", "Tập đoàn/VRG", "Người đại diện phần vốn", "Người quản lý doanh nghiệp", "Người điều hành", "Người có liên quan", "Cổ đông lớn", "Quy chế nội bộ về quản trị công ty", "Quy chế hoạt động HĐQT/BKS". Đồng thời quy định nguyên tắc viện dẫn pháp luật và Điều lệ.	Thống nhất cách hiểu và áp dụng thuật ngữ xuyên suốt Quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
6	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	Quy định rải rác tại Điều 2 khoản 1 (vai trò, quyền, nghĩa vụ cổ đông theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ).	Quy định riêng biệt và chi tiết thành 3 khoản: 1. Quyền cổ đông phổ thông: Dự họp/biểu quyết, nhận cổ tức, ưu tiên mua cổ phần, tự do chuyển nhượng, tra cứu thông tin, yêu cầu mua lại cổ phần, đối xử bình đẳng. 2. Nghĩa vụ cổ đông: Thanh toán đủ cổ phần, không rút vốn góp trái pháp luật, tuân thủ Điều lệ/Quy chế, chấp hành Nghị quyết, bảo mật thông tin.	Cụ thể hóa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các nhóm cổ đông theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nâng cao tính công khai minh bạch.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			3. Quyền của nhóm cổ đông sở hữu từ 05% và từ 10% cổ phần: Quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ, tra cứu biên bản/BCTC/hợp đồng HĐQT, yêu cầu BKS kiểm tra vụ việc, gửi kiến nghị chương trình họp (nhóm $\geq 5\%$); Quyền đề cử ứng viên HĐQT/BKS (nhóm $\geq 10\%$).	
7	Điều 6. Đại hội đồng cổ đông và thẩm quyền	Tham chiếu Điều 14 Điều lệ Công ty về thẩm quyền ĐHĐCĐ.	Chi tiết hóa thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại Khoản 2 (a đến n): Thông qua chiến lược dài hạn, loại/số lượng cổ phần, bầu/miễn nhiệm HĐQT/BKS, phê duyệt dự án/bán tài sản $\geq 35\%$ tổng tài sản, sửa Điều lệ, BCTC năm, ngân sách thù lao, Quy chế quản trị/HĐQT/BKS, chấp thuận giao dịch bên liên quan thuộc thẩm quyền. Quy định rõ ĐHĐCĐ không quyết định vấn đề thuộc thẩm quyền riêng của HĐQT/TGĐ.	Rõ ràng hóa phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ, tránh chồng chéo với chức năng quản trị của HĐQT và điều hành của TGĐ.
8	Điều 7. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Nêu chung theo trình tự triệu tập ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.	Quy định chi tiết: 1. ĐHĐCĐ thường niên họp trong 04 tháng (gia hạn tối đa 06 tháng) kể từ khi kết thúc năm tài chính. Các trường hợp họp bất thường. 2. Trách nhiệm và trình tự triệu tập bất thường khi HĐQT bị khuyết quá số lượng - > BKS triệu tập thay thế -> Nhóm cổ đông ($\geq 5\%$) triệu tập.	Hóa giải vướng mắc trong thực tiễn nếu HĐQT không triệu tập họp; bảo đảm quyền tự chịu trách nhiệm và giám sát của BKS và cổ đông.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			3. Địa điểm họp phải trên lãnh thổ VN. Ngày chốt danh sách dự họp công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	
9	Điều 8. Chương trình, tài liệu và kiến nghị của cổ đông	Thông báo họp gửi chậm nhất 21 ngày trước khai mạc; tài liệu gửi kèm hoặc nêu đường dẫn; kiến nghị cổ đông gửi trước.	Chi tiết hóa quy trình: 1. Đăng tải toàn bộ tài liệu họp, dự thảo nghị quyết, phiếu biểu quyết, thông tin ứng viên trên website Công ty (www.phr.vn) đồng thời với gửi thông báo mời họp. 2. Thông báo mời họp gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. 3. Quyền kiến nghị của nhóm cổ đông $\geq 5\%$: Gửi bằng văn bản chậm nhất 03 ngày làm việc trước khai mạc; quy định rõ các trường hợp từ chối kiến nghị.	Đảm bảo tính chuẩn xác về thời hạn và công khai thông tin trên trang thông tin điện tử theo quy định chứng khoán.
10	Điều 9. Tham dự, ủy quyền và đăng ký dự họp	Quy định mẫu giấy ủy quyền; trước ngày họp đăng ký qua điện thoại/fax/email; ngày họp cấp thẻ biểu quyết. Cổ đông đến muộn đăng ký ngay.	Chuẩn hóa thể thức: 1. Phương thức tham dự: Trực tiếp, ủy quyền, họp trực tuyến hoặc biểu quyết điện tử. 2. Văn bản ủy quyền lập theo pháp luật dân sự; cấm tự ý đặt thêm điều kiện hạn chế ủy quyền. 3. Mở bàn đăng ký đến khi cổ đông dự họp đăng ký hết; cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và biểu quyết các nội dung	Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cổ đông tham gia biểu quyết; tích hợp hình thức họp và biểu quyết công nghệ số.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			tiếp theo (các nội dung đã biểu quyết trước đó giữ nguyên hiệu lực).	
11	Điều 10. Điều kiện tiến hành và thể thức họp	Dẫn chiếu Điều 19 Điều lệ Công ty về điều kiện tiến hành.	Sửa đổi, bổ sung mức tỷ lệ tiến hành họp theo Luật Doanh nghiệp 2020: - Lần 1: Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết (thay vì 51% trước đây). - Lần 2: Cổ đông đại diện từ 33% trở lên. - Lần 3: Không phụ thuộc tỷ lệ. Quy định chi tiết thẩm quyền Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm phiếu; hoãn/tạm dừng họp tối đa 3 ngày và hạ tầng họp trực tuyến.	Cập nhật đúng tỷ lệ điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ theo Luật Doanh nghiệp 2020.
12	Điều 11. Biểu quyết, kiểm phiếu và thông qua nghị quyết	Quy định cách thức giao thẻ, kiểm phiếu công khai và bỏ phiếu kín.	Chi tiết hóa tỷ lệ biểu quyết thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ (Điều 21 Điều lệ): - Tỷ lệ từ 65% trở lên số phiếu dự họp đối với các nội dung trọng yếu (loại/số lượng cổ phần, ngành nghề, cơ cấu quản lý, dự án/bán tài sản $\geq 35\%$, tổ chức lại/giải thể). - Tỷ lệ trên 50% cho các vấn đề khác. - Trường hợp thay đổi quyền cổ đông ưu đãi cần 75% cổ đông ưu đãi tán thành. - Bắt buộc bầu đồn phiếu đối với HĐQT và BKS.	Nêu rõ các ngưỡng tỷ lệ thông qua nghị quyết giúp cổ đông dễ nhận biết và thực hiện đúng luật.
13	Điều 12. Biên bản, nghị quyết	Biên bản lập bằng tiếng Việt/Anh, công bố trong 24	Chi tiết hóa quy trình:	Quy định chặt chẽ quy trình lập, công

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	và lấy ý kiến bằng văn bản	giờ hoặc gửi trong 15 ngày. Lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ.	1. Biên bản lập đầy đủ, thông qua trước khi bế mạc; Chủ tọa và Thư ký ký tên. 2. Công bố Nghị quyết/Biên bản trên thị trường chứng khoán trong vòng 24 giờ. 3. Thẩm quyền & thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản: Gửi phiếu chậm nhất 10 ngày trước hạn hoàn trả; thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. 4. Quy định quyền yêu cầu Tòa án/Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết ĐHĐCĐ trong thời hạn 90 ngày.	bổ, lưu trữ biên bản nghị quyết và cơ chế tài phán khi có tranh chấp.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
14	Điều 13. Nguyên tắc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS	Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần có quyền đề cử ứng viên HĐQT/BKS (từ 5% đến <10%: 1 ứng viên, 10% đến <30%: 2 ứng viên...). Hồ sơ nộp trước 10 ngày.	Sửa đổi, bổ sung: 1. Tỷ lệ quyền đề cử: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên mới có quyền đề cử ứng viên HĐQT/BKS (từ 10% - <30%: tối đa 02 HĐQT / 01 BKS; 30% - <50%: tối đa 03 HĐQT / 02 BKS; 50% -	Sửa đổi tỷ lệ mốc đề cử từ 5% lên 10% cổ phần theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mới.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			<65%: tối đa 04 HĐQT / 03 BKS; >=65%: đủ số lượng). 2. Trường hợp ứng viên không đủ, HĐQT/BKS đương nhiệm được đề cử bổ sung. 3. Công bố danh sách ứng viên và sơ yếu lý lịch trên website tối thiểu 10 ngày trước họp.	
15	Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT có năng lực hành vi dân sự, chuyên môn, không thuộc đối tượng cấm; quy định về thành viên độc lập HĐQT (5 tiêu chuẩn).	Bổ sung tiêu chuẩn mới: 1. Tiêu chuẩn chung: Năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn. 2. Hạn chế kiêm nhiệm: Một cá nhân không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá ba (03) công ty khác. 3. Cơ cấu HĐQT: Từ 03 đến 05 thành viên; phải có tối thiểu 01 thành viên không điều hành và 01 thành viên độc lập. 4. Nhân sự do Tập đoàn giới thiệu/đề cử phải đáp ứng quy chế phân cấp cán bộ của Tập đoàn.	Nâng cao chất lượng, tính độc lập của HĐQT; tuân thủ quy định kiểm soát kiêm nhiệm tại Luật Chứng khoán và quy chế cán bộ Tập đoàn.
16	Điều 15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị	Bầu dồn phiếu; người trúng cử đạt từ cao xuống thấp và phải đạt trên 50% tổng số	Quy định chuẩn hóa: 1. Thực hiện tại ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	Đảm bảo quy trình bầu cử diễn ra minh bạch, đúng pháp luật.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
		phiếu bầu hợp lệ. Bầu lại nếu ngang phiếu.	2. Nguyên tắc bầu đồn phiếu: Tổng số phiếu = Số cổ phần sở hữu x Số thành viên HĐQT được bầu. 3. Người trúng cử lấy từ cao xuống thấp cho đến đủ số lượng; xử lý chi tiết trường hợp ngang phiếu theo Quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ thông qua. 4. Lập biên bản kiểm phiếu và công bố thông tin trong vòng 24 giờ.	
17	Điều 16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	BKS có 03 người; Trưởng BKS chuyên trách; bầu đồn phiếu; quy định các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Chuẩn hóa và bổ sung: 1. BKS có 03 thành viên, hơn 1/2 thường trú tại Việt Nam. Trưởng BKS tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật... 2. Phương thức bầu đồn phiếu tương tự HĐQT. 3. Phân định rõ 3 trường hợp Miễn nhiệm (không đủ tiêu chuẩn, có đơn từ chức...) và 4 trường hợp Bãi nhiệm (không hoàn thành nhiệm vụ, không thực hiện nghĩa vụ 6 tháng liên tục, vi phạm nghiêm trọng...).	Phân định rõ lý do Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên BKS, bảo đảm căn cứ pháp lý xử lý nhân sự.
18	Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay	Liệt kê 6 trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.	Phân định cụ thể: 1. Các trường hợp miễn nhiệm: Không đủ tiêu chuẩn, có đơn từ chức, mất năng lực hành vi, không tham gia họp 6 tháng liên	Làm rõ cơ chế thay thế nhân sự HĐQT bị khuyết và xử lý trách nhiệm Người

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	thể thành viên HĐQT		tục, Tập đoàn chấm dứt văn bản cử Người đại diện phân vốn. 2. Các trường hợp bãi nhiệm: Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ người quản lý, cố ý cản trở thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. 3. Quy trình triệu tập ĐHĐCĐ bầu bổ sung trong 30 ngày khi số thành viên bị giảm quá 1/3 hoặc dưới số tối thiểu (3 người).	đại diện phân vốn Tập đoàn khi bị chấm dứt ủy quyền.

CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
19	Điều 18. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	Quy định chung tại Điều 3 khoản 1 (vai trò) và cơ chế làm việc.	Quy định rõ ràng thành các khoản: 1. Vai trò: HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ. 2. Nguyên tắc hoạt động: Tập thể lãnh đạo, quyết định theo đa số; Phân công nhiệm vụ cá nhân; Phân định rõ chức năng định hướng - giám sát, tuyệt đối không can thiệp trái thẩm quyền vào công việc điều hành SXKD hằng ngày của TGD.	Định rõ ranh giới giữa chức năng quản trị chiến lược của HĐQT và chức năng điều hành tác nghiệp của TGD.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
20	Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Dẫn chiếu Điều 27 Điều lệ Công ty.	Cụ thể hóa thành 5 nhóm quyền hạn/nghĩa vụ chính: 1. Định hướng chiến lược & Kế hoạch kinh doanh hằng năm. 2. Quản trị vốn, tài chính, chào bán cổ phần, phát hành trái phiếu, chi trả cổ tức. 3. Quyết định đầu tư, tài sản, hợp đồng (< 35% tổng tài sản) và giao dịch bên liên quan. 4. Tổ chức bộ máy, bổ nhiệm/miễn nhiệm/quyết định lương thưởng TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị. 5. Trách nhiệm phối hợp chỉ đạo cung cấp hồ sơ để Người đại diện phần vốn Tập đoàn xin ý kiến chỉ đạo theo Luật số 68/2025/QH15.	Tăng cường tính chủ động của HĐQT trong quản trị doanh nghiệp và bổ sung quy trình phục vụ Người đại diện phần vốn nhà nước/Tập đoàn.
21	Điều 20. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bầu Chủ tịch HĐQT trong họp HĐQT; lập chương trình, triệu tập họp, chủ trì ĐHĐCĐ. Ủy quyền khi vắng mặt.	Sửa đổi, bổ sung: 1. Bầu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc cuộc bầu cử HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc. 2. Quyền hạn: Lập kế hoạch, triệu tập/chủ trì họp HĐQT & ĐHĐCĐ. Trực	Thực hiện nghiêm quy định cấm Chủ tịch HĐQT kiêm TGD tại Công ty đại chúng; trao quyền kiểm soát kịp thời cho Chủ tịch HĐQT để ngăn ngừa rủi ro.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			tiếp chỉ đạo tài chính, ĐTXD, đất đai, thanh lý cây cao su. 3. Quyền đặc biệt: Trong trường hợp khẩn cấp, có quyền yêu cầu TGD tạm đình chỉ thi hành quyết định điều hành có dấu hiệu trái pháp luật/Nghị quyết HĐQT và triệu tập họp HĐQT ngay.	
22	Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Họp định kỳ mỗi quý 1 lần. Thông báo gửi trước 3 ngày làm việc, tài liệu kèm theo. Cuộc họp tiến hành khi có $\geq 3/4$ thành viên dự họp.	Sửa đổi, bổ sung: 1. Họp định kỳ ít nhất mỗi quý/lần. Triệu tập họp bất thường trong 07 ngày làm việc theo yêu cầu của BKS, TGD hoặc ≥ 2 thành viên HĐQT. 2. Thông báo mời họp và tài liệu gửi chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp (thay vì 3 ngày làm việc như bản cũ). 3. Điều kiện tiến hành: Lần 1 có $\geq 3/4$ thành viên dự họp; Lần 2 có trên 50% thành viên dự họp. 4. BKS có quyền dự tất cả các cuộc họp HĐQT, phát biểu nhưng không biểu quyết.	Nâng thời hạn gửi tài liệu họp HĐQT từ 3 lên 05 ngày làm việc để các thành viên và BKS có đủ thời gian nghiên cứu hồ sơ.
23	Điều 22. Thông qua nghị quyết,	Thông qua theo đa số thành viên dự họp; nếu ngang phiếu thì theo	Quy định cụ thể:	Chuẩn hóa nguyên tắc quản trị tốt, đảm bảo tính khách quan bằng cơ chế

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	quyết định của HĐQT	phía Chủ tịch HĐQT. Gửi phiếu biểu quyết trước 1 giờ.	1. Hình thức biểu quyết: Trực tiếp, ủy quyền, trực tuyến, hoặc gửi phiếu kín trước 01 giờ. 2. Thông qua khi đa số thành viên dự họp tán thành; ngang phiếu thì phía Chủ tịch HĐQT quyết định. 3. Loại trừ biểu quyết do xung đột lợi ích: Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không được biểu quyết và không tính vào số lượng tối thiểu để thông qua. 4. Lưu trữ biên bản chi tiết tại trụ sở Công ty.	loại trừ thành viên xung đột lợi ích tham gia biểu quyết.
24	Điều 23. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến bằng văn bản; nghị quyết thông qua khi đa số thành viên có quyền biểu quyết tán thành.	Quy định chi tiết thủ tục: 1. Áp dụng cho các vấn đề thuộc thẩm quyền nhưng không nhất thiết họp trực tiếp hoặc khẩn cấp. 2. Hồ sơ gửi gồm Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết, Phiếu lấy ý kiến nêu rõ các phương án lựa chọn và thời hạn gửi lại. 3. Có giá trị pháp lý tương đương cuộc họp trực tiếp khi đa số thành viên tán thành. Thư ký lập Biên bản tổng hợp trình Chủ tịch ký.	Chi tiết hóa quy trình lấy ý kiến bằng văn bản, bảo đảm tính pháp lý của Nghị quyết HĐQT phát hành theo hình thức này.
25	Điều 24. Thư ký HĐQT và Người	HĐQT chỉ định ít nhất 1 người; nhiệm kỳ tối đa 5	Sửa đổi, bổ sung (Điều 32 Điều lệ):	Đẩy mạnh vai trò của Người phụ trách quản trị

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	phụ trách quản trị công ty	năm. Quy định tiêu chuẩn và 9 quyền hạn/nhiệm vụ.	1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 Người phụ trách quản trị công ty (có thể kiêm Thư ký HĐQT). Không được đồng thời làm cho công ty kiểm toán độc lập của Công ty. 2. Bổ sung quyền hạn: Tư vấn HĐQT về thủ tục; Soạn thảo & tư vấn tính hợp pháp của Nghị quyết; Giám sát & chịu trách nhiệm đầu mỗi công bố thông tin; Làm đầu mối liên lạc với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan nhà nước. 3. Thư ký HĐQT quản lý sổ biên bản, lưu trữ hồ sơ hợp.	công ty trong việc tuân thủ pháp luật, minh bạch công bố thông tin và quan hệ cổ đông.
26	Điều 25 (Mới). Các ủy ban và bộ phận hỗ trợ HĐQT	Nêu tại Điều 3 khoản 5 (chưa thành lập tiểu ban, trường hợp cần thiết sẽ thành lập).	Quy định mới tại Điều 25: 1. HĐQT có thể quyết định thành lập các ủy ban/tổ công tác hỗ trợ (như Ủy ban Audit, Nhân sự, Lương thưởng...). 2. Quyết định thành lập phải nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, thành phần, quyền hạn. 3. Các ủy ban chỉ đóng vai trò tham mưu, hỗ trợ; không thay thế thẩm quyền của HĐQT hay Ban Điều hành.	Tạo cơ sở pháp lý linh hoạt cho HĐQT thành lập các bộ phận tham mưu chuyên sâu khi quy mô Công ty mở rộng.

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
27	Điều 26. Vị trí và nguyên tắc điều hành của Tổng Giám đốc	Dẫn chiếu Khoản 3, 4 Điều 35 Điều lệ Công ty. HĐQT bổ nhiệm 1 thành viên HĐQT hoặc thuê TGD; nhiệm kỳ tối đa 5 năm.	Chi tiết hóa vị trí và nguyên tắc: 1. Vị trí: TGD điều hành công việc SXKD hằng ngày; chịu sự giám sát của HĐQT; là Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty (cùng với Chủ tịch HĐQT). 2. Nguyên tắc: Nguyên tắc một thủ trưởng kết hợp bàn bạc dân chủ trong Ban TGD. Chủ động quyết định các biện pháp điều hành theo kế hoạch đã duyệt, không vượt thẩm quyền. 3. Quy trình bổ nhiệm: Nhiệm kỳ tối đa 5 năm. Nhân sự thuộc diện Tập đoàn quản lý phải tuân thủ đúng quy trình cán bộ của Tập đoàn.	Khẳng định tư cách Đại diện theo pháp luật thứ hai của TGD và quy chuẩn hóa cơ chế quản lý cán bộ của Tập đoàn.
28	Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	Dẫn chiếu Điều lệ Công ty.	Chi tiết hóa thành 3 nhóm chức năng: 1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT, kế hoạch kinh doanh, tài chính, sử dụng đất, tái canh, thanh lý vườn cây. 2. Thẩm quyền quyết định hằng ngày: Quản lý SXKD mủ cao su, gỗ, KCN; Ký hợp đồng kinh tế/thương mại/lao động theo hạn mức phân cấp; Ban hành quy trình tác nghiệp,	Quy định cụ thể các quyền hạn điều hành thực tế trong lĩnh vực cao su và hạ tầng KCN, giúp TGD chủ động xử lý công việc.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			định mức KT-KT; Tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự cấp dưới. 3. Chế độ báo cáo: Báo cáo định kỳ (tháng/quý/năm); Báo cáo đột xuất rủi ro lớn (thị trường, đất đai, sự cố); Báo cáo sai phạm của người quản lý/người lao động.	
29	Điều 28. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác	Quy định việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao theo Điều lệ và pháp luật lao động. Tiền lương tính vào chi phí.	Cụ thể hóa trách nhiệm từng chức danh: 1. Cơ cấu & Thẩm quyền: Do HĐQT bổ nhiệm/miễn nhiệm theo đề nghị của TGD (nhân sự thuộc VRG quản lý phải có ý kiến phê duyệt của VRG). 2. Phó TGD giúp việc TGD, phụ trách từng mảng chuyên môn (nông nghiệp, chế biến, KCN, kinh doanh...); Phó TGD Thường trực thay mặt TGD khi vắng mặt. 3. Kế toán trưởng tổ chức công tác kế toán, tài chính; kiểm soát chứng từ; tham mưu cân đối dòng tiền; chịu trách nhiệm độc lập về số liệu và có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản. 4. Nghĩa vụ mẫn cán, cẩn trọng, bảo mật thông tin.	Phân định rõ chức năng, quyền hạn của Ban Điều hành và Kế toán trưởng, tăng cường vai trò kiểm soát tài chính nội bộ.

CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
30	Điều 29. Vị trí và nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	BKS có 03 người, nhiệm kỳ tối đa 5 năm. Quy định tiêu chuẩn Kiểm soát viên và Trưởng BKS.	Chuẩn hóa quy định: 1. Vị trí: BKS là cơ quan kiểm tra, giám sát độc lập do ĐHĐCĐ bầu. 2. Cơ cấu: 03 thành viên, nhiệm kỳ tối đa 05 năm; Trưởng BKS có bằng đại học chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật... 3. Nguyên tắc: Hoạt động độc lập, khách quan; Không cản trở công việc điều hành hằng ngày; Tập thể kết hợp phân công cá nhân.	Khẳng định vị thế giám sát độc lập của BKS đối với toàn bộ bộ máy quản lý và điều hành Công ty.
31	Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	Thực hiện theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp (đề xuất kiểm toán độc lập, giám sát BCTC, báo cáo ĐHĐCĐ...).	Cụ thể hóa thành 4 nhóm quyền hạn chính: 1. Kiểm tra, thẩm định BCTC năm/bán niên/quý; thẩm định báo cáo đánh giá của HĐQT/TGĐ; kiến nghị chọn công ty kiểm toán độc lập. 2. Giám sát tuân thủ pháp luật/Điều lệ; giám sát dự án đầu tư lớn, đất đai, thanh lý cây cao su, giao dịch bên liên quan. 3. Quyền tiếp cận thông tin: Được quyền xem toàn bộ sổ sách, chứng từ,	Quy định chi tiết các công cụ giám sát thực tế và thời hạn xử lý (48 giờ) khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật/Điều lệ.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			hợp đồng; đến các nông trường, nhà máy; yêu cầu giải trình. 4. Xử lý vi phạm: Lập văn bản thông báo cho HĐQT trong 48 giờ khi phát hiện vi phạm; yêu cầu họp HĐQT bất thường; triệu tập ĐHĐCĐ bất thường nếu HĐQT không triệu tập. Họp BKS ít nhất 2 lần/năm.	
32	Điều 31. Quan hệ công tác giữa BKS với HĐQT và Ban TGD	Nêu chung tại Điều 6 khoản 1 (phối hợp họp, gửi thông báo, báo cáo định kỳ).	Quy định rõ cơ chế phối hợp hai chiều: 1. BKS gửi kế hoạch giám sát hằng năm cho HĐQT/TGD; BKS dự các họp HĐQT/Ban Điều hành. 2. Trách nhiệm HĐQT/TGD: Gửi thông báo mời họp và tài liệu cho BKS cùng lúc với thành viên HĐQT (chậm nhất trước 05 ngày làm việc); Gửi Nghị quyết/Quyết định/BCTC cho BKS. 3. Trách nhiệm trả lời: HĐQT/TGD phải trả lời bằng văn bản các kiến nghị của BKS trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị. Bỏ trí ngân sách hoạt động cho BKS.	Án định thời hạn bắt buộc (15 ngày) để HĐQT/TGD giải trình các kiến nghị của BKS, nâng cao hiệu lực giám sát.

CHƯƠNG VII: XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
33	Điều 32 (Mới). Nhận diện và kiểm soát xung đột lợi ích	Chưa có điều riêng quy định về cơ chế nhận diện xung đột lợi ích (chỉ có quy định rải rác về giao dịch có liên quan).	Bổ sung mới Điều 32: 1. Nguyên tắc trung thành, cẩn trọng; không sử dụng vị trí/thông tin nội bộ để trục lợi. 2. Nhận diện 4 tình huống xung đột: Ký hợp đồng mua bán mủ, gỗ, phân bón, thuê đất KCN với chính mình/người liên quan; Đảm nhiệm quản lý ở doanh nghiệp đối thủ; Nhận thù lao/hoa hồng/quà tặng riêng từ đối tác; Sử dụng tài sản/xe cộ/đất đai Công ty vào việc riêng. 3. Lập & cập nhật Danh sách người có liên quan: Kê khai gửi Người phụ trách quản trị trong 07 ngày làm việc khi có thay đổi.	Xây dựng bộ nhận diện rủi ro xung đột lợi ích rõ ràng, giúp phòng ngừa thất thoát tài sản và vi phạm pháp luật chứng khoán.
34	Điều 33 (Mới). Công khai lợi ích và giao dịch với người có liên quan	Nêu chung tại Điều 3 khoản 4.3 (thành viên HĐQT không biểu quyết giao dịch có lợi ích mâu thuẫn).	Bổ sung chi tiết Điều 33: 1. Nghĩa vụ kê khai lợi ích: Tên doanh nghiệp, tỷ lệ sở hữu, chức danh quản lý của mình và người liên quan tại các doanh nghiệp khác (kê khai trong 07 ngày làm việc). 2. Nguyên tắc giao dịch: Bình đẳng, cạnh tranh, điều kiện thương mại thông thường và giá thị trường; cấm chuyển dịch lợi nhuận. 3. Bắt buộc có chứng thư thẩm định giá độc lập hoặc căn cứ giá thị trường.	Quy định minh bạch các điều kiện giao dịch với bên liên quan, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông thiểu số.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			4. Loại trừ biểu quyết: Cá nhân liên quan phải chủ động công khai và không được biểu quyết.	
35	Điều 34 (Mới). Hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hoặc đặc biệt	Chưa quy định chi tiết phân cấp hạn mức phê duyệt hợp đồng bên liên quan.	Phân định rõ thẩm quyền phê duyệt giao dịch (Điều 15, 27, 43 Điều lệ): 1. Thẩm quyền ĐHĐCĐ: Hợp đồng/giao dịch $\geq 35\%$ tổng tài sản; Giao dịch vay/cho vay/bán tài sản với cổ đông lớn ($\geq 10\%$) hoặc người quản lý/người liên quan có giá trị $\geq 35\%$ tổng tài sản; Giao dịch cấp tín dụng/bảo lãnh cho người quản lý. 2. Thẩm quyền HĐQT: Giao dịch mua bán tài sản/dự án/giao dịch bên liên quan (kể cả Tập đoàn và các công ty con) có giá trị $< 35\%$ tổng tài sản. 3. Thẩm quyền TGD: Các hợp đồng kinh doanh hằng ngày theo hạn mức phân cấp. 4. Hợp đồng vượt thẩm quyền bị vô hiệu; công bố thông tin trong 24 giờ.	Rõ ràng hóa thẩm quyền phê duyệt hợp đồng, ngăn chặn việc xé nhỏ hợp đồng lách luật và tuân thủ chuẩn mực công bố thông tin.

CHƯƠNG VIII: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ TẬP ĐOÀN; NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
36	Điều 35 (Mới). Nguyên tắc quan hệ giữa Công ty và Tập đoàn	Chưa có chương riêng quy định mối quan hệ giữa Công ty và Tập đoàn chi phối.	Bổ sung mới Điều 35: 1. Độc lập pháp nhân: Công ty có tư cách pháp nhân độc lập, tự chủ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm tài sản. Tập đoàn là cổ đông chi phối nắm giữ vốn nhà nước, quản lý theo Luật số 68/2025/QH15. 2. Thực hiện quyền cổ đông của Tập đoàn thông qua Người đại diện phần vốn tại ĐHĐCĐ/HĐQT; tôn trọng quyền của các cổ đông khác. 3. Văn bản chỉ đạo của Tập đoàn có giá trị ràng buộc với Người đại diện phần vốn, không tự động thay thế Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty.	Cụ thể hóa quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước số 68/2025/QH15; làm rõ nguyên tắc độc lập pháp nhân của Công ty.
37	Điều 36 (Mới). Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty	Chưa quy định chi tiết địa vị pháp lý và nghĩa vụ kép của Người đại diện phần vốn.	Bổ sung mới Điều 36: 1. Tư cách: Cá nhân do HĐQT Tập đoàn cử/ủy quyền bằng văn bản để đại diện thực hiện quyền/nghĩa vụ cổ đông. 2. Trách nhiệm kép: Vừa là thành viên HĐQT/BKS bảo vệ lợi ích cao nhất của Công ty, vừa có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Tập đoàn.	Định danh rõ vai trò, nghĩa vụ kép và cơ chế chi trả thù lao đối với Người đại diện phần vốn Tập đoàn theo pháp luật quản lý vốn nhà nước.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			3. Báo cáo định kỳ cho Tập đoàn; bảo mật thông tin nội bộ Công ty. 4. Tiền lương/thù lao thực hiện theo quy định quản lý vốn nhà nước và quy chế Tập đoàn.	
38	Điều 37 (Mới). Các vấn đề cần phối hợp, báo cáo hoặc xin ý kiến Tập đoàn	Chưa quy định danh mục các vấn đề Người đại diện phải xin ý kiến Tập đoàn và quy trình phối hợp.	Bổ sung mới Điều 37: 1. Liệt kê 10 nhóm nội dung bắt buộc Người đại diện phân vốn phải xin ý kiến Tập đoàn bằng văn bản trước khi biểu quyết (Chiến lược 5 năm, Kế hoạch hằng năm, Tăng/giảm vốn, BCTC & Cổ tức, Sửa Điều lệ, Dự án nhóm A/B/KCN/đất đai, Đầu tư ra ngoài/thoái vốn, Thanh lý cây cao su/tài sản lớn, Tổ chức lại/thay đổi cơ cấu, Nhân sự quản lý). 2. Quy trình: Công ty gửi hồ sơ cho Người đại diện trước tối thiểu 15 ngày làm việc (vấn đề thường) hoặc 20 ngày làm việc (dự án lớn/tăng vốn/tổ chức lại) để kịp xin ý kiến Tập đoàn. 3. Tự động cập nhật quy chế mới của Tập đoàn.	Thiết lập quy trình và mốc thời gian chuẩn bị hồ sơ (15-20 ngày), giúp Người đại diện phân vốn tuân thủ đúng quy chế xin ý kiến Tập đoàn trước khi biểu quyết.

CHƯƠNG IX: QUẢN LÝ VỐN, ĐẦU TƯ VÀ TÀI SẢN

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
39	Điều 38 (Mới). Nguyên tắc quản lý vốn và tài sản	Chưa có điều khoản riêng quy định nguyên tắc quản lý vốn, tài sản và kiểm kê.	Bổ sung mới Điều 38: 1. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước và vốn chủ sở hữu theo Luật 68/2025/QH15, ND 366/2025/ND-CP. 2. Đầu tư, mua sắm, thanh lý, thuê đất phải đúng thẩm quyền phân cấp. 3. Chế độ kiểm kê tài sản, vườn cây cao su, đất đai, nhà xưởng định kỳ vào 31/12 hằng năm; xử lý nghiêm các khoản tồn thất, chênh lệch.	Chuẩn hóa công tác quản lý tài sản, vật tư, vườn cây và chế độ kiểm kê định kỳ theo Luật Kế toán và pháp luật tài chính.
40	Điều 39 (Mới). Đầu tư, góp vốn và quản lý vốn tại doanh nghiệp khác	Chưa quy định quy trình lập hồ sơ thẩm định đầu tư ra ngoài và quản lý đại diện vốn tại công ty con/liên kết.	Bổ sung mới Điều 39: 1. Bắt buộc lập Hồ sơ dự án đầu tư ra ngoài (Tờ trình, Báo cáo nghiên cứu khả thi IRR/NPV, Ý kiến thẩm định độc lập, Phương án thoái vốn). 2. Thẩm quyền: ĐHĐCĐ phê duyệt khoản đầu tư $\geq 35\%$ tổng tài sản; HĐQT phê duyệt khoản đầu tư $< 35\%$ tổng tài sản. 3. Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ báo cáo của Người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.	Kiểm soát chặt chẽ rủi ro đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý vốn tại các công ty con/liên kết.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
41	Điều 40 (Mới). Dự án đầu tư, tài sản và đất đai	Chưa quy định chi tiết về quy trình thanh lý cây cao su và quản lý đất đai.	Bổ sung chi tiết Điều 40: 1. Yêu cầu hồ sơ dự án ĐTXD, hạ tầng KCN, năng lượng tái tạo, nhà máy chế biến (vốn, ĐTM, tiến độ). 2. Thanh lý vườn cây cao su: Phải lập phương án chi tiết (diện tích, mật độ, trữ lượng gỗ), khảo sát thẩm định giá độc lập; bắt buộc bán đấu giá công khai qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp. 3. Quản lý đất đai: Nghiêm cấm cho mượn/cho thuê đất trái phép; Lập phương án đền bù/bồi thường giải phóng mặt bằng khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất cao su sang làm KCN/đô thị bảo đảm quyền lợi tối đa cho Công ty.	Đặc thù hóa quy định quản lý tài sản cốt lõi của Công ty (vườn cây cao su và đất đai), bắt buộc bán đấu giá gỗ thanh lý để thu hồi vốn tối đa.

CHƯƠNG X: CÔNG BỐ THÔNG TIN, MINH BẠCH VÀ BẢO MẬT

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
42	Điều 41 (Mới). Nguyên tắc công bố thông tin	Nêu tại Điều 3 khoản 2.10, khoản 4.8 (công bố thông tin bầu/miễn nhiệm, Nghị quyết	Quy định toàn diện tại Điều 41: 1. Nguyên tắc: Đầy đủ, chính xác, kịp thời, công bằng. Kịp thời cải chính tin đồn thất thiệt.	Tuân thủ quy định mới về công bố thông tin bằng tiếng Anh đối với công ty niêm yết và ấn định trách nhiệm

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
		HĐQT theo quy định chứng khoán).	2. Phương tiện & Ngôn ngữ: Công bố trên UBCKNN, HOSE và Website (www.phr.vn). Công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh (bản tiếng Việt gốc có giá trị áp dụng). 3. Người thực hiện: Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch/TGĐ) hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin. Người phụ trách quản trị đầu mối hỗ trợ.	của Người đại diện theo pháp luật.
43	Điều 42 (Mới). Quản lý thông tin nội bộ và thông tin mật	Chưa định nghĩa thông tin nội bộ và chế độ bảo mật riêng.	Bổ sung mới Điều 42: 1. Định nghĩa thông tin nội bộ và thông tin mật (bí quyết chế biến, bản vẽ dự án, hợp đồng lớn, BCTC chưa công bố, phương án tăng vốn/cổ tức...). 2. Trách nhiệm giữ bí mật tuyệt đối trong và sau nhiệm kỳ. 3. Nghiêm cấm giao dịch nội gián: Cấm sử dụng thông tin nội bộ để mua bán cổ phiếu PHR hoặc lôi kéo người khác giao dịch trục lợi. 4. Quy trình duyệt phát ngôn/thông cáo báo chí.	Phòng ngừa rủi ro giao dịch nội gián (insider trading) và bảo vệ bí mật kinh doanh của Công ty.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
44	Điều 43 (Mới). Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông và cơ quan quản trị	Nêu tại Điều 3 khoản 1 (quyền cung cấp thông tin của thành viên HĐQT).	Quy định chi tiết 3 cấp độ tiếp cận thông tin: 1. Cổ đông: Cổ đông phổ thông tra cứu Điều lệ/Biên bản/Nghị quyết ĐHCĐ/BCTC. Nhóm cổ đông $\geq 5\%$ xem Nghị quyết HĐQT/BCTC bán niên (Công ty phản hồi trong 05 ngày làm việc). 2. Thành viên HĐQT & BKS: Được yêu cầu TGD/Kế toán trưởng/Phòng ban cung cấp mọi thông tin/tài liệu trong vòng 03 ngày làm việc. 3. Người đại diện phần vốn Tập đoàn: Được cung cấp đầy đủ hồ sơ để báo cáo VRG.	Minh bạch hóa quyền tiếp cận thông tin của các chủ thể; ấn định thời hạn cung cấp hồ sơ nội bộ (03 ngày) cho HĐQT/BKS.

CHƯƠNG XI: KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ ĐẠO ĐỨC

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
45	Điều 44 (Mới). Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Chưa có điều khoản quy định về hệ thống	Bổ sung mới Điều 44:	Tích hợp khung quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) hiện đại vào quy

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
		kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.	- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ toàn diện tại văn phòng, các nông trường, nhà máy chế biến và dự án. - Lập ma trận nhận diện và kiểm soát 6 nhóm rủi ro trọng yếu: (i) Rủi ro thị trường & giá mủ/gỗ/thuê đất; (ii) Rủi ro thiên tai/sâu bệnh/thời tiết; (iii) Rủi ro pháp lý & đất đai/đền bù GPMB; (iv) Rủi ro tài chính & dòng tiền/đầu tư; (v) Rủi ro môi trường & an toàn lao động; (vi) Rủi ro xung đột lợi ích. - Quy trình báo cáo rủi ro cho HĐQT và BKS.	chế quản trị, giúp nâng cao năng lực ứng phó rủi ro ngành cao su.
46	Điều 45 (Mới). Đạo đức, liêm chính và phòng ngừa vi phạm	Chưa có quy định về chuẩn mực đạo đức kinh doanh và kênh tố cáo.	Bổ sung mới Điều 45: - Chuẩn mực đạo đức: Trung thực, liêm chính, tận tâm. Cấm nhận hối lộ, trích hoa hồng, sách nhiễu đối tác/khách hàng KCN, lập chứng từ không. - Kênh tiếp nhận tố cáo: Duy trì đường dây nóng, email bảo mật, hòm thư góp ý do BKS phối hợp kiểm soát nội bộ quản lý. Bảo mật tuyệt đối danh tính người tố cáo, cấm trù dập/trả thù. - Xử lý nghiêm vi phạm và bắt buộc bồi thường thiệt hại.	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp liêm chính; thiết lập cơ chế bảo vệ người tố cáo sai phạm theo tiêu chuẩn ESG.

CHƯƠNG XII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, HỒ SƠ VÀ PHỐI HỢP

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
47	Điều 46 (Mới). Chế độ báo cáo quản trị	Quy định rải rác tại Điều 6 khoản 1 (báo cáo của TGD với HĐQT định kỳ hằng quý).	Cụ thể hóa thành 3 khoản riêng biệt: 1. Báo cáo của TGD gửi HĐQT: Báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm); Báo cáo chuyên đề (đất đai, thanh lý cây cao su, hiệu quả vốn công ty con); Báo cáo đột xuất. 2. Báo cáo của HĐQT & BKS trình ĐHĐCĐ thường niên: Báo cáo quản trị, báo cáo giám sát TGD, báo cáo BCTC, báo cáo tự đánh giá BKS. 3. Yêu cầu báo cáo phải dựa trên số liệu thực tế, phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp, rõ tiến độ và trách nhiệm.	Chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ phục vụ công tác điều hành và nghĩa vụ báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
48	Điều 47 (Mới). Quản lý hồ sơ, nghị quyết và biên bản	Nêu tại Điều 3 khoản 4.7 (ghi biên bản họp HĐQT và lưu giữ).	Chi tiết hóa tại Điều 47: 1. Bảo quản an toàn vĩnh viễn hoặc theo thời hạn luật định tại trụ sở chính 7 nhóm tài liệu quản trị (Điều lệ, Quy chế, Sổ cổ đông, Hồ sơ họp ĐHĐCĐ, Hồ sơ họp HĐQT, Hồ sơ BKS, BCTC đã kiểm toán, Hồ sơ pháp lý đất đai/KCN). 2. Quy định thành phần hồ sơ trình HĐQT/ĐHĐCĐ. 3. Đẩy mạnh lưu trữ hồ sơ điện tử an toàn, chống sửa đổi trái phép và có hệ thống sao lưu dự phòng.	Đảm bảo an toàn lưu trữ tài liệu pháp lý Công ty và đáp ứng chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ doanh nghiệp.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
49	Điều 48 (Mới). Phối hợp giữa các cơ quan trong Công ty	Nêu chung tại Điều 6 khoản 1 (phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD).	Quy định quy trình giải quyết công việc phối hợp cụ thể: 1. Nguyên tắc phối hợp bình đẳng, tôn trọng chức năng, không đùn đẩy trách nhiệm. 2. Quy trình: Cơ quan chủ trì gửi văn bản/hồ sơ xác định rõ hạn trả lời (03 - 05 ngày làm việc). Quá hạn không trả lời được coi là đồng thuận. 3. Tổ chức họp liên tịch khi có ý kiến khác biệt lớn. 4. Nghiêm cấm lạm dụng cơ chế xin ý kiến để trì hoãn, né tránh trách nhiệm ra quyết định.	Khắc phục tình trạng ngâm hồ sơ, đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng ban và giữa Ban Điều hành với HĐQT.

CHƯƠNG XIII VÀ CHƯƠNG XIV: TRÁCH NHIỆM, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
50	Điều 49 (Mới). Trách nhiệm của người quản lý và người điều hành	Chưa có điều riêng quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất cá nhân.	Bổ sung chi tiết Điều 49: 1. Trách nhiệm pháp lý và hành chính khi vi phạm quy chế/pháp luật. 2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người quản lý/điều hành vi phạm, lạm quyền, thực hiện giao dịch vượt thẩm quyền gây thiệt hại phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân vô	Gắn trách nhiệm tài chính cá nhân vô hạn đối với các sai phạm cố ý của người quản lý, bảo vệ tài sản cho Công ty và cổ đông.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
			hạn và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế. 3. Miễn trừ trách nhiệm cho người biểu quyết không tán thành hoặc bảo lưu ý kiến. 4. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (không bảo hiểm cho hành vi cố ý vi phạm, gian lận).	
51	Điều 50 (Mới). Xử lý vi phạm Quy chế	Chưa có điều khoản quy định chế tài xử lý vi phạm Quy chế và khởi kiện.	Bổ sung mới Điều 50: 1. Áp dụng 4 hình thức kỷ luật nội bộ: Khiển trách; Kéo dài thời hạn nâng lương/không xét thi đua; Cách chức/miễn nhiệm; Sa thải/chấm dứt HĐLĐ. 2. Thẩm quyền xử lý kỷ luật của ĐHĐCĐ, HĐQT, TGD và báo cáo Tập đoàn đối với Người đại diện phần vốn. 3. Quyền khởi kiện: HĐQT, BKS hoặc cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 01% cổ phần phổ thông trở lên có quyền nhân danh Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc người vi phạm bồi hoàn thiệt hại.	Thực thi quyền khởi kiện của cổ đông nhỏ (sở hữu từ 1% cổ phần) theo Điều 166 Luật Doanh nghiệp 2020 để xử lý người quản lý vi phạm.

STT	Điều/khoản đối chiếu	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2023	Nội dung mới đề nghị sửa đổi, bổ sung năm 2026	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
52	Điều 51. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	Chủ trì sửa đổi khi pháp luật thay đổi, trình ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ họp gần nhất.	Quy định quy trình sửa đổi chi tiết: 1. Thẩm quyền: Chỉ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua. 2. HĐQT định kỳ rà soát; phối hợp BKS soạn thảo Tờ trình & Dự thảo sửa đổi. 3. Tập trung sửa đổi nội dung thực sự cần thiết do thay đổi pháp luật/Điều lệ hoặc vướng mắc thực tiễn; không sửa đổi thuần túy vì văn phong.	Đảm bảo tính ổn định của Quy chế, tránh việc sửa đổi lặt vặt không cần thiết.
53	Điều 52. Hiệu lực và tổ chức thực hiện	Quy chế gồm 07 Điều, hiệu lực từ ngày 28/06/2023, thay thế Quyết định 515A/QĐ-CSPH ngày 15/06/2021. Bản sao phải có chữ ký Chủ tịch hoặc 1/2 HĐQT.	Sửa đổi, bổ sung: 1. Quy chế gồm 14 Chương, 52 Điều, có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026 thông qua. 2. Thay thế hoàn toàn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành kèm Quyết định số 447/QĐ-CSPH ngày 03/07/2023. 3. Quy định trách nhiệm chấp hành của HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị, Người đại diện phần vốn Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc và cổ đông. 4. Áp dụng song song với các Quy chế hoạt động chuyên biệt.	Xác định rõ thời điểm hiệu lực, thay thế hoàn toàn bản cũ năm 2023 và phân công trách nhiệm thi hành toàn diện trong Công ty.

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2026
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa)*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản còn hiệu lực có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày / /2026;

Căn cứ các quy chế hoạt động của Công ty và các quy định có liên quan của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP đang có hiệu lực, bao gồm quy định về hoạt động HĐQT, người đại diện phần vốn, quản lý vốn và đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa ngày / /2026.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa với các nội dung chính như sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định các nguyên tắc và nội dung chủ yếu về quản trị tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”); quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và mối quan hệ công tác giữa các cơ quan quản trị và điều hành gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quy chế cụ thể hóa trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát; phương thức tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; cơ chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc; quản lý xung đột lợi ích và kiểm soát giao dịch với người có liên quan; quyền tiếp cận thông tin của cổ đông; chế độ báo cáo, công bố thông tin, bảo mật, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong Công ty.

3. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông của Công ty; thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc; các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác; Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị; Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại Công ty cùng các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị phụ thuộc và cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Công ty được tổ chức, quản trị và vận hành trên nguyên tắc thượng tôn pháp luật, tuân thủ triệt để Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ được ban hành hợp pháp.

2. **Phân định rõ thẩm quyền:** Phân định minh bạch về thẩm quyền, trách nhiệm, phạm vi công việc giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Không cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân nào được can thiệp trái thẩm quyền vào công việc điều hành, quản trị của cơ quan khác, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ quy định hoặc được ủy quyền hợp pháp bằng văn bản.

3. **Đối xử công bằng và bảo vệ quyền cổ đông:** Bảo đảm đối xử công bằng, bình đẳng giữa các cổ đông cùng loại cổ phần; bảo vệ tuyệt đối các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là quyền tiếp cận thông tin kịp thời, đầy đủ, quyền tham gia biểu quyết và quyền được chia lợi tức tương ứng với tỷ lệ sở hữu theo luật định.

4. **Minh bạch và trách nhiệm giải trình:** Mọi hoạt động quản trị, điều hành và tài chính phải được tiến hành công khai, minh bạch, có trách nhiệm giải trình đầy đủ

trước cơ quan thẩm quyền, cổ đông và nhà đầu tư; thiết lập hệ thống kiểm soát xung đột lợi ích chặt chẽ nhằm bảo vệ tài sản và lợi ích tối cao của Công ty.

5. Quan hệ với Tập đoàn là cổ đông chi phối: Việc Công ty có cổ đông lớn, nắm giữ cổ phần chi phối là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn” hoặc “VRG”) không làm thay đổi tư cách pháp nhân độc lập, tài sản riêng biệt, quyền tự chủ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm của Công ty theo pháp luật và Điều lệ. Quyền và lợi ích của Tập đoàn tại Công ty được thực hiện thông qua tư cách cổ đông, phù hợp với pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Tập đoàn.

Điều 3. Áp dụng pháp luật, Điều lệ và quy định của Tập đoàn

1. Quy chế này là văn bản quản trị nội bộ do Đại hội đồng cổ đông thông qua căn cứ vào Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trường hợp có bất kỳ điều khoản nào của Quy chế này khác biệt hoặc mâu thuẫn với quy định bắt buộc của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty thì áp dụng quy định có giá trị pháp lý cao hơn (theo thứ tự: Pháp luật -> Điều lệ Công ty -> Quy chế nội bộ). Hội đồng quản trị có trách nhiệm chủ trì rà soát và trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Quy chế tại kỳ họp gần nhất.

2. Các văn bản chỉ đạo, nghị quyết, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn được áp dụng đối với Công ty trong phạm vi phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyền hạn của Tập đoàn với tư cách là cổ đông. Đối với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty, việc thực thi quyền cổ đông, quyền thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên phải đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế của Tập đoàn về quản lý người đại diện phần vốn

3. Ý kiến chỉ đạo, chủ trương hoặc văn bản chấp thuận của Tập đoàn gửi Người đại diện phần vốn đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị là căn cứ bắt buộc để Người đại diện phần vốn tham gia thảo luận, biểu quyết theo ủy quyền, nhưng không tự động thay thế nghị quyết, quyết định chính thức được ban hành hợp pháp bởi Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Công ty theo trình tự pháp lý.

4. Khi các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi, các nội dung có tính chất quy chuẩn bắt buộc của pháp luật đương nhiên được áp dụng trực tiếp kể từ thời điểm văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực thi hành; việc sửa đổi, chuẩn hóa lại câu chữ trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo quy trình quy định tại Điều 51 Quy chế này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ và nguyên tắc tham chiếu

1. Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu và áp dụng thống nhất với Điều 1 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật:

“Công ty”: Là Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

“Tập đoàn” hoặc “VRG”: Là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần, công ty mẹ và là cổ đông chi phối của Công ty.

“Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty” (gọi tắt là Người đại diện phần vốn): Là cá nhân được Tập đoàn bổ nhiệm, cử, giao hoặc ủy quyền bằng văn bản để đại diện thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách cổ đông tại Công ty.

“Người quản lý doanh nghiệp”: Bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

“Người điều hành”: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

“Người có liên quan”: Là cá nhân, tổ chức được xác định theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

“Cổ đông lớn”: Là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo Luật Chứng khoán.

“Quy chế nội bộ về quản trị công ty”: Là quy chế này, do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

“Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị”, “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát”: Là các quy chế chuyên biệt tương ứng do Đại hội đồng cổ đông ban hành nhằm quy định cụ thể về tổ chức, chế độ làm việc và phối hợp của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Các viện dẫn đến “Luật Doanh nghiệp”, “Luật Chứng khoán”, “Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp” và các nghị định, thông tư trong Quy chế này đều bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm áp dụng.

3. Trường hợp Điều lệ Công ty quy định cụ thể hơn hoặc có những tiêu chuẩn cao hơn so với Quy chế này, việc thực thi bắt buộc phải tuân thủ triệt để theo Điều lệ Công ty

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Quyền của cổ đông phổ thông: Tuân thủ Điều 12 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật, cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền cơ bản sau:

a) Quyền tham dự, đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua phương thức điện tử và thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mỗi một cổ phần phổ thông tương ứng với một (01) phiếu biểu quyết;

b) Quyền nhận cổ tức hằng năm theo quyết định đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và phương án phân phối lợi nhuận hợp pháp;

c) Quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mình tại thời điểm chào bán;

d) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về thị trường chứng khoán (trừ trường hợp chuyển nhượng bị hạn chế theo luật định đối với cổ phần biểu quyết của thành viên sáng lập hoặc quy định pháp luật chứng khoán);

e) Quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin nếu có sai lệch;

f) Quyền tra cứu, sao chép hoặc trích lục Điều lệ Công ty, danh sách cổ đông, biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp luật định theo Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Điều lệ Công ty;

h) Quyền được đối xử bình đẳng và tiếp cận đầy đủ các thông tin công bố định kỳ, bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

2. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông: Căn cứ Điều 13 Điều lệ Công ty:

a) Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

b) Tuyệt đối không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc cá nhân khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Cổ đông rút vốn trái pháp luật phải liên đới chịu trách nhiệm vô hạn đối với các nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã rút và các thiệt hại thực tế phát sinh;

c) Tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết, quyết định có hiệu lực của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

e) Thực hiện nghĩa vụ bảo mật các thông tin, tài liệu nội bộ được Công ty cung cấp theo quy định; không sử dụng thông tin mật vào mục đích tư lợi hoặc phát tán gây phương hại đến quyền lợi hợp pháp của Công ty và các cổ đông khác.

3. Quyền của nhóm cổ đông sở hữu từ 05% và từ 10% tổng số cổ phần phổ thông:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:

- Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- Tra cứu, trích lục sổ biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo của Ban Kiểm soát, các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền thông qua của Hội đồng quản trị (trừ các tài liệu liên quan đến bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của Công ty);
- Yêu cầu Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra từng vấn đề chuyên biệt liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bằng văn bản cụ thể nêu rõ mục đích, phạm vi kiểm tra;
- Kiến nghị bằng văn bản các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng thời hạn quy định.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo tỷ lệ và quy định cụ thể tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ Công ty và Chương III Quy chế này.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông và thẩm quyền

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền và nhiệm vụ được quy định chi tiết tại Điều 15 Điều lệ Công ty, bao gồm:

- a) Thông qua chiến lược phát triển dài hạn và định hướng phát triển tổng thể của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức chia cổ tức hằng năm cho từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định phê duyệt các dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Xem xét và thông qua Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán độc lập;

- g) Quyết định việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- h) Quyết định cơ cấu tổ chức lại Công ty (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi) hoặc giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý tài sản;
- i) Quyết định tổng mức ngân sách thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích vật chất khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- k) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập được chấp thuận hoặc ủy quyền lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tiếp theo; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều 43 Điều lệ Công ty;
- n) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông không quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền riêng của Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc, trừ khi pháp luật hoặc Điều lệ quy định khác.

4. Việc thực hiện quyền biểu quyết của Tập đoàn tại Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyền biểu quyết hợp pháp tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu.

Điều 7. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Chế độ họp và thời hạn triệu tập:

a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải được tiến hành trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

b) Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường theo quyết định của Hội đồng quản trị trong các trường hợp: (i) Vì lợi ích Công ty; (ii) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo pháp luật; (iii) Theo yêu cầu bằng văn bản hợp lệ của Ban Kiểm soát; (iv) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

2. Trách nhiệm và trình tự triệu tập họp bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải tiến hành triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng

quản trị, Ban Kiểm soát bị khuyết dưới mức luật định hoặc nhận được yêu cầu hợp lệ từ Ban Kiểm soát hoặc nhóm cổ đông theo quy định;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định nêu trên, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c) Nếu Ban Kiểm soát không triệu tập họp, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện Công ty triệu tập cuộc họp theo trình tự luật định và có quyền đề nghị Cơ quan Đăng ký kinh doanh giám sát việc tổ chức họp. Toàn bộ chi phí hợp lý phục vụ việc triệu tập và tổ chức họp sẽ do Công ty hoàn trả.

3. Địa điểm và xác lập quyền dự họp:

a) Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa cuộc họp tham dự và phải nằm trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) phải được công bố thông tin tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chương trình, tài liệu và kiến nghị của cổ đông

1. Lập chương trình và chuẩn bị tài liệu họp:

a) Người triệu tập cuộc họp chịu trách nhiệm toàn diện trong việc chuẩn bị chương trình chi tiết, dự thảo các nghị quyết, tờ trình, báo cáo giải trình và toàn bộ tài liệu liên quan đến các nội dung đưa ra xem xét, biểu quyết;

b) Toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, dự thảo nghị quyết, phiếu biểu quyết, thông tin ứng viên (nếu có bầu cử) phải được đăng tải đầy đủ, công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty (www.phr.vn) đồng thời với việc gửi thông báo mời họp. Trường hợp tài liệu mật liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ hoặc bí mật thương mại, việc tiếp cận thực hiện theo Điều 45 Quy chế này.

2. Thời hạn gửi thông báo mời họp: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cùng đường dẫn truy cập bộ tài liệu họp phải được gửi bảo đảm đến địa chỉ liên lạc hoặc gửi qua thư điện tử (email) hợp lệ đã đăng ký của tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt chậm nhất là **hai mươi một (21) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp.

3. Quyền kiến nghị của cổ đông:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gửi kiến nghị bằng văn bản về các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Kiến nghị phải được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất là **ba (03) ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp, trong đó nêu rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu và nội dung chi tiết kiến nghị đưa vào biểu quyết;

c) Người triệu tập họp chỉ có quyền từ chối kiến nghị nếu: Kiến nghị gửi không đúng thời hạn; người kiến nghị không đủ tỷ lệ cổ phần sở hữu; vấn đề kiến nghị hoàn toàn không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ và luật định. Trường hợp kiến nghị hợp lệ, Người triệu tập bắt buộc phải bổ sung vào dự thảo chương trình họp để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua tại phiên khai mạc.

Điều 9. Tham dự, ủy quyền và đăng ký dự họp

1. Phương thức tham dự: Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân hoặc tổ chức khác thay mặt dự họp, tham dự thông qua hệ thống họp trực tuyến hoặc bỏ phiếu biểu quyết điện tử theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều 20 Điều lệ Công ty.

2. Quy định về ủy quyền tham dự:

a) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự. Văn bản ủy quyền phải ghi rõ tên cổ đông ủy quyền, tên bên được ủy quyền, số lượng cổ phần ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức lại ủy quyền tiếp cho người khác thì phải xuất trình văn bản ủy quyền ban đầu hợp lệ;

c) Cá nhân, tổ chức nhận ủy quyền phải xuất trình văn bản ủy quyền bản gốc hoặc bản sao hợp lệ khi làm thủ tục đăng ký dự họp. Công ty tuyệt đối không được tự ý đặt thêm các điều kiện mang tính chất hạn chế quyền ủy quyền hợp pháp của cổ đông;

d) Biểu quyết của người được ủy quyền vẫn có hiệu lực pháp lý ngay cả khi người ủy quyền đã chết, mất năng lực hành vi hoặc đã hủy bỏ ủy quyền, trừ trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về sự kiện này trước giờ khai mạc cuộc họp.

3. Thủ tục đăng ký dự họp:

a) Ban tổ chức tiến hành mở bàn đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông từ trước giờ khai mạc cho đến khi toàn bộ cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b) Khi đăng ký hoàn tất, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được cấp Thẻ biểu quyết (hoặc tài khoản biểu quyết điện tử an toàn) ghi rõ mã số cổ đông, họ tên và số lượng phiếu biểu quyết tương ứng;

c) Cổ đông hoặc đại diện đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay để tham gia biểu quyết các nội dung tiếp theo. Chủ tọa không dừng cuộc họp để chờ và các nội dung đã được biểu quyết thông qua trước đó giữ nguyên hiệu lực.

Điều 10. Điều kiện tiến hành và thể thức họp

1. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cuộc họp lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông và người đại diện ủy quyền tham dự đại diện cho **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết** của toàn Công ty;

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành do không đạt tỷ lệ theo quy định, thông báo mời họp lần thứ hai phải được phát hành trong thời hạn **ba mươi (30) ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên**;

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **hai mươi (20) ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp lần thứ ba được tiến hành hợp lệ mà **không phụ thuộc vào tỷ lệ phiếu biểu quyết** của các cổ đông dự họp.

2. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội do Hội đồng quản trị triệu tập. Nếu Chủ tịch vắng mặt hoặc mất khả năng làm việc, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa theo đa số phiếu. Trường hợp không bầu được, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp;

b) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

c) Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Ban kiểm phiếu theo sự giới thiệu, đề xuất của Chủ tọa cuộc họp

3. Quyền điều hành của Chủ tọa:

a) Chủ tọa có toàn quyền áp dụng các biện pháp trật tự, hợp lý, điều phối thảo luận tập trung vào trọng tâm chương trình họp đã được Đại hội thông qua;

b) Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp đã có đủ điều kiện tiến hành tối đa không quá **ba (03) ngày làm việc** chỉ trong các trường hợp: Địa điểm họp không bảo đảm an toàn hoặc thiếu chỗ ngồi nghiêm trọng; hệ thống thông tin truyền thông trực trực không thể thảo luận, biểu quyết; có hành vi cố ý gây rối, cản trở cuộc họp diễn ra hợp pháp;

c) Trường hợp Chủ tọa cố ý hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số các đại biểu dự họp để tiếp

tục điều hành cho đến khi kết thúc; mọi nghị quyết được thông qua đều có hiệu lực thi hành.

4. Hợp trực tuyến và biểu quyết điện tử: Công ty bảo đảm ứng dụng hạ tầng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp – trực tuyến, bảo đảm tính xác thực danh tính, bảo mật và lưu vết hệ thống theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 11. Biểu quyết, kiểm phiếu và thông qua nghị quyết

1. Thẻ thức biểu quyết:

a) Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết lần lượt từng nội dung trong chương trình họp. Việc biểu quyết được thực hiện theo 03 trạng thái: Tán thành, Không tán thành, và Không có ý kiến;

b) Phương thức biểu quyết có thể bằng giơ thẻ biểu quyết, nộp phiếu biểu quyết hoặc bấm nút trên phần mềm biểu quyết điện tử. Đối với việc thu phiếu trực tiếp, Ban kiểm phiếu thu thẻ/phiếu Tán thành trước, thu Không tán thành sau, sau đó đối chiếu số lượng cổ phần.

2. Kiểm phiếu và công bố kết quả:

a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm đếm độc lập, trung thực, chính xác và lập biên bản kiểm phiếu cụ thể cho từng vấn đề;

b) Kết quả kiểm phiếu (số lượng và tỷ lệ % tán thành, không tán thành, không có ý kiến trên tổng số phiếu dự họp) phải được Chủ tọa công bố công khai tại phiên họp ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Tỷ lệ thông qua nghị quyết tại cuộc họp (theo Điều 21 Điều lệ Công ty):

a) **Đạt tỷ lệ từ 65% trở lên** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết tán thành đối với các nội dung trọng yếu:

- Loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần của từng loại chào bán;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị Công ty;
- Phê duyệt dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản có giá trị từ **35% trở lên** tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định việc tổ chức lại doanh nghiệp hoặc giải thể Công ty;
- Các vấn đề khác do pháp luật hoặc Điều lệ này quy định phải đạt tỷ lệ từ 65% trở lên.

b) Đạt tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết tán thành đối với toàn bộ các nghị quyết và vấn đề khác;

c) Trường hợp nội dung biểu quyết làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi, nghị quyết chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành;

d) Nghị quyết được toàn bộ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay kể cả khi trình tự, thủ tục triệu tập có thiếu sót.

4. Phương thức bầu dồn phiếu: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bắt buộc thực hiện theo phương thức **bầu dồn phiếu** theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và có quyền dồn toàn bộ hoặc một phần số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 12. Biên bản, nghị quyết và lấy ý kiến bằng văn bản

1. Biên bản cuộc họp:

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập Biên bản đầy đủ, trung thực bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có thể được ghi âm, ghi hình lưu trữ;

b) Biên bản phải ghi nhận đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, thời gian, địa điểm, chương trình họp, số lượng đại biểu và tỷ lệ biểu quyết tham dự, tóm tắt các phát biểu, số lượng và tỷ lệ biểu quyết thông qua đối với từng vấn đề;

c) Biên bản phải được đọc thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa hoặc Thư ký từ chối ký, biên bản vẫn có giá trị pháp lý nếu được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp ký tên đồng thuận.

2. Nghị quyết và lưu trữ hồ sơ: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được ban hành kịp thời căn cứ theo Biên bản họp đã thông qua. Nghị quyết, Biên bản và toàn bộ tài liệu đính kèm phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong thời hạn **hai mươi bốn (24) giờ** kể từ khi kết thúc cuộc họp và lưu giữ vĩnh viễn tại trụ sở chính Công ty.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (theo Điều 22 Điều lệ Công ty):

a) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty (bao gồm cả sửa đổi Điều lệ, phát hành chứng khoán, đầu tư, mua lại cổ phần...);

b) Hội đồng quản trị gửi Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình đến toàn bộ cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là **mười (10) ngày** trước thời hạn phải hoàn trả phiếu;

c) Việc kiểm phiếu phải có sự giám sát của Ban Kiểm soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý; biên bản kiểm phiếu phải được lập đầy đủ và gửi/công bố đến cổ đông trong thời hạn quy định;

d) Nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua hợp pháp khi được số cổ đông đại diện cho **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (trừ các vấn đề pháp luật yêu cầu tỷ lệ riêng cao hơn) và có giá trị pháp lý tương đương như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn **chín mươi (90) ngày** kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp/Biên bản kiểm phiếu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ Nghị quyết nếu có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục hoặc nội dung vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM

Điều 13. Nguyên tắc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban Kiểm soát (BKS) phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Quyền đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần (theo Điều 25 và Điều 36 Điều lệ Công ty):

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên** có quyền đề cử ứng cử viên vào HĐQT và BKS;

b) Các cổ đông phổ thông có quyền tập hợp, liên kết thành nhóm đề cử ứng viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

– Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông: Được đề cử tối đa hai (02) ứng viên HĐQT và tối đa một (01) ứng viên BKS;

– Từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông: Được đề cử tối đa ba (03) ứng viên HĐQT và tối đa hai (02) ứng viên BKS;

– Từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông: Được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên HĐQT và tối đa ba (03) ứng viên BKS;

– Từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên: Được quyền đề cử đủ số lượng ứng viên HĐQT và BKS.

c) Các cổ đông thành lập nhóm đề cử ứng viên phải lập văn bản thông báo về việc lập nhóm và gửi về Công ty/Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

3. Trường hợp số lượng ứng viên không đủ: Trường hợp số lượng ứng viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử không đủ số lượng tối thiểu cần bầu theo quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đương nhiệm (đối với ứng viên HĐQT) hoặc BKS đương nhiệm (đối với ứng viên BKS) có quyền giới thiệu bổ sung thêm ứng viên theo cơ chế công khai, minh bạch. Việc giới thiệu bổ sung của cơ quan đương nhiệm phải được thông báo, công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết bầu.

4. Hồ sơ và công bố thông tin ứng cử viên:

a) Ứng cử viên phải nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định, gồm: Đơn ứng cử/đề cử hợp lệ; Sơ yếu lý lịch tự thuật; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn; Bản cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của thông tin và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu trúng cử; Bản kê khai các lợi ích có liên quan và danh sách người có liên quan theo quy định;

b) Công ty có trách nhiệm công bố công khai thông tin lý lịch trích ngang của các ứng cử viên trên website của Công ty (www.phr.vn) chậm nhất **mười (10) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ để cổ đông nghiên cứu trước khi bỏ phiếu.

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung (theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 25 Điều lệ Công ty):

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, năng lực quản trị, kinh nghiệm thực tiễn trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh, tài chính, nông nghiệp, lâm nghiệp, bất động sản khu công nghiệp hoặc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c) Thành viên HĐQT Công ty không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

d) Một cá nhân không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá ba (03) công ty khác theo quy định quản trị doanh nghiệp.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị (theo Điều 26 Điều lệ Công ty):

a) Số lượng thành viên HĐQT Công ty là từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

b) Cơ cấu HĐQT phải bảo đảm sự cân bằng giữa thành viên điều hành và không điều hành: Phải có tối thiểu 01 thành viên không điều hành; hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty nhằm bảo đảm tính độc lập, khách quan trong giám sát;

c) Cơ cấu HĐQT phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

3. Tiêu chuẩn riêng đối với thành viên HĐQT độc lập: Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán, bao gồm:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty trong ít nhất ba (03) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Công ty trong ít nhất năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

4. Đối với nhân sự do Tập đoàn giới thiệu/đề cử: Cá nhân được Tập đoàn giới thiệu làm ứng cử viên HĐQT hoặc cử làm Người đại diện phần vốn của Tập đoàn phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo pháp luật doanh nghiệp, pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy chế phân cấp cán bộ của Tập đoàn.

Điều 15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quyết định của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty.

2. Phương thức bầu dồn phiếu (theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty và Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp):

a) Phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT bắt buộc phải áp dụng nguyên tắc **bầu dồn phiếu**;

b) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số lượng thành viên HĐQT được bầu;

c) Cổ đông có quyền dồn toàn bộ số phiếu của mình cho một (01) ứng cử viên hoặc phân bổ chia đều, chia không đều số phiếu đó cho một số ứng cử viên trong danh sách bầu cử hợp lệ.

3. Nguyên tắc xác định người trúng cử:

a) Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên theo quyết định của ĐHĐCĐ;

b) Người trúng cử phải đạt tỷ lệ số phiếu bầu tối thiểu theo quy định của pháp luật và Quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp; c) Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt số phiếu bầu ngang nhau cho vị trí thành viên HĐQT cuối cùng, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại giữa các ứng cử viên có số phiếu ngang nhau đó hoặc thực hiện lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ phê duyệt.

4. Biên bản và công bố kết quả: Kết quả bầu cử thành viên HĐQT phải được Ban kiểm phiếu lập biên bản chi tiết, công bố công khai trước Đại hội, ghi nhận trong Nghị quyết ĐHĐCĐ và thực hiện thủ tục công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong thời hạn **hai mươi bốn (24) giờ** theo quy định pháp luật.

Điều 16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 37 Điều lệ Công ty):

a) Thành viên BKS phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b) Không thuộc diện làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

c) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

d) Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hơn một nửa số thành viên BKS phải thường trú tại Việt Nam;

e) Trưởng Ban Kiểm soát do BKS bầu theo nguyên tắc đa số, phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Bầu thành viên Ban Kiểm soát: Việc bầu thành viên BKS được tiến hành tại ĐHĐCĐ theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự như bầu thành viên HĐQT quy định tại Điều 15 Quy chế này và Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát (theo Khoản 3 Điều 37 Điều lệ Công ty): Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên BKS trong các trường hợp:

- a) Không còn đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên BKS theo quy định;
- b) Có đơn xin từ chức bằng văn bản và được ĐHĐCĐ chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát (theo Khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty): Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên BKS trong các trường hợp:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp sự kiện bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty;
- d) Theo Nghị quyết quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Đại hội đồng cổ đông thực hiện miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a) Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Quy chế này;
- b) Có đơn xin từ chức bằng văn bản gửi đến HĐQT và được ĐHĐCĐ chấp thuận;
- c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- d) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e) Bị Tập đoàn chấm dứt văn bản cử làm Người đại diện phần vốn (đối với thành viên HĐQT là Người đại diện phần vốn của Tập đoàn).

2. Các trường hợp bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp:

- a) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc Quy chế này gây thiệt hại cho Công ty;
- b) Không thực hiện hoặc cố ý cản trở việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- c) Theo quyết định bãi nhiệm của ĐHĐCĐ căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động quản trị.

3. Bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT khi bị khuyết:

a) Khi số lượng thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty hoặc giảm xuống dưới số lượng tối thiểu theo luật định (dưới 03 người), HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn **ba mươi (30) ngày** kể từ ngày số lượng thành viên bị giảm để bầu bổ sung;

b) Trường hợp thành viên độc lập HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc không còn độc lập làm cho cơ cấu không bảo đảm tối thiểu 01 thành viên độc lập, HĐQT có trách nhiệm đề cử hoặc hướng dẫn cổ đông đề cử để bầu bổ sung thành viên độc lập thay thế tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất;

c) Trường hợp tất cả các thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế tiếp quản công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị:

a) HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, quyết định theo đa số;

b) Mỗi thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể, có quyền và nghĩa vụ tham gia thảo luận, độc lập biểu quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước ĐHĐCĐ và pháp luật về ý kiến, lá phiếu biểu quyết của mình;

c) HĐQT phân định rõ chức năng định hướng chiến lược, ban hành chính sách và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc; tuyệt đối không can thiệp trái thẩm quyền vào công việc điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Tổng Giám đốc, trừ các trường hợp khẩn cấp để ngăn chặn thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Căn cứ Điều 27 Điều lệ Công ty, HĐQT thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ trọng yếu sau:

1. Định hướng chiến lược và kế hoạch kinh doanh:

a) Quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hằng năm của Công ty trong phạm vi thẩm quyền;

b) Đối với kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, HĐQT xây dựng, phê duyệt trên cơ sở chỉ đạo, ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tập đoàn đối với Người

đại diện phân vốn theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Trình ĐHĐCĐ phê duyệt định hướng phát triển tổng thể dài hạn của Công ty.

2. Quản trị vốn, tài chính và phân phối lợi nhuận:

a) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định phương án chào bán cổ phần mới trong phạm vi được ĐHĐCĐ ủy quyền;

b) Quyết định phương án huy động vốn, phát hành trái phiếu (không chuyển đổi), định giá bán cổ phần và các chứng chỉ chứng khoán khác trong thẩm quyền;

c) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại trong thời hạn mười hai (12) tháng theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d) Kiến nghị mức cổ tức chi trả hằng năm, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ doanh nghiệp và xử lý các khoản lỗ trong kinh doanh.

3. Quyết định đầu tư, tài sản và hợp đồng:

a) Quyết định các dự án đầu tư, phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, thành lập hoặc tổ chức lại công ty con, công ty liên kết có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi nhận trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc theo phân cấp quản lý vốn của Tập đoàn;

b) Quyết định việc mua, bán, chuyển nhượng tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

c) Phê duyệt các hợp đồng vay, cho vay, bảo lãnh và các hợp đồng, giao dịch kinh tế khác thuộc thẩm quyền;

d) Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo đúng thẩm quyền và tỷ lệ quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán.

4. Tổ chức bộ máy và quản lý nhân sự:

a) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, ban hành Quy chế quản lý nội bộ, quy chế phân cấp, quy chế tài chính; quyết định thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký HĐQT;

d) Quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm theo quy định pháp luật và quy chế của Tập đoàn đối với nhân sự thuộc diện quản lý;

e) Giám sát, đánh giá kết quả thực thi nhiệm vụ điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

5. Trách nhiệm phối hợp với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn: Đối với các nội dung dự kiến quyết định thuộc diện pháp luật về quản lý vốn nhà nước hoặc quy chế Tập đoàn yêu cầu Người đại diện phần vốn phải báo cáo, xin ý kiến chấp thuận chủ trương trước khi biểu quyết (dự án nhóm lớn, chuyển nhượng vốn đầu tư, cơ cấu vốn, nhân sự chủ chốt...), HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu trước thời hạn để Người đại diện xin ý kiến đúng quy định.

Điều 20. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Bầu và tiêu chuẩn Chủ tịch HĐQT (theo Điều 29 Điều lệ Công ty):

a) Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số tại phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày bế mạc cuộc bầu cử;

b) Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty;

c) Việc giới thiệu nhân sự để HĐQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT phải thực hiện đúng quy trình quản lý cán bộ của Tập đoàn đối với chức danh thuộc diện Tập đoàn quản lý.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động tổng thể của HĐQT từng quý, năm;

b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu; triệu tập, chủ trì và điều khiển các cuộc họp HĐQT;

c) Làm Chủ tọa điều hành các cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập;

d) Tổ chức việc thảo luận, lấy ý kiến, ký ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

e) Giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; trong trường hợp khẩn cấp phát hiện Tổng Giám đốc ban hành quyết định điều hành có dấu hiệu trái pháp luật hoặc trái nghị quyết HĐQT, Chủ tịch HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và triệu tập họp HĐQT ngay để xử lý;

f) Trực tiếp chỉ đạo, giám sát các công tác trọng yếu: Kế hoạch tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản, sử dụng đất đai, thanh lý vườn cây cao su và công bố thông tin;

g) Là người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty trong phạm vi quyền hạn theo Điều lệ.

3. Ủy quyền khi vắng mặt: Khi vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch HĐQT phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc bị khuyết, các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số cho đến khi bầu Chủ tịch mới.

Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chế độ họp và quyền triệu tập (theo Điều 30 Điều lệ Công ty):

a) Hội đồng quản trị phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường khi phát sinh công việc cần giải quyết;

b) Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản hợp lệ của: (i) Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT độc lập; (ii) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; (iii) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch triệu tập họp HĐQT và Chủ tịch phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu gây thiệt hại.

2. Thông báo mời họp và tài liệu:

a) Thông báo mời họp HĐQT phải được gửi bằng văn bản, thư điện tử, fax bảo đảm đến từng thành viên HĐQT và các thành viên Ban Kiểm soát chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp;

b) Thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm, chương trình nghị sự và kèm theo toàn bộ tài liệu báo cáo, dự thảo tờ trình, nghị quyết và phiếu biểu quyết.

3. Điều kiện tiến hành cuộc họp:

a) Cuộc họp lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp (trực tiếp hoặc trực tuyến);

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, HĐQT được triệu tập cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành hợp lệ nếu có hơn một nửa (trên 50%) tổng số thành viên HĐQT tham dự.

4. Tham dự của Ban Kiểm soát: Thành viên BKS có quyền tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, được cung cấp tài liệu họp như thành viên HĐQT, có quyền phát biểu thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

5. Cuộc họp có thể tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp nêu đáp ứng điều kiện pháp luật và Điều lệ.

Điều 22. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hình thức tham gia biểu quyết: Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi: (i) Trực tiếp tham dự; (ii) Ủy quyền cho thành viên khác dự họp (phải được đa số thành viên HĐQT còn lại chấp thuận); (iii) Tham dự qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử; (iv) Gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản trong phong bì dán kín gửi Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ họp.

2. Nguyên tắc thông qua nghị quyết:

a) Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành;

b) Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Loại trừ biểu quyết do xung đột lợi ích: Thành viên HĐQT có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hợp đồng, giao dịch đang được xem xét không được tham gia biểu quyết và không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết để thông qua nghị quyết về vấn đề đó.

4. Lưu trữ hồ sơ cuộc họp: Tất cả các cuộc họp HĐQT phải được lập Biên bản họp chi tiết, trung thực và được Chủ tọa, Thư ký cùng toàn bộ thành viên dự họp ký xác nhận. Nghị quyết, biên bản họp và tài liệu tờ trình phải được lưu giữ có hệ thống tại trụ sở chính Công ty theo quy định pháp luật.

Điều 23. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT nhưng không nhất thiết phải tổ chức họp trực tiếp hoặc trong trường hợp khẩn cấp, Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản.

2. Hồ sơ và phiếu lấy ý kiến: Chủ tịch HĐQT hoặc Thư ký HĐQT gửi Hồ sơ lấy ý kiến kèm theo Tờ trình giải trình, Dự thảo nghị quyết và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên HĐQT qua đường bảo đảm hoặc thư điện tử bảo mật. Phiếu lấy ý kiến phải ghi rõ nội dung cần biểu quyết, các phương án lựa chọn (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến), thời hạn gửi lại phiếu và chữ ký xác nhận của thành viên.

3. Hiệu lực của nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản: Nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị pháp lý tương đương như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT trực tiếp khi được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết ký tán thành. Thư ký HĐQT có trách nhiệm lập Biên bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu có sự ký xác nhận của Chủ tịch HĐQT và gửi kết quả đến tất cả thành viên HĐQT, BKS

Điều 24. Thư ký Hội đồng quản trị và Người phụ trách quản trị công ty

1. Bổ nhiệm và vị trí công tác (theo Điều 32 Điều lệ Công ty):

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp;

b) Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký HĐQT/Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp;

c) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời là người làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty (theo Điều 32 Điều lệ Công ty):

a) Tư vấn cho HĐQT về trình tự, thủ tục tổ chức họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu; tham dự và hỗ trợ thủ tục tại các cuộc họp;

c) Soạn thảo, tư vấn tính hợp pháp của các dự thảo nghị quyết, quyết định của HĐQT;

d) Thu thập, cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản, nghị quyết cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;

e) Giám sát, đôn đốc và chịu trách nhiệm đầu mối phối hợp thực hiện việc công bố thông tin minh bạch, đúng thời hạn trên thị trường chứng khoán;

f) Làm đầu mối liên lạc giữa Công ty với cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Thực hiện nghĩa vụ bảo mật toàn bộ các thông tin mật của Công ty theo quy định.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Thư ký HĐQT: Hỗ trợ lập sổ biên bản, lưu trữ toàn bộ biên bản, nghị quyết, hồ sơ họp của ĐHĐCĐ và HĐQT; theo dõi việc ban hành và thực thi các quyết định của HĐQT.

Điều 25. Các ủy ban và bộ phận hỗ trợ Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban hoặc tổ công tác theo pháp luật, Điều lệ và nhu cầu thực tế.

2. Quyết định thành lập phải xác định chức năng, nhiệm vụ, thành phần, quyền hạn, chế độ báo cáo và thời hạn hoạt động.

3. Ủy ban, tổ công tác có chức năng tham mưu, hỗ trợ; không được thay thế thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 26. Vị trí và nguyên tắc điều hành

1. Vị trí và tư cách pháp nhân:

a) Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất, kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát, chỉ đạo trực tiếp của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty (cùng với Chủ tịch HĐQT) theo quy định tại Điều 3 Điều lệ Công ty, đại diện cho Công ty trong phạm vi thẩm quyền điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày.

2. Nguyên tắc điều hành:

a) Hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc tuân thủ nguyên tắc một thủ trưởng kết hợp bàn bạc dân chủ trong Ban Tổng Giám đốc; tôn trọng và thực hiện nghiêm túc Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ và các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;

b) Tổng Giám đốc toàn quyền chủ động quyết định các biện pháp điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh, quản trị nhân sự, điều hành dòng tiền theo kế hoạch đã được duyệt mà không cần phải xin ý kiến HĐQT đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền điều hành thường xuyên;

c) Tổng Giám đốc không được quyết định hoặc vượt thẩm quyền đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền riêng của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT, trừ trường hợp được phân cấp cụ thể hoặc được HĐQT ủy quyền hợp pháp bằng văn bản.

3. Bổ nhiệm và nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc (theo Điều 35 Điều lệ Công ty):

a) HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc ký hợp đồng thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

b) Đối với nhân sự thuộc diện Tập đoàn quản lý, việc giới thiệu, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc phải thực hiện đúng quy trình quản lý cán bộ của Tập đoàn và chỉ tiến hành sau khi có văn bản chấp thuận/chủ trương của Tập đoàn;

c) Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của Công ty.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều 35 Điều lệ Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ trọng yếu sau:

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết và kế hoạch kinh doanh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;

b) Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn và hằng năm, phương án tài chính, phương án đầu tư, kế hoạch sử dụng đất, phương án tái canh, thanh lý vườn cây cao su đề trình HĐQT xem xét, phê duyệt hoặc trình ĐHĐCĐ thông qua;

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt; bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và tỷ suất sinh lời trên vốn.

2. Thẩm quyền quyết định trong điều hành công việc hằng ngày:

a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành sản xuất, chế biến, tiêu thụ mủ cao su, gỗ cao su, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

b) Ký kết các hợp đồng kinh tế, thương mại, mua bán vật tư nông nghiệp, phân bón, hóa chất, dịch vụ logistics, hợp đồng lao động và các giao dịch dân sự khác nhân danh Công ty trong phạm vi hạn mức phân cấp của HĐQT và Điều lệ Công ty;

c) Đề xuất phương án cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các phòng ban, chi nhánh trực thuộc, quy chế quản trị nội bộ để trình HĐQT xem xét, ban hành;

d) Ban hành các quy trình tác nghiệp, quy định kỹ thuật nông nghiệp, chế biến mủ cao su, định mức kinh tế – kỹ thuật trong toàn Công ty phù hợp với định mức của Tập đoàn và nghị quyết của HĐQT;

e) Tuyển dụng, bố trí, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT); quyết định mức lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ cho người lao động theo quy chế phân phối tiền lương của Công ty;

f) Kiến nghị HĐQT phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ, mức chi trả cổ tức hoặc phương án xử lý các khoản lỗ trong kinh doanh.

3. Chế độ thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị:

a) Báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm) cho HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả tài chính, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

b) Báo cáo kịp thời, bất thường cho HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS) về các rủi ro trọng yếu, biến động lớn của thị trường giá mủ, tranh chấp đất đai, khiếu kiện phức

tập, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các sự cố có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến tài chính và uy tín của Công ty;

c) Báo cáo ngay cho HĐQT và BKS khi phát hiện người quản lý, người lao động hoặc đối tác có hành vi gian lận, vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ hoặc không chấp hành nghị quyết của HĐQT.

Điều 28. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác

1. Cơ cấu và thẩm quyền bổ nhiệm (theo Điều 33 và Điều 34 Điều lệ Công ty):

a) Người điều hành Công ty bao gồm: Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm;

b) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, ký kết hợp đồng và quyết định mức lương, thù lao, thưởng của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

c) Đối với các vị trí nhân sự thuộc diện Tập đoàn quản lý (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), thủ tục giới thiệu và quyết định bổ nhiệm phải tuân thủ nghiêm ngặt quy chế phân cấp quản lý cán bộ của Tập đoàn và ý kiến phê duyệt của Tập đoàn trước khi HĐQT ra quyết định.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Phó Tổng Giám đốc:

a) Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc, chịu sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc; trực tiếp phụ trách và điều hành một hoặc một số lĩnh vực công tác cụ thể (nông nghiệp, chế biến, công nghiệp – khu công nghiệp, kinh doanh – thị trường, xây dựng, đầu tư...);

b) Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, HĐQT và pháp luật về kết quả thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

c) Khi Tổng Giám đốc vắng mặt, Phó Tổng Giám đốc Thường trực hoặc Phó Tổng Giám đốc được Tổng Giám đốc ủy quyền bằng văn bản sẽ thay mặt Tổng Giám đốc điều hành công việc chung của Công ty.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo quy định của Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b) Kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của toàn bộ chứng từ thanh toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính định kỳ và báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;

c) Tham mưu cho Tổng Giám đốc và HĐQT trong việc cân đối dòng tiền, quản trị nguồn vốn, thu xếp vốn vay, huy động vốn, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty;

d) Kế toán trưởng chịu trách nhiệm độc lập về tính trung thực, hợp lý của số liệu kế toán và có quyền bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản gửi Tổng Giám đốc, HĐQT và BKS khi phát hiện các nghiệp vụ tài chính có dấu hiệu trái pháp luật.

4. Trách nhiệm của Người điều hành: Người điều hành Công ty phải thực hiện chức trách trung thực, cần trọng, miễn cưỡng vì lợi ích tốt nhất của Công ty; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý thông tin mật, phòng ngừa xung đột lợi ích và không được lợi dụng chức vụ để trục lợi cá nhân.

CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Vị trí và nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Vị trí pháp lý: Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát độc lập của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về việc giám sát tính hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng của HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý trong hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh.

2. Cơ cấu và nhiệm kỳ (theo Điều 37 Điều lệ Công ty):

a) Ban Kiểm soát có **ba (03) thành viên**; nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

b) Hơn một nửa số thành viên BKS phải thường trú tại Việt Nam;

c) Trưởng Ban Kiểm soát do BKS bầu trong số các thành viên BKS theo nguyên tắc đa số; Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Công ty.

3. Nguyên tắc hoạt động:

a) Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, khách quan, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các cổ đông, bao gồm cổ đông nhà nước (Tập đoàn) và cổ đông thiểu số;

b) Tuân thủ đúng thẩm quyền, không can thiệp trái pháp luật hoặc làm cản trở công việc quản lý, điều hành kinh doanh hằng ngày của HĐQT và Tổng Giám đốc;

c) BKS làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên; thành viên BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phân công việc được giao trước Trưởng Ban và ĐHĐCĐ.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Căn cứ Điều 39 Điều lệ Công ty và Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Kiểm tra, thẩm định báo cáo:

a) Thăm tra tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính năm, bán niên và các quý của Công ty; thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc trước khi trình ĐHĐCĐ thường niên;

b) Lập Báo cáo của Ban Kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên;

c) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận; kiến nghị thay đổi hoặc bãi miễn đơn vị kiểm toán khi xét thấy cần thiết.

2. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành:

a) Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác;

b) Giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư lớn, quản lý sử dụng đất đai, thanh lý tài sản, nhượng bán vườn cây cao su và các giao dịch kinh tế lớn của Công ty;

c) Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan, giao dịch với Tập đoàn hoặc các công ty con, công ty liên kết nhằm ngăn ngừa hành vi chuyển giá, thất thoát tài sản.

3. Quyền tiếp cận thông tin và điều tra sổ sách (theo Khoản 8, Khoản 9 Điều 39 và Điều 45 Điều lệ Công ty):

a) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận toàn bộ hồ sơ, tài liệu, sổ sách kế toán, chứng từ thanh toán, hợp đồng kinh tế và nghị quyết, biên bản của HĐQT lưu giữ tại trụ sở chính, các nông trường, nhà máy chế biến, chi nhánh của Công ty;

b) Có quyền đến các địa điểm làm việc, cơ sở sản xuất của Công ty trong giờ làm việc để nắm bắt tình hình thực tế;

c) Có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác cung cấp kịp thời, chính xác, trung thực các báo cáo, tài liệu và giải trình làm rõ các vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát.

4. Xử lý vi phạm và triệu tập họp bất thường:

a) Khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của ĐHĐCĐ, BKS phải lập văn bản thông báo cho HĐQT trong vòng **bốn mươi tám (48) giờ**, yêu cầu người có hành vi vi phạm dừng ngay vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;

b) Có quyền yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập phiên họp HĐQT bất thường;

c) Có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo trình tự quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty khi HĐQT không thực hiện triệu tập theo yêu cầu.

5. Chế độ họp của Ban Kiểm soát (theo Điều 40 Điều lệ Công ty): Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Cuộc họp chỉ hợp lệ khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên BKS trở lên dự họp. Mọi diễn biến cuộc họp phải được ghi biên bản chi tiết, có chữ ký của toàn bộ thành viên dự họp và được lưu giữ cẩn trọng.

Điều 31. Quan hệ công tác giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Nguyên tắc quan hệ phối hợp: Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Tổng Giám đốc được xây dựng trên nguyên tắc độc lập về chức năng, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông; không cản trở hoạt động của nhau và không làm ảnh hưởng đến thẩm quyền của mỗi cơ quan.

2. Trách nhiệm phối hợp của Ban Kiểm soát:

a) BKS gửi kế hoạch kiểm soát, giám sát định kỳ hằng năm cho HĐQT và Tổng Giám đốc để phối hợp bố trí lịch làm việc, tránh trùng lặp, chồng chéo;

b) Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên BKS được cử tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT, các cuộc họp sơ kết, tổng kết công tác điều hành của Tổng Giám đốc; được quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết;

c) Khi BKS ban hành các kết luận kiểm tra, giám sát hoặc kiến nghị khắc phục, văn bản phải được gửi chính thức đến HĐQT và Tổng Giám đốc để xem xét, chỉ đạo thực hiện.

3. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc:

a) Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải gửi thông báo mời họp HĐQT, các tài liệu họp cho BKS cùng thời điểm gửi cho thành viên HĐQT (chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp);

b) Gửi đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các báo cáo tài chính định kỳ, các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh cho BKS;

c) Khi nhận được văn bản yêu cầu giải trình hoặc kiến nghị của BKS, HĐQT và Tổng Giám đốc có trách nhiệm kiểm tra, trả lời và báo cáo phương án xử lý bằng văn bản cho BKS trong thời hạn tối đa **mười lăm (15) ngày** kể từ ngày nhận được kiến nghị; trường hợp không đồng ý với kiến nghị của BKS thì phải nêu rõ lý do;

d) Tạo mọi điều kiện làm việc thuận lợi, bố trí phương tiện, tài liệu và thanh toán các khoản chi phí hoạt động hợp lý của BKS trong phạm vi ngân sách đã được ĐHCĐ thông qua.

CHƯƠNG VII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Điều 32. Nhận diện và kiểm soát xung đột lợi ích

1. Nguyên tắc chung về nghĩa vụ trung thành và cẩn trọng (theo Điều 42 và Điều 43 Điều lệ Công ty):

a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của mình một cách trung thực, miễn cán, cẩn trọng tối đa vì lợi ích hợp pháp cao nhất của Công ty và của toàn thể cổ đông;

b) Không được sử dụng hoặc để người khác lợi dụng vị trí công tác, chức vụ, quyền hạn, thông tin bí mật nội bộ, bí quyết công nghệ, cơ hội kinh doanh hoặc tài sản của Công ty nhằm tư lợi cho bản thân hoặc mang lại lợi ích cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác làm phương hại đến quyền lợi của Công ty.

2. Nhận diện các tình huống phát sinh xung đột lợi ích: Tình huống xung đột lợi ích được xác định khi người quản lý, người điều hành hoặc người có liên quan của họ rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch mua bán mủ cao su, gỗ thanh lý, vật tư, phân bón, thuê mặt bằng, thuê hạ tầng khu công nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ trực tiếp/gián tiếp giữa Công ty với chính người đó hoặc với Người có liên quan của người đó;

b) Bản thân hoặc Người có liên quan là chủ sở hữu, thành viên hợp danh, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn hoặc giữ chức danh quản lý điều hành tại các doanh nghiệp khác có cùng ngành, nghề kinh doanh hoặc có hoạt động cạnh tranh trực tiếp với Công ty;

c) Tiếp nhận hoặc hứa hẹn tiếp nhận các khoản thù lao, hoa hồng, tiền thưởng, quà tặng, cơ hội đầu tư hoặc các lợi ích vật chất/phi vật chất khác từ các đối tác thương mại, nhà thầu xây dựng, bên thuê đất khu công nghiệp của Công ty ngoài chế độ được duyệt;

d) Sử dụng tài sản, xe cộ, đất đai, nhà xưởng của Công ty vào mục đích riêng mà không trả chi phí theo giá thị trường hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Cơ chế lập, theo dõi và cập nhật danh sách người có liên quan:

a) Công ty duy trì và quản lý cơ sở dữ liệu tập trung về Danh sách người có liên quan của Công ty và của các đối tượng quản lý, điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều 43 Điều lệ Công ty;

b) Người quản lý, người điều hành có trách nhiệm kê khai, gửi văn bản thông báo cho Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký HĐQT danh sách Người có liên

quan của mình trong thời hạn **bảy (07) ngày làm việc** kể từ ngày được bổ nhiệm hoặc kể từ ngày phát sinh thay đổi;

c) Người phụ trách quản trị công ty chịu trách nhiệm rà soát, cập nhật định kỳ Danh sách người có liên quan, lưu trữ hồ sơ và cung cấp cho HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc cùng các phòng ban chức năng trước khi thẩm định, ký kết hợp đồng, giao dịch.

Điều 33. Công khai lợi ích và giao dịch với người có liên quan

1. Nghĩa vụ công khai, kê khai lợi ích (theo Khoản 3 Điều 43 Điều lệ Công ty):

a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:

– Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ hoặc Người có liên quan của họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu;

– Doanh nghiệp mà họ hoặc Người có liên quan của họ đang đảm nhiệm chức danh quản lý (Chủ tịch, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc/Tổng Giám đốc...);

b) Việc kê khai phải thực hiện bằng văn bản gửi đến Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích hoặc có sự thay đổi;

c) Báo cáo kê khai các lợi ích được lưu giữ tại trụ sở chính và bảo đảm quyền tiếp cận, tra cứu của cổ đông, HĐQT và BKS theo quy định.

2. Nguyên tắc thực hiện giao dịch với người có liên quan:

a) Mọi hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, Tập đoàn, cổ đông lớn hoặc Người có liên quan của các chủ thể này phải được ký kết trên nguyên tắc bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, độc lập, minh bạch theo các điều kiện thương mại thông thường và giá thị trường;

b) Tuyệt đối nghiêm cấm việc thiết lập các điều khoản bất lợi cho Công ty, chuyển dịch doanh thu, lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sang cho tổ chức, cá nhân khác dưới bất kỳ hình thức nào;

c) Hồ sơ trình phê duyệt giao dịch phải thể hiện rõ: Bản giải trình mục đích giao dịch; đối tác giao dịch và mối quan hệ liên quan; dự thảo hợp đồng; giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán; chứng thư thẩm định giá độc lập hoặc căn cứ xác định giá thị trường; đánh giá tác động tài chính và hiệu quả của giao dịch đối với Công ty.

3. Thủ tục thông báo và loại trừ biểu quyết: Thành viên HĐQT hoặc người quản lý có liên quan đến các bên trong giao dịch phải chủ động công khai mối quan

hệ liên quan của mình trước khi cuộc họp HĐQT diễn ra; không được quyền tham gia biểu quyết và không được tính vào số lượng thành viên dự họp cần thiết để thông qua nghị quyết về giao dịch đó.

Điều 34. Hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hoặc có tính chất đặc biệt

1. Phân định thẩm quyền phê duyệt hợp đồng, giao dịch (theo Điều 15, Điều 27 và Điều 43 Điều lệ Công ty):

a) Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:

– Hợp đồng, giao dịch mua, bán tài sản hoặc hợp đồng kinh tế khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi nhận trên Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;

– Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, mua, bán tài sản giữa Công ty với các đối tượng sau có giá trị từ 35% trở lên (hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên) tổng giá trị tài sản ghi nhận trên Báo cáo tài chính gần nhất:

◦ Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

◦ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

– Các giao dịch cấp tín dụng, vay vốn, cho vay, bảo lãnh cho các đối tượng là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, tổ chức là người có liên quan của các cá nhân này mà pháp luật chứng khoán yêu cầu phải có chấp thuận trước của ĐHĐCĐ.

b) Thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

– Hợp đồng, giao dịch mua, bán tài sản hoặc dự án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi nhận trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

– Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan (bao gồm cả giao dịch với Tập đoàn, các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn hoặc của Công ty) có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi nhận trên Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

– Các hợp đồng vay vốn tín dụng ngân hàng, hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản Công ty để bảo đảm nghĩa vụ nợ trong phạm vi hạn mức phân cấp tại Quy chế tài chính và Điều lệ Công ty.

c) Thẩm quyền của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế, thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày trong phạm

vì hạn mức giá trị được HĐQT phân cấp cụ thể tại Quy chế phân cấp quản lý hoặc Nghị quyết của HĐQT.

2. Quy trình trình duyệt và báo cáo:

a) Mọi hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT bắt buộc phải được trình, thẩm định và phê duyệt thông qua nghị quyết bằng văn bản trước khi ký kết hợp đồng chính thức;

b) Hợp đồng, giao dịch được ký kết vượt thẩm quyền hoặc chưa có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền là vô hiệu và không phát sinh giá trị ràng buộc với Công ty; người ký kết hợp đồng trái thẩm quyền phải chịu trách nhiệm cá nhân vô hạn và liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho Công ty.

3. Công bố thông tin về giao dịch với người có liên quan:

a) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin bất thường về các nghị quyết HĐQT/ĐHĐCĐ phê duyệt hợp đồng, giao dịch với bên liên quan trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ theo quy định của pháp luật chứng khoán;

b) Toàn bộ các giao dịch phát sinh giữa Công ty với bên liên quan trong kỳ phải được phản ánh đầy đủ, chính xác và chi tiết trong Báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ 6 tháng, Báo cáo thường niên và Thuyết minh Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

CHƯƠNG VIII. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ TẬP ĐOÀN; NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN

Điều 35. Nguyên tắc quan hệ giữa Công ty và Tập đoàn

1. Độc lập pháp nhân và bảo toàn vốn nhà nước:

a) Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa là doanh nghiệp cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập, tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm tài sản và nghĩa vụ nợ bằng toàn bộ tài sản của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (Tập đoàn) là công ty mẹ, là cổ đông chi phối nắm giữ phần vốn nhà nước tại Công ty. Mọi quan hệ giữa Công ty và Tập đoàn được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng tính độc lập pháp nhân của Công ty, đồng thời bảo đảm vai trò định hướng của Tập đoàn và tuân thủ các quy định về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Luật số 68/2025/QH15.

2. Thực hiện quyền cổ đông của Tập đoàn:

a) Quyền của Tập đoàn đối với Công ty được thực hiện thông qua tư cách cổ đông của Công ty, phù hợp với số lượng và tỷ lệ cổ phần mà Tập đoàn sở hữu, căn cứ Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;

b) Quyền của Tập đoàn được thực hiện thông qua Người đại diện phần vốn của Tập đoàn được cử tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua nhân sự do Tập đoàn giới thiệu, ứng cử vào HĐQT, BKS theo quy định;

c) Tập đoàn tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông khác (bao gồm cổ đông tổ chức, cá nhân, cổ đông nước ngoài và cổ đông thiểu số); bảo đảm mọi cổ đông có cơ hội tiếp cận thông tin công bằng và hưởng các lợi ích vật chất theo đúng tỷ lệ cổ phần sở hữu.

3. Phân định giữa chỉ đạo nội bộ của Tập đoàn và thẩm quyền quản trị của Công ty: Các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Tập đoàn đối với Người đại diện phần vốn có giá trị ràng buộc trách nhiệm đối với Người đại diện phần vốn, nhưng không tự động thay thế cho các Nghị quyết, Quyết định hợp pháp của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Công ty. Mọi chủ trương phải được thẩm định, thảo luận và thông qua theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục luật định của bộ máy quản trị Công ty.

Điều 36. Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty

1. Tư cách pháp lý và việc cử Người đại diện phần vốn (theo Khoản 1 Điều 1 và Điều 43 Điều lệ Công ty):

a) Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty là cá nhân được Hội đồng quản trị Tập đoàn cử, giao quản lý hoặc ủy quyền bằng văn bản để đại diện thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách cổ đông tại Công ty;

b) Người đại diện phần vốn thực hiện nhiệm vụ theo nhiệm kỳ hoặc theo từng vụ việc cụ thể căn cứ vào Quyết định ủy quyền của Tập đoàn; tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Tập đoàn.

2. Quyền và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn:

a) Đại diện cho Tập đoàn tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ; thực hiện quyền thảo luận, biểu quyết, kiến nghị theo đúng nội dung ý kiến chỉ đạo hoặc văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Tập đoàn;

b) Trường hợp được bầu vào HĐQT hoặc BKS của Công ty, Người đại diện phần vốn phải thực hiện trách nhiệm kép: Vừa là thành viên cơ quan quản lý/kiểm soát có trách nhiệm bảo vệ lợi ích cao nhất của Công ty, vừa có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ, bảo toàn và phát triển phần vốn nhà nước của Tập đoàn đầu tư tại Công ty;

c) Kịp thời báo cáo trung thực, đầy đủ và định kỳ cho Tập đoàn về kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ giải ngân đầu tư, quản lý sử dụng đất cao su, chia cổ tức và các vấn đề trọng yếu phát sinh;

d) Tuyệt đối bảo mật thông tin nội bộ của Công ty; không được cung cấp thông tin mật cho bên thứ ba hoặc làm lộ bí mật kinh doanh của Công ty khi chưa được phép công bố chính thức theo luật định.

3. Trách nhiệm của Công ty đối với Người đại diện phần vốn:

a) Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi và chủ động cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, số liệu tài chính liên quan đến nội dung cần quyết định để Người đại diện phần vốn nghiên cứu và thực hiện thủ tục báo cáo, xin ý kiến Tập đoàn;

b) Các cơ quan, người quản lý, phòng ban của Công ty không được gây khó khăn, cản trở trái pháp luật đối với việc thực thi chức trách của Người đại diện phần vốn.

4. Tiền lương, thù lao của Người đại diện phần vốn (theo Khoản 11 Điều 43 Điều lệ Công ty): Việc chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi vật chất khác đối với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước và quy chế của Tập đoàn. Các khoản thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS do Công ty chi trả được quyết toán, khấu trừ hoặc nộp về Tập đoàn theo đúng quy định hiện hành.

Điều 37. Các vấn đề cần phối hợp, báo cáo hoặc xin ý kiến Tập đoàn

1. Các nhóm nội dung bắt buộc Người đại diện phần vốn phải xin ý kiến Tập đoàn trước khi biểu quyết:

Căn cứ quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Tập đoàn (ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-HĐQTCSVN ngày 31/10/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung), Người đại diện phần vốn phải báo cáo, xin ý kiến bằng văn bản và chỉ được tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ, HĐQT sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Tập đoàn đối với các vấn đề sau:

a) Chiến lược phát triển dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của Công ty;

b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hằng năm của Công ty;

c) Phương án tăng, giảm vốn điều lệ; phát hành thêm cổ phần, trái phiếu chuyển đổi hoặc các chứng khoán vốn khác làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty;

d) Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ doanh nghiệp và tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu;

e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Chủ trương đầu tư các dự án nhóm A, nhóm B, dự án phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo, dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất cao su;

g) Phương án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Góp vốn, mua cổ phần, thành lập mới hoặc tổ chức lại công ty con, công ty liên kết; chuyển nhượng vốn, thoái vốn đầu tư của Công ty tại các doanh nghiệp khác;

h) Phương án thanh lý tài sản có giá trị lớn, thanh lý vườn cây cao su quy mô lớn vượt hạn mức phân cấp; phương án đền bù, thu hồi, giao trả hoặc chuyển giao đất cao su cho địa phương;

i) Cơ cấu tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình), giải thể, thanh lý hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

k) Công tác nhân sự quản lý thuộc diện Tập đoàn quản lý: Giới thiệu ứng viên bầu HĐQT, BKS; nhân sự bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS; bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quy hoạch, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý.

2. Quy trình và thời hạn phối hợp chuẩn bị hồ sơ:

a) Để bảo đảm Người đại diện phần vốn có đủ thời gian thực hiện quy trình xin ý kiến Tập đoàn theo đúng quy định, Ban Tổng Giám đốc và HĐQT Công ty có trách nhiệm lập và gửi hồ sơ báo cáo hoàn chỉnh cho Người đại diện phần vốn tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc (đối với vấn đề thông thường) hoặc tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc (đối với các dự án đầu tư lớn, tăng giảm vốn, tổ chức lại) trước ngày tổ chức họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

b) Hồ sơ gửi xin ý kiến bao gồm các tài liệu theo quy định như: Tờ trình, báo cáo thuyết minh phương án, đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, thẩm định pháp lý và rủi ro,...

c) Tuyệt đối không đưa ra biểu quyết tại HĐQT hoặc ĐHĐCĐ những vấn đề thuộc diện phải xin ý kiến khi chưa nhận được văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền của Tập đoàn.

3. Cập nhật quy định của Tập đoàn: Trường hợp Tập đoàn ban hành quy chế mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, ủy quyền, biểu mẫu và chế độ báo cáo đối với Người đại diện phần vốn mà không làm thay đổi các quy định bắt buộc của Điều lệ Công ty, Công ty và Người đại diện phần vốn có trách nhiệm tự động cập nhật và áp dụng quy định mới kể từ ngày văn bản đó có hiệu lực mà không bắt buộc phải sửa đổi ngay Quy chế này.

CHƯƠNG IX. QUẢN LÝ VỐN, ĐẦU TƯ VÀ TÀI SẢN

Điều 38. Nguyên tắc quản lý vốn và tài sản

1. Nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn:

a) Vốn điều lệ và mọi nguồn vốn hợp pháp của Công ty (bao gồm vốn chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, vốn vay tín dụng, vốn huy động) phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, an toàn và đạt hiệu quả sinh lời cao nhất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển phần vốn nhà nước do Tập đoàn đại diện sở hữu tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và Điều 47, Điều 51 Điều lệ Công ty;

c) Mọi hành vi làm phân tán, thất thoát, lãng phí vốn, tài sản hoặc sử dụng tài sản của Công ty phục vụ lợi ích cục bộ, lợi ích riêng của cá nhân đều bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nguyên tắc thẩm quyền và trình tự pháp lý:

a) Việc đầu tư, mua sắm tài sản, góp vốn, mua bán chuyên nhượng cổ phần, phần vốn góp, cho thuê tài sản và quản lý sử dụng đất đai phải được quyết định đúng thẩm quyền phân cấp giữa ĐHCĐ, HĐQT và Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Đối với các nội dung mà Điều lệ Công ty hoặc pháp luật về quản lý vốn nhà nước quy định Người đại diện phần vốn của Tập đoàn phải xin ý kiến, Công ty và HĐQT phải bảo đảm hoàn tất thủ tục lấy ý kiến chấp thuận của Tập đoàn trước khi ban hành quyết định chính thức hoặc trước khi tham gia biểu quyết.

3. Chế độ kiểm kê, đánh giá tài sản: Công ty thực hiện kiểm kê thực tế định kỳ toàn bộ tài sản, vườn cây cao su, đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị và hàng tồn kho vào thời điểm kết thúc năm tài chính (ngày 31/12 hằng năm) hoặc kiểm kê đột xuất khi có yêu cầu tái cơ cấu, chia tách, hợp nhất, sáp nhập theo quy định của Luật Kế toán và Điều lệ Công ty. Mọi chênh lệch thừa, thiếu, tổn thất tài sản phải được lập biên bản xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm cá nhân và xử lý theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

Điều 39. Đầu tư, góp vốn và quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác

1. Lập hồ sơ và thẩm định phương án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Mọi khoản đầu tư ra ngoài Công ty (góp vốn thành lập doanh nghiệp mới, mua cổ phần/phần vốn góp tại doanh nghiệp khác, tăng vốn góp tại công ty con, công ty liên kết) bắt buộc phải có Hồ sơ dự án đầu tư hoàn chỉnh gồm tối thiểu:

a) Tờ trình phê duyệt chủ trương đầu tư nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu chiến lược và tính phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi: Đánh giá chi tiết năng lực tài chính, pháp lý của đối tác liên doanh, liên kết; phân tích thị trường, hiệu quả tài chính (tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR, giá trị hiện tại thuần - NPV, thời gian thu hồi vốn); phương án thu xếp nguồn vốn đối ứng và phương án quản trị rủi ro;

c) Ý kiến thẩm định độc lập về pháp lý, tài chính của bộ phận chuyên môn, Ban Kiểm soát hoặc đơn vị tư vấn độc lập;

d) Phương án thoái vốn, lộ trình rút vốn dự kiến trong trường hợp dự án không đạt hiệu quả hoặc khi có chủ trương cơ cấu lại danh mục đầu tư.

2. Thẩm quyền phê duyệt đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (theo Điều 15 và Điều 27 Điều lệ Công ty):

a) ĐHĐCĐ phê duyệt chủ trương đầu tư góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

b) HĐQT phê duyệt các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty theo đúng thẩm quyền và hạn mức phân cấp, phù hợp với quy định về quản lý vốn của Tập đoàn;

c) Đối với các khoản đầu tư góp vốn lớn, mang tính chiến lược hoặc thuộc danh mục Tập đoàn yêu cầu Người đại diện phần vốn phải xin ý kiến, HĐQT chỉ quyết định sau khi Tập đoàn có văn bản chấp thuận chủ trương.

3. Cử và quản lý Người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác:

a) HĐQT Công ty quyết định việc cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật và đánh giá Người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

b) Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác có trách nhiệm:

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ phần vốn góp của Công ty; tham gia biểu quyết các vấn đề tại doanh nghiệp đó theo đúng văn bản ủy quyền, chỉ đạo và định hướng của HĐQT hoặc Tổng Giám đốc Công ty;

- Định kỳ hàng quý, năm báo cáo Công ty về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, tài chính, việc phân phối lợi nhuận và thu hồi cổ tức từ doanh nghiệp được đầu tư;

- Chịu trách nhiệm trước HĐQT Công ty và pháp luật nếu biểu quyết trái chỉ đạo gây thất thoát vốn hoặc phương hại đến quyền lợi của Công ty.

Điều 40. Dự án đầu tư, tài sản và đất đai

1. Yêu cầu đối với hồ sơ dự án đầu tư phát triển: Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, năng

lượng tái tạo, đầu tư nhà máy chế biến mủ cao su phải tuân thủ nghiêm ngặt Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và Điều lệ Công ty. Hồ sơ dự án phải xác định rõ:

- a) Tên dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô công suất, địa điểm thực hiện, diện tích đất sử dụng;
- b) Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn (vốn tự có, vốn vay thương mại, vốn huy động khác) và phương án trả nợ vốn vay;
- c) Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc giấy phép môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- d) Tiến độ triển khai chi tiết từng giai đoạn và phương án khai thác kinh doanh bảo đảm hiệu quả.

2. Quản lý, xử lý tài sản và nhượng bán vườn cây cao su:

- a) Việc mua sắm, sửa chữa lớn máy móc thiết bị, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật phải thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn thông qua đấu thầu mua sắm hoặc đấu giá công khai theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty;
- b) Đối với việc thanh lý, cưa cắt vườn cây cao su hết chu kỳ khai thác hoặc thanh lý vườn cây để chuyển đổi mục đích sử dụng đất:
 - Phải lập phương án thanh lý chi tiết (xác định diện tích, mật độ cây, trữ lượng gỗ, giá trị thu hồi dự kiến) và tổ chức khảo sát, thẩm định giá độc lập theo quy định của Tập đoàn;
 - Thẩm quyền phê duyệt phương án thanh lý vườn cây thực hiện theo phân cấp của HĐQT và quy định của Tập đoàn;
 - Việc bán đấu giá cây cao su thanh lý phải được tổ chức công khai, rộng rãi qua các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thu hồi tối đa giá trị tài sản cho Công ty.

3. Quản lý và sử dụng đất đai:

- a) Đất đai là tư liệu sản xuất và tài sản chiến lược đặc biệt của Công ty. Tổng Giám đốc có trách nhiệm quản lý chặt chẽ toàn bộ quỹ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất khu công nghiệp được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo đúng quy hoạch, ranh mốc địa chính, đúng mục đích sử dụng và pháp luật đất đai;
- b) Tuyệt đối nghiêm cấm việc lấn chiếm, cho mượn, cho thuê lại đất trái quy định hoặc để đất đai bị hoang hóa, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp kéo dài;
- c) Đối với phương án thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cao su sang làm khu công nghiệp, khu đô thị hoặc bàn giao đất cho địa phương phát triển kinh tế - xã hội, HĐQT và Tổng Giám đốc phải lập phương án tổng thể, thẩm định kỹ lưỡng giá trị đền bù/hỗ trợ, bảo đảm quyền lợi hợp pháp

cao nhất của Công ty và người lao động, đồng thời hoàn tất thủ tục báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của Tập đoàn trước khi thực hiện.

CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN, MINH BẠCH VÀ BẢO MẬT

Điều 41. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Nguyên tắc công bố thông tin (theo Điều 51 và Điều 52 Điều lệ Công ty):

a) Là công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Công ty thực hiện việc công bố thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, trung thực và nhất quán theo quy định của Luật Chứng khoán, các nghị định hướng dẫn và quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Việc công bố thông tin phải bảo đảm mọi cổ đông và công chúng đầu tư có quyền tiếp cận thông tin bình đẳng, công bằng và thuận tiện cùng một thời điểm;

c) Khi xảy ra thông tin đồn thổi, tin thất thiệt làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường, Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phải kịp thời xác minh, cải chính hoặc giải trình công khai theo luật định.

2. Phương tiện và ngôn ngữ công bố thông tin:

a) Thông tin được công bố đồng thời trên hệ thống công bố thông tin điện tử của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu PHR niêm yết và trên trang thông tin điện tử chính thức của Công ty (mục Quan hệ cổ đông tại website: www.phr.vn);

b) Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác nhau giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

3. Người thực hiện công bố thông tin:

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty (Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc) là người chịu trách nhiệm cuối cùng trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của thông tin công bố;

b) Người đại diện theo pháp luật có thể trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác làm Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;

c) Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký HĐQT có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ việc cung cấp và lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ công bố thông tin theo chức năng,

nhiệm vụ được phân công. Người công bố thông tin và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác, đầy đủ và thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Điều 42. Quản lý thông tin nội bộ và thông tin mật

1. Xác định thông tin nội bộ và thông tin mật:

a) Thông tin nội bộ là toàn bộ các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, nhân sự, dự án đầu tư của Công ty chưa được công khai ra thị trường mà nếu bị tiết lộ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá cổ phiếu PHR hoặc tác động đáng kể đến quyết định giao dịch của nhà đầu tư;

b) Thông tin mật của Công ty bao gồm: Bí quyết công nghệ chế biến cao su; tài liệu thiết kế bản vẽ dự án; hợp đồng thương mại lớn đang đàm phán; báo cáo tài chính định kỳ chưa công bố; phương án tăng giảm vốn, chia cổ tức chưa được ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt chính thức; tài liệu liên quan đến các cuộc thanh tra, kiểm tra, vụ kiện tụng chưa có kết luận cuối cùng.

2. Trách nhiệm bảo mật thông tin (theo Khoản 5 Điều 13 và Điều 43 Điều lệ Công ty):

a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty, cán bộ công nhân viên và Người đại diện phần vốn của Tập đoàn có trách nhiệm giữ bí mật tuyệt đối các thông tin mật của Công ty trong suốt quá trình công tác và ngay cả sau khi đã chấm dứt nhiệm kỳ, thôi việc;

b) Chỉ được phép cung cấp thông tin mật cho bên thứ ba khi có văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc khi được Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc phê duyệt bằng văn bản;

c) Tuyệt đối nghiêm cấm việc sử dụng thông tin nội bộ, thông tin mật để trực tiếp hoặc gián tiếp mua bán cổ phiếu PHR (giao dịch nội gián), xúi giục, lôi kéo người khác mua bán cổ phiếu nhằm trục lợi hoặc né tránh thiệt hại tài chính trái pháp luật.

3. Quy trình kiểm soát thông tin trước khi phát hành: Mọi văn bản, thông cáo báo chí, báo cáo phát hành ra công chúng hoặc cung cấp cho cơ quan truyền thông báo chí phải được bộ phận pháp chế, phòng tài chính kế toán rà soát và được Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt trước khi phát ngôn.

Điều 43. Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông và cơ quan quản trị

1. Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông (theo Điều 12 và Điều 45 Điều lệ Công ty):

a) Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ Công ty, Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Báo

cáo tài chính năm đã kiểm toán và Báo cáo thường niên được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty hoặc trên website;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gửi văn bản yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo thẩm định của BKS, hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền thông qua của HĐQT (trừ tài liệu chứa bí mật kinh doanh, bí mật thương mại);

c) Yêu cầu của cổ đông phải được lập thành văn bản ghi rõ họ tên, mã số cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, vấn đề cần tra cứu và cam kết bảo mật thông tin; Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để cổ đông tra cứu trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.

2. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên HĐQT và BKS:

a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý các phòng ban, đơn vị thành viên cung cấp kịp thời, chính xác và đầy đủ mọi thông tin, tài liệu kế toán, hợp đồng, số liệu kỹ thuật phục vụ công tác quản trị và giám sát;

b) Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp tài liệu đầy đủ trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc; trường hợp tài liệu phức tạp cần kéo dài thời gian phải có văn bản nêu rõ lý do

3. Quyền tiếp cận thông tin của Người đại diện phần vốn của Tập đoàn:
Công ty chủ động cung cấp định kỳ hoặc đột xuất toàn bộ hồ sơ, dữ liệu quản trị cần thiết để Người đại diện phần vốn thực hiện đúng trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến theo quy chế quản lý vốn của Tập đoàn, bảo đảm không vi phạm các hạn chế về công bố thông tin của pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG XI. KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ ĐẠO ĐỨC

Điều 44. Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

1. Thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ:

a) Công ty xây dựng, vận hành và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đồng bộ, hiệu lực và toàn diện, bao gồm môi trường kiểm soát, quy trình đánh giá rủi ro, các hoạt động kiểm soát định kỳ, hệ thống thông tin truyền thông nội bộ và hoạt động giám sát đánh giá độc lập;

b) Hệ thống kiểm soát nội bộ được áp dụng cho tất cả các phòng ban chuyên môn tại văn phòng Công ty, các đội sản xuất, nhà máy chế biến, và các dự án đầu tư;

c) HĐQT chịu trách nhiệm định hướng, ban hành chính sách và giám sát việc vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro; BKS thực hiện chức năng kiểm tra độc lập tính tuân thủ và hiệu lực của hệ thống kiểm soát; Tổng Giám đốc chịu

trách nhiệm trực tiếp thiết lập, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực thi các quy trình kiểm soát cụ thể trong mọi khâu hoạt động hằng ngày.

2. Nhận diện và quản trị các nhóm rủi ro trọng yếu: Công ty thiết lập ma trận nhận diện, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các nhóm rủi ro trọng yếu sau:

a) *Rủi ro thị trường và giá cả:* Biến động giá bán mủ cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới và trong nước, biến động giá gỗ cao su thanh lý, giá thuê đất khu công nghiệp, tỷ giá hối đoái, lãi suất ngân hàng;

b) *Rủi ro sản xuất và nông nghiệp:* Thiên tai, hạn hán, bão lũ, sâu bệnh trên vườn cây cao su, biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến năng suất mủ và chất lượng vườn cây;

c) *Rủi ro pháp lý và đất đai:* Rủi ro tranh chấp ranh mốc đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất cao su sang đất công nghiệp, thay đổi quy hoạch địa phương và chính sách pháp luật về đất đai, đầu tư, môi trường;

d) *Rủi ro tài chính, đầu tư:* Mất cân đối dòng tiền, nợ xấu, nợ quá hạn, rủi ro dự án đầu tư chậm tiến độ, đội vốn tổng mức đầu tư, rủi ro thất thoát vốn tại các khoản đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp;

e) *Rủi ro môi trường, an toàn lao động:* Sự cố rò rỉ nước thải, mùi hôi tại nhà máy chế biến mủ cao su, cháy nổ, tai nạn lao động trên vườn cây và nhà xưởng;

f) *Rủi ro xung đột lợi ích và giao dịch bên liên quan:* Thiếu minh bạch trong định giá tài sản, chuyển dịch lợi nhuận, gian lận trong đấu thầu mua sắm vật tư nông nghiệp hoặc bán đấu giá thanh lý tài sản.

3. Quy trình báo cáo và kiểm soát rủi ro: Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro trong hoạt động của Công ty; kịp thời báo cáo HĐQT và Ban Kiểm soát về các rủi ro hoặc sự kiện nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động, tài chính hoặc lợi ích của Công ty và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Điều 45. Đạo đức, liêm chính và phòng ngừa vi phạm

1. Quy tắc chuẩn mực đạo đức và văn hóa doanh nghiệp:

a) Cán bộ quản lý, người điều hành và toàn thể người lao động Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa phải thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, liêm chính, tận tâm, trách nhiệm, tôn trọng pháp luật và đặt lợi ích hợp pháp của Công ty lên trên lợi ích cá nhân;

b) Tuyệt đối nghiêm cấm các hành vi: Đưa, nhận hối lộ, trích hoa hồng trái phép; lợi dụng chức vụ để sách nhiễu đối tác, cổ động, khách hàng thuê đất khu công nghiệp; lập chứng từ kế toán không hoặc cung cấp thông tin sai lệch cho cơ quan kiểm toán, cơ quan quản lý nhà nước và Tập đoàn.

2. Kênh tiếp nhận và xử lý tố cáo, phản ánh:

a) Công ty duy trì đường dây nóng, hộp thư điện tử bảo mật và hòm thư góp ý chuyên biệt do Ban Kiểm soát phối hợp với Tổ chức kiểm soát nội bộ quản lý để tiếp nhận thông tin phản ánh về gian lận, tham nhũng, lãng phí, vi phạm quy trình hoặc dấu hiệu xung đột lợi ích;

b) Toàn bộ thông tin phản ánh, danh tính của người cung cấp thông tin phải được bảo mật tuyệt đối theo quy định của pháp luật về tố cáo;

c) Nghiêm cấm mọi hành vi trù dập, đe dọa, trả thù hoặc tạo áp lực, gây bất lợi về điều kiện làm việc, tiền lương, bổ nhiệm đối với người cung cấp thông tin hợp pháp, trung thực.

3. Xử lý và khắc phục sai phạm: Mọi hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nội quy, quy chế sau khi được xác minh làm rõ phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo Nội quy lao động, Quy chế quản trị nội bộ hoặc chuyển giao cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý; đồng thời người có hành vi vi phạm phải bồi thường thiệt hại vật chất đã gây ra cho Công ty.

CHƯƠNG XII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, HỒ SƠ VÀ PHỐI HỢP

Điều 46. Chế độ báo cáo quản trị

1. Chế độ báo cáo của Tổng Giám đốc gửi Hội đồng quản trị (theo Điều 27 Điều lệ Công ty):

a) *Báo cáo định kỳ:* Báo cáo tháng, quý, 6 tháng và năm về kết quả sản xuất kinh doanh (sản lượng khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ mủ cao su, doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp,...), tình hình tài chính dòng tiền, tiến độ giải ngân các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, tình hình lao động tiền lương và tiến độ thực thi các nghị quyết của HĐQT;

b) *Báo cáo chuyên đề:* Báo cáo công tác quản lý sử dụng đất đai, báo cáo hiện trạng và kế hoạch thanh lý vườn cây cao su, báo cáo đánh giá hiệu quả vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết;

c) *Báo cáo đột xuất:* Báo cáo ngay khi xuất hiện các tranh chấp, khiếu kiện lớn, các biến động bất thường ảnh hưởng lớn đến nguồn vốn hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Chủ tịch HĐQT.

2. Chế độ báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông (theo Điều 15 Điều lệ Công ty):

a) HĐQT xây dựng và trình ĐHĐCĐ thường niên: Báo cáo kết quả hoạt động quản trị của HĐQT và từng thành viên HĐQT; Báo cáo giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành; Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, cổ tức, thù lao HĐQT và BKS;

b) Ban Kiểm soát lập và trình ĐHĐCĐ thường niên: Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, thẩm định báo cáo tài chính năm; Báo cáo đánh giá công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên.

3. Yêu cầu đối với nội dung báo cáo: Báo cáo quản trị phải dựa trên số liệu thực tế, trung thực, so sánh đối chiếu với kế hoạch năm và kết quả cùng kỳ; phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của các tồn tại, đánh giá rủi ro và đề xuất các giải pháp khắc phục cụ thể, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ.

Điều 47. Quản lý hồ sơ, nghị quyết và biên bản

1. Lập và quản lý hồ sơ quản trị (theo Điều 45 Điều lệ Công ty): Công ty có trách nhiệm lập, phân loại và bảo quản an toàn vĩnh viễn hoặc theo thời hạn quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Lưu trữ đối với các tài liệu sau tại trụ sở chính Công ty:

a) Điều lệ Công ty, các bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và toàn bộ hệ thống quy chế quản trị nội bộ;

b) Sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ qua các thời kỳ; hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động;

c) Hồ sơ các kỳ họp ĐHĐCĐ: Giấy mời họp, danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền, biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ, biên bản kiểm phiếu (kể cả biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản);

d) Hồ sơ các phiên họp HĐQT: Thông báo mời họp, tài liệu tờ trình, biên bản họp HĐQT, nghị quyết, quyết định của HĐQT, phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên HĐQT;

e) Hồ sơ họp, biên bản, kết luận kiểm tra, thẩm định của Ban Kiểm soát;

f) Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên soát xét, báo cáo thường niên, sổ sách kế toán và chứng từ kiểm toán;

g) Hồ sơ pháp lý đất đai, trích lục bản đồ địa chính, quyết định giao/thuê đất cao su, hồ sơ cấp phép đầu tư các khu công nghiệp.

2. Hồ sơ trình HĐQT/ĐHĐCĐ gồm các tài liệu cần thiết để làm rõ nội dung đề xuất, căn cứ pháp lý, phương án thực hiện, hiệu quả và tác động đối với Công ty, các rủi ro liên quan, ý kiến của các bộ phận có liên quan và các tài liệu chứng minh cần thiết, phù hợp với tính chất của từng vấn đề và quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.

3. Lưu trữ hồ sơ điện tử: Đối với các tài liệu, biên bản, dữ liệu biểu quyết điện tử, Công ty áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin lưu trữ an toàn, chống sửa đổi trái phép, có hệ thống sao lưu dự phòng định kỳ và bảo đảm khả năng tra cứu, trích

xuất chính xác khi có yêu cầu kiểm tra của BKS, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm toán.

Điều 48. Phối hợp giữa các cơ quan trong Công ty

1. Nguyên tắc phối hợp công tác: Quan hệ giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc là mối quan hệ phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ phân định theo Điều lệ Công ty; tôn trọng sự độc lập, khách quan của từng cơ quan, không can thiệp làm cản trở công việc của nhau, không đùn đẩy trách nhiệm và cùng hướng tới mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, bảo toàn vốn nhà nước.

2. Quy trình giải quyết công việc có sự phối hợp:

a) Khi một vấn đề cần sự phối hợp giải quyết giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc, cơ quan chủ trì phải có văn bản gửi hồ sơ và xác định rõ nội dung cần xin ý kiến, thời hạn trả lời (thông thường từ 03 đến 05 ngày làm việc);

b) Cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời bằng văn bản đúng thời hạn; trường hợp quá thời hạn mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận với phương án đề xuất của cơ quan chủ trì (trừ các trường hợp luật định yêu cầu phải có văn bản chấp thuận riêng);

c) Đối với các nội dung lớn, có ý kiến khác biệt, Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập cuộc họp liên tịch giữa Ban Thường trực HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc để thảo luận trực tiếp trước khi HĐQT ra quyết định cuối cùng theo thẩm quyền.

3. Nghiêm cấm lạm dụng cơ chế phối hợp: Tuyệt đối nghiêm cấm việc viển vông dẫn cơ chế xin ý kiến hoặc chờ đợi phối hợp để trì hoãn, né tránh trách nhiệm ra quyết định đối với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền riêng của cơ quan mình theo luật định và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XIII. TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 49. Trách nhiệm của người quản lý và người điều hành

1. Trách nhiệm pháp lý và hành chính (theo Điều 42 và Điều 44 Điều lệ Công ty):

a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trung thành, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích của Công ty;

b) Mọi hành vi cố ý làm trái các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT hoặc các điều khoản tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật nội bộ, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại (theo Điều 44 Điều lệ Công ty):

a) Người quản lý, người điều hành vi phạm nghĩa vụ, lạm dụng quyền hạn, thực hiện giao dịch vượt thẩm quyền hoặc biểu quyết thông qua các nghị quyết trái pháp luật, trái Điều lệ gây thiệt hại tài sản cho Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân vô hạn và bồi thường toàn bộ các thiệt hại thực tế phát sinh, bao gồm cả các khoản tiền phạt, án phí, chi phí thuê luật sư và các lợi ích bị mất của Công ty;

b) Thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên đã biểu quyết không tán thành hoặc bảo lưu ý kiến phản đối đối với nghị quyết, quyết định vi phạm đó được miễn trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại;

c) Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; tuy nhiên hợp đồng bảo hiểm này không chi trả cho các trách nhiệm bồi thường phát sinh từ hành vi cố ý vi phạm pháp luật, gian lận, tư lợi hoặc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm vật chất, dân sự, hành chính hoặc hình sự được xác định theo pháp luật; việc xử lý nội bộ không loại trừ trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 50. Xử lý vi phạm Quy chế

1. Hình thức kỷ luật nội bộ: Cá nhân, đơn vị vi phạm các quy định tại Quy chế này bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật sau:

a) Khiển trách bằng văn bản;

b) Kéo dài thời hạn nâng lương hoặc không xét khen thưởng, hạ bậc thi đua;

c) Cách chức, miễn nhiệm chức vụ quản lý;

d) Sa thải hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và Nội quy lao động của Công ty.

2. Thẩm quyền xử lý vi phạm:

a) ĐHĐCĐ xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm và quyết định các biện pháp chế tài đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS vi phạm;

b) HĐQT xem xét, quyết định hình thức kỷ luật, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị công ty;

c) Tổng Giám đốc xử lý kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý cấp phòng ban, xí nghiệp trực thuộc theo thẩm quyền phân cấp;

d) Đối với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty có hành vi vi phạm, HĐQT Công ty báo cáo Tập đoàn để xem xét xử lý trách nhiệm người đại diện phần vốn theo quy chế quản trị vốn nhà nước của Tập đoàn.

3. Khởi kiện bảo vệ quyền lợi Công ty: Trường hợp người quản lý, người điều hành không chịu bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận, HĐQT, Ban Kiểm soát hoặc một cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 01% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có

quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc người có hành vi vi phạm phải bồi hoàn toàn bộ thiệt hại cho Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung: Quy chế nội bộ về quản trị công ty này chỉ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa thông qua hợp pháp.

2. Trách nhiệm rà soát và đề xuất sửa đổi:

a) HĐQT có trách nhiệm định kỳ rà soát tính phù hợp của Quy chế này, đặc biệt khi có sự thay đổi lớn của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về quản lý vốn nhà nước, Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản lý vốn của Tập đoàn;

b) Khi phát hiện các nội dung của Quy chế không còn phù hợp hoặc mâu thuẫn với quy định mới của pháp luật và Điều lệ, HĐQT chủ trì phối hợp với Ban Kiểm soát soạn thảo tờ trình và dự thảo sửa đổi để trình ĐHĐCĐ xem xét tại kỳ họp gần nhất;

c) Việc sửa đổi, bổ sung chỉ tập trung vào các nội dung thực sự cần thiết nhằm bảo đảm tuân thủ luật định và Điều lệ, giải quyết các vướng mắc thực tiễn phát sinh; không sửa đổi chỉ thuần túy vì cách hành văn hoặc câu chữ khi bản chất quy định hiện hành vẫn áp dụng hiệu quả.

Điều 52. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty này gồm **14 Chương, 52 Điều** đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa thảo luận kỹ lưỡng và chính thức thông qua tại kỳ họp năm 2026; Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

2. Quy chế này thay thế hoàn toàn cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 447/QĐ-CSPH ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa kể từ thời điểm có hiệu lực.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký HĐQT, Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty, Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn, Đội trưởng các đội sản xuất, Quản đốc các nhà máy chế biến, Tổng giám đốc các Công ty con và toàn thể cổ đông Công ty có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này.

4. Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp điều hành của Tổng Giám đốc và các văn bản quản trị nội bộ khác tiếp tục có hiệu lực áp dụng song song nếu không trái với Quy chế

này, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành; trường hợp có mâu thuẫn thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn hoặc văn bản chuyên ngành điều chỉnh trực tiếp.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1534/TTr-CSPH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/05/2026;

Căn cứ Quyết định số 541/QĐ-HĐQTCSVN ngày 05/10/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thôi cử Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa đối với bà Nguyễn Thị Phi Nga;

Căn cứ Công văn số 841/HĐQTCSVN-TCCB ngày 05/10/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa;

Căn cứ Đơn xin thôi giữ chức vụ và thôi việc của bà Nguyễn Thị Phi Nga – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2026/NQ-CSPH ngày 06/10/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa về việc thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028 cụ thể như sau:

1. Thông tin thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ PHI NGÀ**

Ngày sinh: 25/11/1970

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Chức vụ miễn nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa nhiệm kỳ 2023 – 2028

Lý do miễn nhiệm:

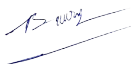
- Bà Nguyễn Thị Phi Nga có đơn xin thôi giữ chức vụ và thôi việc theo nguyện vọng cá nhân;

- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có Quyết định số 541/QĐ-HĐQTCSVN ngày 05/10/2026 về việc thôi cử bà Nguyễn Thị Phi Nga làm Người đại diện phần vốn của Tập đoàn (đại diện 15% vốn điều lệ), thôi giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.

Thời điểm có hiệu lực: Kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Đề xuất, kiến nghị:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua nội dung miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Phi Nga theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Huỳnh Kim Nhựt